

TỈNH ỦY CAO BẰNG
BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN

KỶ YẾU
TOẠ ĐÀM KHOA HỌC

"VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH CAO BẰNG
50 NĂM SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT (30/4/1975 - 30/4/2025):
THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN"

Cao Bằng, tháng 4 năm 2025

PHÁT BIỂU KHAI MẠC TỌA ĐÀM KHOA HỌC
Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng
50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025):
Thành tựu và định hướng phát triển

Đồng chí Bế Thanh Tịnh,
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ,
Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Kính thưa quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ!

Kính thưa toàn thể các đồng chí!

Trong không khí phấn khởi của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; kỷ niệm 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và hướng đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Thực hiện Kế hoạch số 316-KH/TU ngày 05/3/2024 của Tỉnh uỷ về tổ chức các hoạt động tổng kết 50 năm nền văn học, nghệ thuật (VHNT) Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025); được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ tổ chức Tọa đàm khoa học với chủ đề "*Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất: Thành tựu và định hướng phát triển*".

Đây là một hoạt động trọng tâm, hưởng ứng các hoạt động tổng kết 50 năm nền VHNT Việt Nam; nhằm khẳng định vị trí, vai trò, thành tựu và những đóng góp quan trọng của VHNT các dân tộc thiểu số và đội ngũ văn nghệ sĩ trong 50 năm qua, chặng đường phát triển của VHNT của tỉnh trong dòng chảy của nền VHNT Việt Nam từ sau ngày thống nhất đất nước đến nay; đồng thời nhận diện những khó khăn, thách thức, dự báo xu hướng, đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển VHNT của tỉnh trong giai đoạn mới. Thông qua Tọa đàm mong muốn huy động được công sức, trí tuệ, sự đóng góp của các nhà nghiên cứu, nhà quản lý văn hóa và đội ngũ văn nghệ sĩ vào việc nghiên cứu, phát hiện, gìn giữ, nhân rộng, lan tỏa, phát triển các giá trị văn hóa, VHNT đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số Cao Bằng. Kết quả của Tọa đàm khoa học sẽ là cơ sở dữ liệu để cấp uỷ, chính quyền xây dựng, hoạch định các chủ trương, chính sách về văn hóa, VHNT phù hợp với thực tiễn của tỉnh; là nguồn dữ liệu quan trọng để phát triển về sáng tác văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, hội họa, điêu khắc, kiến trúc và nhiếp ảnh với những tác phẩm giàu tính nhân văn, đậm đà bản sắc dân tộc, mang đậm hơi thở cuộc sống, phản ánh chân thực con người và vùng đất Non nước Cao Bằng; lan tỏa tinh thần và vẻ đẹp của Cao Bằng đến với công chúng yêu VHNT trên mọi miền đất nước; qua đó góp phần nâng cao chất

lượng hoạt động VHNT phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Thay mặt Ban tổ chức Tọa đàm, tôi nhiệt liệt chào mừng Nhà văn Cao Duy Sơn, Phó Chủ tịch Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam; Tiến sĩ Đỗ Thị Thu Huyền, Tạp chí Lý luận, phê bình VHNT - Hội đồng Lý luận Trung ương; đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội VHNT tỉnh và một số sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; đại diện Thường trực các huyện, thành ủy; các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ có tham luận đã dành thời gian quý báu tham dự và đóng góp cho Tọa đàm hôm nay. Chúc các đồng chí sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Kính thưa các đồng chí!

Sau những năm đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành các nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, VHNT đóng vai trò rất quan trọng trong công tác tư tưởng. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới đã khẳng định: *“Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người...”*. Từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp văn hóa, VHNT nước nhà. Sinh thời, Người từng khẳng định: *“Văn hóa còn thì dân tộc còn”, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”; “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”...*

Ngày 30/4/1975 đã khắc sâu vào tâm khảm mỗi người con đất Việt như một mốc son huy hoàng, đưa đất nước ta bước sang một trang sử mới - trang sử hòa bình, thống nhất, đổi mới và phát triển; đồng thời cũng mở ra cho văn hóa, văn nghệ nước nhà nói chung và Cao Bằng nói riêng một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn văn hóa, văn nghệ thống nhất, giao hòa, phát triển và từng bước hoàn thiện theo xu hướng hoà hợp dân tộc, chủ nghĩa xã hội. Đó là những tiền đề hết sức quan trọng tạo điều kiện cho văn hóa, VHNT phát triển mạnh mẽ trong tính tổng thể, toàn vẹn, tiến bộ và cách mạng, đồng hành với công cuộc đổi mới đất nước.

Cao Bằng không chỉ là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nhiều di tích lịch sử, mà còn là nơi hội tụ và giao thoa văn hóa - nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chỉ, Lô Lô,... với những bản sắc văn hóa phong phú và đa dạng; những thành quả và quá trình phát triển của VHNT Cao Bằng cũng là kết quả đóng góp của các dân tộc thiểu số của tỉnh. Thành quả của VHNT Cao Bằng đã từng bước ghi dấu ấn trên bản đồ VHNT cả nước. Các tác phẩm VHNT qua các thời kỳ không chỉ phản ánh đời sống người dân mà còn tái hiện vẻ đẹp đa dạng của mảnh đất và con người Cao Bằng; đóng góp tích cực trong việc lưu giữ, bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa đặc sắc

của đồng bào các dân tộc; góp phần hình thành các giá trị chân, thiện, mỹ của nhân dân,... đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của Nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đáng ghi nhận, VHNT các dân tộc thiểu số Cao Bằng cũng đang đối mặt với một số khó khăn, thách thức: chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các dân tộc ở một số địa phương trên địa bàn chưa được quan tâm đúng mức; VHNT chưa thực sự gắn với du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, lực lượng làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình về VHNT còn thiếu, chưa theo kịp thực tiễn, sự mai một của tiếng nói, chữ viết dân tộc; sự suy giảm về đội ngũ sáng tác trẻ; hay việc thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số,... Đó cũng là lý do mà Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ tổ chức Tọa đàm hôm nay để nhìn lại chặng đường 50 năm qua, đánh giá khách quan những thành quả đã đạt được, chỉ ra một số khó khăn, thách thức; đồng thời đề xuất các giải pháp thiết thực cho sự phát triển bền vững của văn hóa, VHNT các dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

Kính thưa các vị đại biểu, khách quý!

Với nhận thức sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hoá, VHNT các dân tộc thiểu số Cao Bằng trong giai đoạn phát triển mới, khi đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; với tinh thần làm việc nghiêm túc, tâm huyết, trách nhiệm, thảo luận dân chủ, phát huy trí tuệ, cởi mở và sáng tạo, tôi tin tưởng rằng Tọa đàm khoa học hôm nay sẽ là một diễn đàn, sẽ có nhiều ý kiến trao đổi, thảo luận khoa học, sâu sắc, tạo tiền đề cho sự phát triển của VHNT trong những năm tới; hy vọng tài liệu Tọa đàm sẽ là tài liệu có giá trị trong nghiên cứu, phổ biến tuyên truyền, học tập cũng như việc đổi mới nội dung, phương thức sáng tác, phản ánh một cách sinh động đời sống con người và vùng đất nơi biên cương Tổ quốc trong thời gian tới. Với tinh thần đó, tôi xin khai mạc Tọa đàm khoa học "*Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất: Thành tựu và định hướng phát triển*".

Một lần nữa, xin cảm ơn sự có mặt của các quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, nhà quản lý văn hóa, các văn nghệ sĩ và toàn thể quý vị đã dành thời gian tham dự và góp phần thành công cho Tọa đàm khoa học hôm nay. Chúc buổi tọa đàm thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!



BÁO CÁO ĐỀ DẪN TOẠ ĐÀM KHOA HỌC
"Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng
50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025):
Thành tựu và định hướng phát triển"

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Văn học nghệ thuật (VHNT) là một hình thái ý thức xã hội đặc thù; là lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm, tinh tế của văn hóa, thể hiện khát vọng của Nhân dân về chân, thiện, mỹ. Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp VHNT nước nhà. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: *Văn hóa, nghệ thuật phải gắn với thực tiễn cuộc sống, với bộ đội và Nhân dân, phục vụ tốt nhất nhu cầu của cách mạng*. Người chỉ rõ: *Văn hóa, văn nghệ là một mặt trận; người nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy...*. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *"Nhiệm vụ của văn hóa mới là phải lấy hạnh phúc của đồng bào, sự nghiệp đấu tranh của dân tộc làm nội dung phản ánh, đồng thời phải tiếp thu những kinh nghiệm của văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng"*. Như vậy, văn hóa, VHNT đóng vai trò rất quan trọng trong công tác tư tưởng, không chỉ mang lại sức mạnh tinh thần và giá trị nhân văn cho xã hội, mà còn có vai trò rất to lớn trong việc phát triển tư tưởng, hình thành ý chí của con người.

Cao Bằng không chỉ là vùng đất giàu truyền thống cách mạng hào hùng, nhiều di tích lịch sử, mà còn là nơi hội tụ và giao thoa văn hóa - nơi sinh sống của trên 20 dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chỉ, Lô Lô,... với những bản sắc văn hóa phong phú và đa dạng. Cao Bằng được biết đến là một vùng đất miền biên viễn xa xôi của Tổ quốc: *"Cao Bằng gạo trắng, nước trong; ai đi đến đó lòng không muốn về"*, là địa phương duy nhất được gọi là *"Non Nước Cao Bằng"* đã đi vào thơ ca từ bao đời nay: *"Nàng về nuôi cái cùng con, để anh đi trẩy nước non Cao Bằng"*. Cao Bằng không chỉ là vùng đất với vẻ đẹp hài hòa của thiên nhiên mà còn là vùng đất của những tâm hồn sáng tạo; gắn liền với những con người không ngừng cống hiến để xây dựng và phát triển nền văn hóa, VHNT đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong dòng chảy chung của VHNT Việt Nam sau 50 năm đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025), VHNT Cao Bằng, với những bản sắc riêng có khá đặc biệt, đã tạo sự lan tỏa, trở thành cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, bệ phóng cho tương lai; kết tinh những giá trị cốt lõi của quê hương cội nguồn cách mạng Cao Bằng qua từng thế hệ. Thành quả của VHNT Cao Bằng đã từng bước ghi dấu ấn trên bản đồ VHNT cả nước. Các tác phẩm VHNT không chỉ phản ánh đời sống người dân mà còn tái hiện vẻ đẹp đa dạng của mảnh đất và con người Cao Bằng; đóng góp rất tích cực trong việc lưu giữ, bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc, góp phần hình thành các giá trị

chân, thiện, mỹ của Nhân dân. Đó là sự phát triển về sáng tác văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, hội họa, điêu khắc, kiến trúc và nhiếp ảnh với những tác phẩm giàu tính nhân văn, đậm đà bản sắc dân tộc, mang đậm hơi thở cuộc sống, phản ánh chân thực con người và vùng đất Non nước Cao Bằng; lan tỏa tinh thần và vẻ đẹp của Cao Bằng đến với công chúng yêu VHNT trên mọi miền đất nước,... đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của Nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đáng ghi nhận, VHNT các dân tộc thiểu số Cao Bằng cũng đang đối mặt với một số thách thức, khó khăn: Sự giao thoa văn hóa, tác động của nền kinh tế thị trường; thị hiếu, nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng đa dạng của công chúng; sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và công nghệ số đang đặt ra yêu cầu cấp thiết về bảo tồn và phát triển. Làm thế nào để VHNT của đồng bào dân tộc thiểu số không bị mai một mà tiếp tục phát triển mạnh mẽ? Làm thế nào để những giá trị của văn hóa truyền thống được kế thừa và phát huy trong thời đại mới? Làm thế nào xây dựng, phát triển lực lượng làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình VHNT theo kịp tình hình thực tiễn? Làm thế nào để VHNT thực sự gắn với du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương?

Cụ thể hoá Kế hoạch số 316-KH/TU ngày 05/3/2024 của Tỉnh uỷ Cao Bằng về tổ chức các hoạt động tổng kết 50 năm nền VHNT Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025), với vai trò cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ về các lĩnh vực công tác Tuyên giáo và dân vận, trong đó, có công tác văn hoá, văn nghệ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ đã ban hành Kế hoạch số 15-KH/BTGDVTU ngày 28/3/2025 về tổ chức Tọa đàm khoa học cấp tỉnh, chủ đề: *"Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025): Thành tựu và định hướng phát triển"*.

Tọa đàm khoa học lần này là một hoạt động trọng tâm, hưởng ứng các hoạt động tổng kết 50 năm nền VHNT Việt Nam; nhằm khẳng định vị trí, vai trò, thành tựu và những đóng góp quan trọng của VHNT các dân tộc thiểu số và đội ngũ văn nghệ sĩ trong 50 năm qua, chặng đường phát triển của VHNT của tỉnh trong dòng chảy của nền VHNT Việt Nam từ sau ngày thống nhất đất nước đến nay; đồng thời nhận diện những khó khăn, thách thức, dự báo xu hướng, đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển VHNT của tỉnh trong giai đoạn mới.

Thông qua nội dung Tọa đàm khoa học, tiếp tục cổ vũ, động viên, phát huy tài năng, tâm huyết của đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh tiếp tục sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần bồi đắp, khơi dậy mạnh mẽ tình yêu quê hương, đất nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự chuyển biến tích cực trong thi đua thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và khát vọng phát triển quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tổ chức tọa đàm là một diễn đàn để các cơ quan chỉ đạo, định hướng, quản lý nhà nước, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu văn hóa, đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trao đổi, có được nhận thức, thống nhất đánh giá một cách toàn diện, nghiêm túc, đúng thực tế, khách quan, toàn diện, sâu sắc, đưa ra được định hướng phát triển cụ thể phù hợp quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và VHNT. Từ đó, đề xuất những giải pháp, góp phần thúc đẩy phát triển VHNT các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng thời gian tới.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Kế hoạch của Tỉnh uỷ, với chức năng nhiệm vụ được giao, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ đã chủ động phối hợp với Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu cho Thường trực Tỉnh uỷ đánh giá kết quả tổng kết 50 năm nền VHNT Cao Bằng sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025). Nội dung báo cáo được in ấn cùng với các tham luận của Tọa đàm, cung cấp một bức tranh khá toàn diện và chân thực về nền VHNT của Cao Bằng trong 50 năm qua. Cùng với đó, Ban tổ chức Tọa đàm đã nhận được 15 bài tham luận, phát biểu của các đơn vị, các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, các văn nghệ sĩ trong và ngoài tỉnh. Khẳng định sự quan tâm, trách nhiệm, tâm huyết của đông đảo các cơ quan, tổ chức, nhà nghiên cứu và văn nghệ sĩ trong và ngoài tỉnh với chủ đề Tọa đàm. Nội dung các bài tham luận có tính khoa học cao, phân tích, lý giải những nội dung liên quan đến VHNT theo từng góc độ, từng lĩnh vực, đó chính là những chất liệu quan trọng làm sáng tỏ thêm chủ đề của Tọa đàm.

Trên cơ sở đó, Ban tổ chức Tọa đàm đề xuất những nhóm vấn đề chính cần được các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, văn nghệ sĩ, các quý vị đại biểu tập trung trao đổi, bàn thảo trên tinh thần cởi mở, thẳng thắn, khoa học, khách quan tại Tọa đàm khoa học lần này, bao gồm:

Thứ nhất, đánh giá, khẳng định đường lối, chính sách văn hóa, VHNT đúng đắn, sáng tạo của Đảng, Nhà nước và của tỉnh ta trong tiến trình xây dựng và phát triển văn hóa, VHNT qua 50 năm đất nước thống nhất, hòa bình, phát triển và đổi mới. Trong nội dung này, đề nghị các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ tập trung phát biểu liên quan đến việc đánh giá trong thực tiễn, những kết quả chung của nền VHNT Việt Nam qua từng giai đoạn cụ thể trong cả quá trình 50 năm sau ngày đất nước thống nhất, minh chứng khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với lĩnh vực VHNT.

Thứ hai, khẳng định vị trí, vai trò của VHNT nói chung trong đời sống xã hội; vị trí, vai trò và những dấu ấn đậm nét của VHNT Cao Bằng trên tất cả các lĩnh vực; khẳng định vai trò của VHNT trong xây dựng văn hóa, con người Cao Bằng. Đây là nhóm vấn đề chiếm dung lượng cơ bản trong tham luận của các nhà quản lý, các văn nghệ sĩ... với góc nhìn từ nhiều lĩnh vực như văn học, mỹ thuật, kiến trúc, nghệ thuật biểu diễn; nhiều ngành: giáo dục, báo chí... làm rõ thêm những dấu ấn đậm nét của VHNT Cao Bằng, những kết quả tác động tích cực của VHNT đối với đời sống xã hội trong thời gian qua. Trên cơ sở đó tiếp

tục khẳng định vị trí, vai trò của VHNT nói chung trong đời sống xã hội, vị trí, vai trò và tác động tích cực của VHNT Cao Bằng trong xây dựng, bồi đắp giá trị cốt lõi, tốt đẹp của văn hoá, con người Cao Bằng.

Thứ ba, phân tích những thành tựu, hạn chế, khó khăn, những vấn đề đặt ra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành và cụ thể hóa, thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực VHNT của tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất. Từ đó, đánh giá sự tương đồng và khác biệt của VHNT Cao Bằng với VHNT các tỉnh trong khu vực và cả nước để thấy được vị trí, vai trò, những đóng góp của VHNT và đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng trong quá trình đồng hành cùng sự phát triển của tỉnh và đất nước.

Đối với nội dung này, các ý kiến tham luận, thảo luận tập trung phát biểu những nội dung cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với lĩnh vực VHNT trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Nhất là việc quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản chỉ đạo xây dựng và phát triển VHNT trên địa bàn tỉnh.

Trong tài liệu cung cấp cho đại biểu, nội dung tham luận của UBND tỉnh đã đề cập khá toàn diện các nội dung liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển VHNT trong tình hình mới; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng phát triển về số lượng và chất lượng, cổ vũ, động viên các văn nghệ sĩ phát huy tài năng, tâm huyết sáng tạo trong hoạt động nghệ thuật của mình, đóng góp tích cực trong sự phát triển chung của tỉnh. Đồng thời chỉ rõ, bên cạnh những kết quả đạt được, nền VHNT tỉnh Cao Bằng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể: Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ hoạt động VHNT còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Việc tổ chức trại sáng tác, hội thảo, triển lãm, các sự kiện VHNT còn hạn chế; thiết chế văn hóa phục vụ sáng tác, biểu diễn, phổ biến tác phẩm chưa thực sự đồng bộ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của Nhân dân. Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác VHNT ở cơ sở còn thiếu và hạn chế về chuyên môn. Số lượng văn nghệ sĩ chưa nhiều, đội ngũ sáng tác có xu hướng già hóa, tác giả trẻ chỉ chiếm khoảng 3%; lực lượng nghiên cứu, lý luận, phê bình VHNT còn thiếu, chưa theo kịp thực tiễn; nguồn nhân lực nghiên cứu và sáng tác chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển VHNT hiện đại. Số lượng tác phẩm VHNT có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao còn khiêm tốn; hoạt động VHNT chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội đất nước, địa phương. Bên cạnh đó, là những góc nhìn từ nội dung tham luận của Ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Hội VHNT,... là những cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ tham mưu trực tiếp liên quan đến lĩnh vực VHNT.

Thứ tư, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ, xu hướng của đội ngũ văn nghệ sĩ, thị hiếu của công chúng trên địa bàn tỉnh đối với VHNT;

quá trình kế thừa, giữ gìn, tiếp biến, phát triển của nền VHNT cách mạng trên địa bàn tỉnh; những vấn đề đặt ra trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, VHNT đã, đang và cần được giải quyết; sự đóng góp của VHNT tỉnh nhà đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và những vấn đề cần quan tâm.

Thứ năm, đề xuất định hướng, giải pháp nâng cao chất lượng VHNT, chất lượng đội ngũ, tác phẩm, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu thưởng thức của công chúng và yêu cầu xây dựng, phát triển văn hóa, văn nghệ tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, khoa học, dân chủ, nhân văn trên địa bàn tỉnh gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ mới. Nhất là trong xu thế hiện nay, để cùng với cả nước chuyển mình bước vào kỷ nguyên mới, đặt ra yêu cầu cho VHNT, cần gắn với tư duy chuyển đổi số; đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh chủ động tiếp cận, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các nền tảng kỹ thuật số; khuyến khích đổi mới hình thức tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm VHNT trên các nền tảng số.

Từ kết quả Toạ đàm, trên cơ sở những nội dung được thảo luận thống nhất, chính là cơ sở khoa học để cấp uỷ, chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước về VHNT, đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng tiếp tục có những giải pháp mới, tiếp tục nỗ lực để cho VHNT Cao Bằng ngày càng phát triển khởi sắc và hội nhập.



BÁO CÁO

**Tổng kết 50 năm nền văn học nghệ thuật Cao Bằng
sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025)**
(Nội dung chính báo cáo số 575-BC/TU ngày 21/4/2025
của Tỉnh uỷ Cao Bằng)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU 50 NĂM NỀN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TỈNH CAO BẰNG SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên 6.724,72km², đường biên giới giáp với Trung Quốc trên 333km. Tỉnh hiện có 10 huyện, thành phố với 161 xã, phường, thị trấn (*trong đó có 07 huyện biên giới và 40 xã, thị trấn biên giới*); Đảng bộ tỉnh có 15 đảng bộ trực thuộc, 519 tổ chức cơ sở đảng với 63.522 đảng viên. Dân số toàn tỉnh trên 54 vạn người, trên 20 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, trong đó các dân tộc thiểu số chiếm trên 95% dân số toàn tỉnh, chủ yếu là dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô với bản sắc văn hóa phong phú, góp phần tạo nên một nền văn học, nghệ thuật đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc.

Cao Bằng là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng, Nhân dân có truyền thống yêu nước, anh dũng, bất khuất chống giặc ngoại xâm, cần cù, sáng tạo; là vùng đất được thiên nhiên ban tặng nhiều cảnh sắc hùng vĩ tươi đẹp với nhiều di tích lịch sử - văn hóa¹ và danh lam thắng cảnh² nổi tiếng. Với những giá trị về di sản văn hóa, địa chất đa dạng, phong phú (*trong đó có nhiều di sản có giá trị tầm cỡ quốc tế; nhiều danh lam thắng cảnh đậm nét hoang sơ, có giá trị du lịch cao*); tháng 4/2018, Công viên địa chất “Non nước Cao Bằng” được tổ chức UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu. Năm 2025, Cao Bằng có 02 bảo vật quốc gia³; 07 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁴; đặc biệt, di sản thực hành Then của người Tày - Nùng - Thái ở Việt Nam chính thức được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (*trong đó có di sản Nghi lễ Then của người Tày tỉnh Cao Bằng*). Điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa đã tạo nên một bản

¹ Tỉnh có 271 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh với 103 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 03 Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt: Pác Bó, Rừng Trần Hưng Đạo, địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An; có 26 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 74 di tích xếp hạng cấp tỉnh.

² Thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, Hồ Thang Hen, Mát Thần núi, Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén,...

³ Đồi chuông chùa Viên Minh, đền Quan Triều (*xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng*) và Bia Ma Nhai Ngự Chế của vua Lê Thái Tổ (*xã Hồng Việt, huyện Hòa An*).

⁴ Nghi lễ Then Tày tỉnh Cao Bằng; Lễ hội Nàng Hai, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa; nghề rèn truyền thống của người Nùng An, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa; Lễ hội tranh đầu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa; tri thức dân gian, nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình; Nghệ thuật trình diễn dân gian Lượn Cọi của người Tày ở 03 xã Yên Thổ, Nam Quang, Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm; nghề Dệt thổ cẩm của người Tày xóm Luống Nọi, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng.

sắc văn hóa của mỗi dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ; các dân tộc đều dùng tiếng mẹ đẻ giao tiếp trong cuộc sống thường ngày⁵. Vào những năm cuối của thập niên 60 và đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, tiếng Tày - Nùng có chữ viết riêng đã phổ cập vào hệ thống giáo dục bậc tiểu học. Đây là một trong những đặc điểm ảnh hưởng trực tiếp đến Văn học nghệ thuật (VHNT) của Cao Bằng. Ngôn ngữ chủ đạo trong các loại hình nghệ thuật biểu diễn của người Cao Bằng là tiếng Tày - Nùng. Về lĩnh vực văn học, người Tày có nền văn học đạt đến trình độ cao bao gồm: Văn học thành văn và văn học dân gian truyền miệng; về lĩnh vực nghệ thuật, trong đó nghệ thuật biểu diễn là bộ phận có sức sống bền bỉ nhất, các dân tộc đều gìn giữ được vốn dân ca cổ truyền đặc trưng. Ngoài các loại hình VHNT nói trên, Cao Bằng còn là miền đất với nhiều lễ hội dân gian truyền thống; có 109 lễ hội⁶, tiêu biểu có 02 lễ hội đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (*Lễ hội Nàng Hai, xã Tiên Thành và Lễ hội Tranh đầu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa*). Với một vùng văn hóa đa sắc màu, Cao Bằng sở hữu một kho tàng văn hóa dân gian rất đa dạng và phong phú; là mảnh đất màu mỡ ươm mầm tài năng nghệ thuật ca, múa, nhạc, sân khấu dân gian các dân tộc và là nơi sản sinh, nuôi dưỡng các thể hệ nghệ nhân dân gian, văn nghệ sĩ ở các lĩnh vực, loại hình VHNT.

Bên cạnh những thuận lợi, Cao Bằng còn nhiều khó khăn, thách thức như: Trình độ dân trí không đồng đều, giao thông đi lại chưa thuận lợi; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, biên giới còn cao; nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế, văn hóa - xã hội tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chủ yếu còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ Trung ương, đây là những khó khăn, thách thức lớn trong quá trình triển khai, thực hiện Chiến lược văn hóa, phát triển VHNT; nguồn kinh phí, công tác xã hội hóa dành cho các hoạt động văn hóa, VHNT còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác tuyên truyền gặp nhiều khó khăn về lực lượng, hạn chế về phương tiện, phương pháp, hiệu quả. Bên cạnh đó, Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, mặt trái của cơ chế thị trường đã chi phối tư duy, sáng tạo của những người hoạt động trong lĩnh vực VHNT; môi trường trên không gian mạng gây khó khăn cho công tác quản lý sản phẩm VHNT, ngăn ngừa các tác phẩm xấu độc; nhiều tác phẩm VHNT tác động đến nhận thức, thẩm mỹ của công chúng; các đề tài lớn của nền VHNT cách mạng chưa được giới văn nghệ sĩ quan tâm, tập trung trí tuệ sáng tác. Nhiều loại hình VHNT truyền thống chưa được quan tâm đúng mức, đứng trước nguy cơ mai một; giới trẻ hiện nay ưa chuộng văn hóa hiện đại, ít tham gia các

⁵ Người Tày và người Dao hiện vẫn giữ được chữ viết (*chữ Nôm Tày và Nôm Dao*). Người Tày và người Nùng thuộc ngữ hệ Tày - Thái với số dân chiếm tới 74% dân số toàn tỉnh nên tiếng Tày - Nùng được cộng đồng các dân tộc sử dụng như tiếng phổ thông trong quan hệ xã hội, trong cuộc sống đời thường và trong sáng tạo VHNT.

⁶ 01 lễ hội cấp tỉnh, 07 lễ hội cấp huyện, 82 lễ hội cấp xã, 19 lễ hội cấp xóm.

hoạt động sáng tạo, bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc, do đó ảnh hưởng tới việc giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của VHNT trong tiến trình lịch sử cũng như trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước; trong những năm qua, bám sát các văn bản lãnh đạo của các bộ, ban, ngành Trung ương về lĩnh vực VHNT, Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác VHNT, tạo điều kiện cho hoạt động lao động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân, người làm công tác VHNT trên địa bàn tỉnh, hoạt động VHNT tại địa phương ngày càng khởi sắc, có bước phát triển rõ rệt, đóng góp quan trọng vào tiến trình xây dựng, phát triển tỉnh Cao Bằng trong thời kỳ mới.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết

Sau những năm đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản về phát triển văn hóa, VHNT tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết số 23-NQ/TW khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới và Nghị quyết số 33-NQ/TW khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của VHNT; Tỉnh uỷ, UBND tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản chỉ đạo xây dựng và phát triển VHNT trên địa bàn tỉnh⁷.

Thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 12/8/1998 của Bộ Chính trị về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII và Hướng dẫn số 57-HD/TTVH, ngày 15/8/1998 của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (*nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương*) về hướng dẫn tổ chức nghiên cứu quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII, Tỉnh uỷ đã ban hành Kế hoạch số 43-KH/TU, ngày 23/9/1998 về tổ chức nghiên cứu quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII trên phạm vi toàn tỉnh; tổ chức Hội nghị nghiên cứu, quán triệt và thông qua Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá

⁷ Tỉnh uỷ ban hành: Chương trình động số 40-CTr/TU, ngày 10/10/2008 về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá X về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT giai đoạn 2008-2010 và tầm nhìn đến 2020; Hướng dẫn số 03-HD/TU, ngày 19/7/2011 về thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư khoá X về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hoá độc hại gây huỷ hoại đạo đức xã hội; Chương trình hành động số 51-CTr/TU, ngày 07/10/2014 về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Hướng dẫn số 07-HD/TU, ngày 25/01/2017 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với các văn bản thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về văn hoá như: Chỉ thị số 36/CT-TU, ngày 01/4/2020 về bảo tồn và phát huy dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện: Quyết định số 1392/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 51-CTr/TU, ngày 07/10/2014 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Kế hoạch số 287/KH-UBND, ngày 04/02/2021 về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

VIII (tháng 10/1998). Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Quyết định số 961-QĐ/TU, ngày 30/11/1998 về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII. Trên cơ sở Kế hoạch của Tỉnh uỷ, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII đã xây dựng Kế hoạch chỉ đạo, triển khai thí điểm ở một số huyện, thị, ban, ngành⁸; chỉ đạo các đơn vị, địa phương xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết; tổ chức học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII tới toàn thể cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh⁹.

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và Hướng dẫn số 47-HD/BTGTW, ngày 06/8/2008 của Ban Tuyên giáo Trung ương, Tỉnh uỷ đã ban hành Kế hoạch số 77-KH/TU, ngày 16/9/2008 về nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW; tổ chức Hội nghị cấp tỉnh quán triệt, triển khai Nghị quyết; chỉ đạo các huyện, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt ở cấp mình, đồng thời chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ¹⁰ đến cơ sở¹¹.

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khoá XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Tỉnh uỷ đã ban hành Kế hoạch số 255-KH/TU, ngày 21/7/2014 về tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ Chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của tỉnh mới ban hành (đợt II/2014) (*trong đó có Nghị quyết số 33-NQ/TW*) đến lãnh đạo chủ chốt của tỉnh; lãnh đạo các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ¹²; chỉ đạo các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt ở cấp mình, đồng thời chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ đến cơ sở¹³.

Công tác tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết được triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Qua đó đã tạo sự chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội; nhận thức của người đứng đầu các cấp uỷ đảng, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể về tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt

⁸ Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 07/01/1999.

⁹ Tháng 01/1999, toàn Đảng bộ tỉnh đã hoàn thành việc tổ chức triển khai, quán triệt học tập Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII với 96% cán bộ, đảng viên và 85% quần chúng Nhân dân tham gia.

¹⁰ Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 10/10/2008 về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

¹¹ Các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết ở cấp mình và chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc lãnh đạo, tổ chức thực hiện; tỷ lệ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia học tập đạt trên 95%.

¹² Cấp tỉnh mở được 02 hội nghị với 165 đồng chí tham gia.

¹³ Các huyện, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ mở được 19 lớp với 2.111 cán bộ, đảng viên tham gia học tập; đảng uỷ cơ sở và chi bộ cơ sở: 844 lớp cho 39.605 lượt cán bộ, đảng viên tham gia học tập; kết quả triển khai trong toàn tỉnh đạt 94,3% cán bộ, đảng viên tham gia học tập.

Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững quê hương, đất nước.

Các chủ trương, chính sách của Đảng về VHNT ngày càng phát huy hiệu quả, làm thay đổi nhận thức về vị trí, vai trò của hoạt động VHNT trong đời sống xã hội. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ lần thứ 4 phát triển góp phần quan trọng cho việc quảng bá hình ảnh văn hóa con người Cao Bằng đến với bạn bè trong nước và quốc tế; góp phần khẳng định vị thế, vai trò của VHNT trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

2. Công tác tuyên truyền

Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng tạo nên sự đồng thuận trong việc tổ chức thực hiện các văn bản của Trung ương, của tỉnh về văn hoá, VHNT; các cấp uỷ đảng, chính quyền đã quan tâm chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng nội dung chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ¹⁴. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ hướng dẫn tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú như: Trên hệ thống Đài Truyền thanh - Truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở; tuyên truyền miệng, qua Internet, mạng xã hội; tuyên truyền trực quan tuyên truyền qua báo chí, các cuộc thi, các hoạt động văn hóa, văn nghệ; hội thi, hội diễn; trong các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ của cơ quan, đơn vị, thôn, xóm, tổ dân phố, chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước và địa phương đảm bảo an toàn, tiết kiệm và lành mạnh.

Công tác tuyên truyền miệng thực hiện Nghị quyết được đẩy mạnh thông qua các hoạt động tuyên truyền trực tiếp của cấp uỷ, tổ chức đảng, qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp và cán bộ, viên chức ngành văn hóa, Hội VHNT tỉnh, các chi hội bảo tồn dân ca các huyện, thành phố, hạt nhân văn nghệ tổ, xóm dân cư... Nội dung trọng tâm là tuyên truyền nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về VHNT trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; động viên, khích lệ tinh thần lao động sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ; bồi dưỡng, khơi dậy tình yêu VHNT trong các tầng lớp Nhân dân; gắn tuyên truyền văn hóa, VHNT với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh - Truyền hình (PTTH) Cao Bằng phát huy vai trò là các kênh thông tin đại chúng, duy trì, mở mới các chuyên mục tuyên truyền, phổ biến VHNT, nổi bật là các chuyên mục: Văn học - Nghệ thuật, Non nước Cao Bằng, giữ gìn bảo tồn văn hóa các dân tộc của Báo Cao Bằng,

¹⁴ Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới; Kết luận số 51-KL/TW, ngày 22/7/2009 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây nguy hại đạo đức xã hội...

với các thông tin đa dạng, phong phú, nhiều chiều đến độc giả; các chuyên mục Văn hóa - Văn nghệ - Thể thao, Âm nhạc kết nối, Văn nghệ tổng hợp tiếng Việt, Văn nghệ tiếng Tày - Nùng, Mông, Dao... của Đài PTTH Cao Bằng đã góp phần quan trọng vào việc quảng bá các tác phẩm VHNT, đồng thời làm phong phú đời sống tinh thần, bồi dưỡng tình yêu VHNT trong các tầng lớp Nhân dân.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, hướng dẫn các hoạt động VHNT, tuyên truyền lưu động, đưa thông tin về cơ sở; tuyên truyền trực quan qua hệ thống pa nô, áp phích, khẩu hiệu... giúp cho các loại hình VHNT, các tác phẩm, sáng tác mới của văn nghệ sĩ đến với đông đảo công chúng, góp phần xây dựng con người Cao Bằng phát triển toàn diện.

Cấp uỷ các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ luôn tâm huyết, nhiệt tình tham gia lao động sáng tạo nghệ thuật, sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị; đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, hội viên tích cực hưởng ứng tham gia các hoạt động phong trào. Việc thực hiện đồng bộ các hình thức tuyên truyền từ tỉnh đến cơ sở, lựa chọn nội dung, cách thức phù hợp với tình hình thực tiễn, thay đổi mạnh mẽ nhận thức của người dân về vai trò VHNT trong sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống con người; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong việc giữ gìn và phát huy nền văn hóa, góp phần cùng với cả nước xây dựng và phát triển nền văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

III- THÀNH TỰU, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT CAO BẰNG 50 NĂM SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT

1. Giai đoạn 1975 - 1986: Văn học nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị, xây dựng xã hội mới

Thực hiện Chỉ thị số 214-CT/TW, ngày 15/01/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, ngày giỗ, ngày hội, Tỉnh uỷ chỉ đạo xây dựng quy ước nếp sống mới, bài trừ các tệ nạn xã hội, cải tiến các nghi thức trong đám cưới, đám tang, các ngày lễ hội; tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan, thi đấu thể thao dân tộc trong những ngày hội của địa phương. Ngày 27/12/1975, Quốc hội Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa V, kỳ họp thứ hai quyết định bỏ cấp Khu trong hệ thống các đơn vị hành chính. Khu tự trị Việt Bắc giải thể; quyết định hợp nhất tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn thành một tỉnh mới lấy tên là tỉnh Cao Lạng (*thị xã Cao Bằng là tỉnh lỵ của tỉnh Cao Lạng*). Các hoạt động văn hoá, văn nghệ tỉnh Cao Lạng phục vụ nhiệm vụ chính trị; góp phần vào kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng

- an ninh; đề tài về chiến tranh vẫn được văn nghệ sĩ tiếp tục thể hiện trên tầm cao mới, khái quát, toàn diện.

1.1. Thời kỳ 1976 - 1980

Sau 01 năm hợp nhất tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn (năm 1976) các hoạt động văn hóa, văn nghệ đã từng bước ổn định phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của Nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh. Năm 1978, để đối phó với những âm mưu thủ đoạn của địch trên một tuyến biên giới dài hơn 500km, Trung ương quyết định tách tỉnh Cao Lạng trở về như trước thành 02 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc tháng 02/1979 đã tàn phá nặng nề cơ sở vật chất và thành quả ban đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội 06 tỉnh biên giới. Kết thúc chiến sự, tỉnh tập trung khôi phục lại cơ sở vật chất, lĩnh vực văn hoá, VHNT tiếp tục được quan tâm; các văn nghệ sĩ tập trung và hướng ngòi bút với chủ đề ôn lại những chiến công hiển hách của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước hơn 20 năm qua bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trên biên cương của Tổ quốc.

Về Văn học: Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng, Ty Văn hoá đã phát động phong trào văn nghệ xung kích, phát động đợt sáng tác văn nghệ “*Cao Bằng chiến thắng quân xâm lược*”. Kết quả, tháng 02/1979 đã có 140 tác giả trong và ngoài tỉnh tham gia với 219 tác phẩm thơ, văn nhạc hoạ; xuất bản sách là 0,3 bản/người; năm 1980 là 0,43 bản/người.

Nghệ thuật biểu diễn: Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền đã góp phần tích cực vào việc tuyên truyền, giáo dục Nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Đoàn Văn công tỉnh xây dựng các chương trình nghệ thuật phục vụ công tác tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976); biểu diễn phục vụ chào mừng các đoàn công tác của trung ương, tỉnh bạn và các đoàn khách quốc tế tham quan và làm việc tại tỉnh; tổ chức nhiều đợt biểu diễn tại các chốt tiền tiêu, các đồn biên phòng và các điểm dân cư của các xã giáp biên, góp phần tạo nên phòng tuyến văn hóa vững chắc trên 333km đường biên giới Tổ quốc.

Đội Chiếu phim và thông tin lưu động: Mỗi xã thành lập một Đội Thông tin lưu động; 18 Đội Tuyên văn của các đồn biên phòng; một bảng tin công cộng và hệ thống loa truyền thanh; cả tỉnh có 31 đội chiếu bóng; số lượt người xem chiếu phim năm 1978 là 2,1 lượt người/năm, năm 1980 là 3,5 lượt người/năm, năm 1981 là 4,5 lượt/năm, năm 1984 là 6,5 lượt/năm.

1.2. Thời kỳ 1980 - 1986

Đầu năm 1980, thực hiện Chỉ thị của Bộ Văn hóa - Thông tin, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ

phục vụ Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Đảng và tuyên truyền cho Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1980). VHNT chuyển hướng chủ đạo mang chủ đề ca ngợi Đảng, Bác Hồ, ôn lại truyền thống vẻ vang 50 năm của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Năm 1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ X được tổ chức tại thị xã Cao Bằng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được đẩy mạnh, nhất là phong trào sáng tác và hát ca khúc chính trị, chiếu phim, tuyên truyền cổ động. Từ năm 1980 - 1985, nhiều diễn viên trẻ và cây bút tài năng của trường Âm nhạc Việt Nam; Nghệ thuật Việt Bắc; Đoàn Quân khu Việt Bắc như: Minh Réo, Kim Tú, Đinh Long, Nguyễn Thị Yến, Hoàng Thị Hoa, Nông Văn Thế, Nông Thị Tuyết, Đinh Thúy Diệp đã trở về tỉnh và có nhiều cống hiến. Đặc biệt có các diễn viên là hạt nhân văn nghệ xuất sắc của Quân đoàn 26 và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng là Nông Xuân Ái, Cao Duy Sơn, Mã Sĩ Hoan và Nguyễn Hải Yến.

Phát triển đội văn nghệ quần chúng: Đến năm 1983, 8/13 huyện, thị có đội văn nghệ quần chúng (toàn tỉnh có 143 đội). Những năm 1982 - 1984, hoạt động thông tin văn hóa đã kết hợp các hình thức văn nghệ, chiếu phim, thư viện, câu lạc bộ, kết hợp phục vụ với kinh doanh; kết hợp hai lực lượng nghiệp dư với chuyên nghiệp, bằng những bài ca, điệu múa, vở kịch của Trung ương và tự biên, tự diễn phục vụ đạt kết quả tốt. Số lượt người xem biểu diễn nghệ thuật năm 1981 là 0,1 lượt, đến năm 1985 tăng lên 0,24 lượt¹⁵.

Tham gia liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc: Đoàn Nghệ thuật tỉnh đã tham gia các Liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc và đạt kết quả đáng khích lệ (03 Huy chương Vàng; 03 Huy chương Bạc)¹⁶ với nhiều tiết mục đặc sắc¹⁷ để lại dấu ấn trong lòng khán giả.

Hội thi, hội diễn: Trên cơ sở Chỉ thị về phát triển văn hoá - văn nghệ trong hai năm 1984 - 1985, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo ngành văn hoá tổ chức hội thi thông tin và hội diễn công nông binh tỉnh đạt kết quả tốt.

Chiếu phim: Có những bước phát triển rõ rệt; năm 1981 cả tỉnh có 16 đội chiếu phim; hàng năm thu hút gần 2 triệu lượt người xem; năm 1985 hoàn thành

¹⁵ Tổng cục thống kê, *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX*, sđd, tr. 906

¹⁶ Huy chương Vàng: Tiết mục hát Then đàn Tính, tốp nữ phụ họa với bài "*Điểm tựa*" do Mã Sĩ Hoan biểu diễn; lời thơ: Lê Đức Thọ; tiết mục đơn ca cùng tốp nữ, không nhạc đệm với ca khúc "*Lời hát ru cô gái trẻ*" và tiết mục đơn ca "*Lời hát ru người trồng rừng*", 2 ca khúc của nhạc sĩ Đàm Thanh do ca sĩ Dương Liễu biểu diễn. Huy chương Bạc: Tiết mục Kịch múa "*Kim Đồng*", tiết mục Xuân Ái và tốp nữ hát bài "*Em đã nghe*" một sáng tác của nhạc sĩ Đàm Thanh và tiết mục múa "*Những linh hồn bất diệt*", biên đạo múa: Nghệ sỹ nhân dân Lê Khinh, âm nhạc: Đàm Thanh.

¹⁷ Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc tại Hà Nội (1983), Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng vững tin bước vào Hội diễn. Tiết mục do Mã Sĩ Hoan hát Then đàn Tính, tốp nữ phụ họa với bài "*Điểm tựa*", lời thơ: Lê Đức Thọ; Liên hoan Nghệ thuật quần chúng "*Tiếng hát Làng Sen*" lần thứ hai tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ Tĩnh, tiết mục đơn ca nam của Xuân Ái bài "*Pác Bó Làng Sen*", sáng tác của nhạc sĩ Đàm Thanh.

việc xây dựng bộ phim “Non nước Cao Bằng” góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Thông tin lưu động: 07/13 huyện, thị có đội thông tin lưu động (1983 có 80 đội; 1985 có 85 đội) biểu diễn phục vụ 26/42 xã biên giới thu hút 26.000 lượt người xem) với nội dung, chương trình phong phú được Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ nhiệt liệt hưởng ứng, hoan nghênh. Bên cạnh đó, tỉnh còn tổ chức các hoạt động triển lãm, cổ động tuyên truyền về chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng. Hệ thống truyền thanh phát triển, tăng nhanh hơn năm 1980 là 4,5%; các huyện, thị đều có đài và trạm truyền thanh. Công tác truyền thanh phát triển đến tận cơ sở nông - lâm trường, hợp tác xã, trường học, xã biên giới¹⁸. Trong 05 năm, là một tỉnh miền núi biên giới còn gặp nhiều khó khăn nhưng được sự ủng hộ của cả nước về vật chất, tinh thần, do vậy các hoạt động văn hóa nghệ thuật tỉnh Cao Bằng được duy trì và phát triển; góp phần thiết thực vào việc tuyên truyền, cổ vũ và động viên quân và dân ta thực hiện tốt 02 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 05/7/1985, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng được thành lập với cơ quan ngôn luận là Tạp chí Văn nghệ Cao Bằng.

2. Giai đoạn 1986 - 2000: Văn học nghệ thuật trong công cuộc đổi mới

2.1. Thời kỳ 1986 - 1995

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, công tác văn hóa - thông tin đã tập trung tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn. Đội văn nghệ quần chúng được hình thành và xây dựng các chương trình, tiết mục biểu diễn phục vụ sản xuất, chiến đấu và chào mừng Đại hội Đảng; VHNT đã tích cực hoạt động và có nhiều đóng góp cho công tác Mặt trận Tổ quốc trong giai đoạn lịch sử này.

Nghệ thuật biểu diễn, âm nhạc: Đoàn Nghệ thuật tỉnh đã tích cực hoạt động, cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng biểu diễn; lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật vượt chỉ tiêu Nhà nước giao về số buổi biểu diễn (60 buổi/năm) và tham gia các kỳ hội diễn đạt kết quả cao¹⁹; góp phần phản ánh hiện thực cuộc sống một cách chân thực, sống động. Thời kỳ này có một số tác phẩm âm nhạc tiêu biểu như: Anh Đàn ơi, Bằng Giang ơi, Chào Điện Biên.

¹⁸ Số loa truyền thanh tăng 100%, tăng âm tăng 7,6% so với năm 1980; từ năm 1983 - 1985 hệ thống truyền thanh được củng cố thêm một bước (năm 1983 có 4.711 loa, 137 đài, trạm truyền thanh; năm 1984 xây dựng được 167 trạm “tazo” ở thị xã, thị trấn, có 5.366 loa, 150 đài, trạm truyền thanh, trong đó có 58 đài, trạm ở biên giới).

¹⁹ Năm 1992 tham gia Hội thi ca, múa, nhạc dân tộc tại Hà Nội, đạt 01 Huy chương Bạc và 01 Bằng khen; năm 1994 tham gia Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp kỷ niệm 40 năm giải phóng Điện Biên tại Điện Biên, đạt 01 giải A và 01 giải B; năm 1995 tham gia Hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc tại thành phố Hải Phòng đã giành 01 Huy chương vàng; 04 Huy chương bạc. Tỉnh Cao Bằng đã mời 02 chuyên gia kịch nói đạo diễn Đoàn Ngọc (Đoàn Kịch nói Quân đội), đạo diễn Hoàng Sự (Trường Sân khấu Điện ảnh Việt Nam) lên trực tiếp giúp tỉnh dựng 03 vở: 01 vở “*Lẽ sống của tôi*” của tác giả Doãn An và 02 vở: “*Ông không phải bố tôi*”, “*Vụ án hai nghìn ngày*” tác giả Lưu Quang Vũ.

Chiếu phim lưu động, truyền thanh: Năm 1990 toàn tỉnh có 20 đơn vị chiếu phim, 16 đội chiếu phim lưu động, 04 rạp chiếu phim (01 rạp ngoài trời, 3 rạp trong nhà), hầu hết các huyện trong tỉnh đã thành lập được đội chiếu bóng lưu động; trong đó có 01 đội chiếu phim lưu động để phục vụ vùng Tây Nam Bảo Lạc (nay là huyện Bảo Lâm); các trạm Truyền thanh cơ sở, nhất là ở các xã biên giới đã được quan tâm đầu tư xây dựng.

2.2. Thời kỳ 1995 - 2000

Hội VHNT tỉnh đã có nhiều hoạt động thiết thực, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, hướng vào việc phản ánh thành quả công cuộc đổi mới, đấu tranh chống tiêu cực xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống; các loại hình VHNT, thông tin ngày càng đa dạng, phong phú, hướng tới phục vụ đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới; tổ chức các lớp tập huấn ca múa nhạc, sáng tác hội họa, điêu khắc đạt kết quả cao.

Văn nghệ quần chúng: Các đội văn nghệ quần chúng hoạt động sôi nổi, xây dựng các tiết mục, chương trình chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc, ca ngợi những gương lao động sản xuất giỏi. Đoàn Nghệ thuật tỉnh đã tích cực hoạt động, mạnh dạn cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng, phục vụ nhu cầu thưởng thức văn hóa, văn nghệ ngày càng cao của quần chúng Nhân dân.

Về công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá: Các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được tu bổ, tôn tạo phục vụ việc phát huy giá trị và phục vụ du khách trong các dịp lễ của đất nước và địa phương. Hằng năm, nhà trưng bày “Bác Hồ với Cao Bằng” và Khu di tích lịch sử Pác Bó đã thu hút hàng vạn khách tham quan từ mọi miền đất nước đến tìm hiểu lịch sử, truyền thống cách mạng của dân tộc Cao Bằng²⁰.

Chiếu phim lưu động: Năm 1995 cả tỉnh có 07 đơn vị chiếu phim, 06 đội chiếu phim lưu động, 03 rạp chiếu phim (01 rạp ngoài trời, 02 rạp xuống cấp không sử dụng được, xây dựng rạp chiếu phim thị xã Cao Bằng, 300 chỗ) chiếu được 350 buổi, phục vụ 42 xã, thu hút 52.000 lượt xem.

Biểu diễn nghệ thuật: Năm 1996, Đoàn Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng tham gia Liên hoan Múa toàn quốc tại Hà Nội với đề tài chiến tranh cách mạng vở kịch múa “Kim Đồng” được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; năm 1997 tham gia Liên hoan ca, múa, nhạc, sân khấu chuyên nghiệp các tỉnh miền núi, đạt 02 Huy chương Vàng và 04 Huy chương Bạc; năm 1999 tham gia Hội diễn ca, múa, nhạc dân tộc chuyên nghiệp toàn quốc đợt 01 tại Hà Nội, đạt 03 Huy chương Vàng, 06 Huy chương Bạc. Thời kỳ này có các tác phẩm âm nhạc tiêu biểu:

²⁰ Được sự nhất trí của Trung ương Đảng và Chính phủ, tỉnh Cao Bằng đã khởi công xây dựng công trình Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 02/9/1998, đến ngày 28/01/2000 tỉnh đã long trọng tổ chức lễ khánh thành Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 59 năm ngày Bác Hồ về nước (28/01/1941 - 28/01/2000).

Trăng lên đầu núi, Bài ca những người đi chân đất, Đường về bản em, Cao Bằng muôn sắc hoa xuân, Gặp gỡ nơi đầu non, Khát cơn mưa đầu mùa, Nhìn trăng nhớ bạn, Đợi nàng. Năm 1993, nghệ sĩ Hoàng Quỳnh Nha được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú; năm 1997 nghệ sĩ Nguyễn Thị Dương Liễu được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

Hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế: Cao Bằng là tỉnh có biên giới chung với Trung Quốc, với xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tỉnh chú trọng tham gia, tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về VHNT. Năm 1996, Đoàn Nghệ thuật tỉnh tham gia Liên hoan Văn hóa Thể thao các nước lưu vực sông Mê Công tại Chiềng Mai, Thái Lan (gồm 04 nước: Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Việt Nam); góp phần mở rộng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác văn hóa với các nước trong khu vực lưu vực sông Mê Công; là dịp học tập, tiếp thu những bài học kinh nghiệm quý báu về văn hóa các nước trong khu vực; năm 1997 biểu diễn tại huyện Nà Po, Khu tự trị Dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc.

Văn nghệ quần chúng: Nhận thức rõ tầm quan trọng của VHNT quần chúng cũng như bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển VHNT quần chúng, tỉnh luôn chăm lo phát triển phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở; thành lập các đội văn nghệ tổ, xóm; biểu diễn các tiết mục, tiểu phẩm, ca khúc ca ngợi quê hương, đất nước dựa trên các làn điệu dân ca các dân tộc như: Nàng ới, sli lượn, hát Then...

Hoạt động chiếu phim và thông tin lưu động: Đội thông tin lưu động triển khai đưa văn hoá thông tin về cơ sở thông qua nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng; xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về các hoạt động văn hoá, văn nghệ, các giá trị văn hoá đặc trưng về con người, phong tục tập quán của tỉnh Cao Bằng²¹. Mạng lưới phát thanh - truyền hình có nhiều chuyển biến tích cực²²; tỷ lệ dân số được nghe đài đạt 60%, được xem truyền hình đạt 30% tổng dân số toàn tỉnh.

3. Giai đoạn 2000 - 2025: Văn học nghệ thuật thời kỳ hội nhập và phát triển

3.1. Thời kỳ 2000 - 2015

²¹ Năm 1997 có 07 đội chiếu phim lưu động Video phục vụ 10 huyện, chỉ tiêu giao 1.080 buổi (*Cục Điện ảnh cung cấp 12 chương trình/năm*), 01 rạp chiếu phim (*01 rạp ngoài trời*), 14 đại lý băng hình; năm 1998 có 08 đội chiếu phim lưu động vùng cao (*tăng 01 đội so với năm 1997*), 01 rạp chiếu phim; năm 1999, nhận bàn giao 01 rạp (300 chỗ) đưa vào khai thác, 16 đại lý băng hình, 08 đội lưu động chiếu phim Video (*06 đội Video 21 inch; 02 đội Video 100 inch*); toàn tỉnh có 14 Đội thông tin lưu động, trong đó có 13 đội cấp huyện và 01 đội cấp tỉnh

²² Năm 1999, các xã vùng cao, biên giới có 1.700 hộ dân được cấp đài bán dẫn; 2.580 hộ được hỗ trợ mua đài và cáp cho các xã đặc biệt khó khăn 186 chiếc tivi.

Tỉnh uỷ thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác củng cố tổ chức và hoạt động của Hội VHNT tỉnh; chỉ đạo, định hướng củng cố, đổi mới hoạt động của Hội VHNT tỉnh và các đơn vị hoạt động VHNT trên địa bàn.

Về Văn học nghệ thuật: Hội VHNT, năm 2012 đã có 82 hội viên, tăng 28 hội viên so với năm 1998 (50 hội viên); có 07 chi hội chuyên ngành²³. Chủ đề sáng tác phong phú, đa dạng với nhiều thể loại: Thơ, văn xuôi, nghiên cứu sưu tầm, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh, dịch thuật, tiểu thuyết, lý luận phê bình tập trung phản ánh đời sống, sinh hoạt, văn hóa mảnh đất, con người Cao Bằng; truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng; từ 1998 – 2013 sáng tác được 163 tác phẩm²⁴. Hội VHNT tỉnh luôn quan tâm, phát hiện các tài năng trẻ, giới thiệu tham dự các lớp bồi dưỡng sáng tác do các hội chuyên ngành Trung ương tổ chức hoặc các nhà văn, nhà thơ của Hội trực tiếp bồi dưỡng. Đến nay đã phát hiện được 12 tác giả trẻ ở các chuyên ngành²⁵. Một số nhà thơ, nhà văn vinh dự được nhận Giải thưởng Nhà nước, giải thưởng ASEAN về VHNT như: Nhà thơ Bàn Tài Đoàn, Y Phương; nhà văn Hoàng Triều Ân, Cao Duy Sơn.

Về công tác phổ biến, xuất bản các tác phẩm VHNT: Tỉnh quan tâm đầu tư từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Chính phủ, tài trợ của các nhà xuất bản và nguồn xã hội hoá để nâng cao chất lượng nội dung của Tạp chí Non Nước Cao Bằng. Tạp chí Non Nước Cao Bằng phát hành 700 cuốn/kỳ xuất bản, đăng tải nhiều tác phẩm VHNT... Đến 2013 xuất bản được 92 số với 8400 cuốn, phát hành đến các điểm Bru điện văn hóa xã, các ban, ngành của tỉnh và 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Về Mỹ thuật, triển lãm: Tổ chức được 56 cuộc triển lãm; 04 tác phẩm ảnh nghệ thuật được tham dự triển lãm ảnh quốc tế, 04 tác phẩm mỹ thuật được triển lãm toàn quốc.

Về lĩnh vực biểu diễn: Đoàn nghệ thuật tỉnh đã có nhiều đóng góp trong phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội ở địa phương, đất nước: tham gia Ngày hội văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc lần thứ V tại Hà Giang; Lễ hội văn hóa dân tộc Mông lần thứ nhất tại Sơn La; đăng cai tổ chức thành công Liên hoan hát Then - đàn Tính toàn quốc lần thứ II; đạt 16 Huy chương các loại trong các kỳ liên hoan ca múa nhạc toàn quốc và khu vực²⁶.

²³ Văn học, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Văn học các dân tộc thiểu số, Văn nghệ dân gian, Âm nhạc & Biểu diễn, Nhà văn Việt Nam.

²⁴ Trong đó, có 25 tác phẩm đoạt giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam, Nhà Xuất bản Kim Đồng, Nhà Xuất bản trẻ, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và tại các cuộc liên hoan âm nhạc Khu vực.

²⁵ Văn học, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Văn nghệ dân gian...; 25 giải thưởng văn học gồm: Văn xuôi, Thơ, Âm nhạc và Văn nghệ dân gian; 05 giải thưởng triển lãm Mỹ thuật, 04 giải thưởng triển lãm ảnh khu vực.

²⁶ Năm 2002, nghệ sĩ Hoàng Kim Tuế được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú; năm 2012 Nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Thị Dương Liễu được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

Hội thơ Đường luật tỉnh: Được thành lập năm 2005, từ khi được thành lập, Hội đã tích cực vận động văn nghệ sĩ, hội viên tham gia sáng tác thơ Đường luật phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về văn nghệ quần chúng: Phong trào văn hoá, văn nghệ đã trở thành phong trào rộng khắp, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia, tạo nên nét đẹp bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc²⁷; các câu lạc bộ, các đội văn nghệ quần chúng trong cơ quan, đơn vị, các làng, bản được hình thành, tính đến 2013 có trên 500 đội văn nghệ quần chúng được tổ chức hoạt động thường xuyên, góp phần bảo tồn và phát huy các làn điệu dân ca các dân tộc.

Về công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá: Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá thường xuyên được quan tâm thực hiện: Việc tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; công tác nghiên cứu, sưu tầm hiện vật kiện toàn kho cơ sở được tiến hành thường xuyên, vận động các tổ chức, cá nhân phát hiện, sưu tầm, hiến tặng, trao đổi các loại hiện vật có giá trị lịch sử²⁸; công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc được chú trọng thông qua việc triển khai thực hiện các đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học về sưu tầm các giá trị văn hóa, VHNT dân ca, dân nhạc, dân vũ của dân tộc²⁹; công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc được gắn liền với xây dựng đời sống văn hóa mới, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, thực hiện tốt phương châm “xây” đi đôi với “chống”, trong đó lấy “xây” làm chính. Trên cơ sở khảo sát, điều tra, đã khôi phục, nâng cao một số lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc³⁰. Việc bảo tồn, phát triển tiếng dân tộc được chú trọng, từ năm 1999 đến nay, tỉnh đã tổ chức được nhiều lớp học tiếng dân tộc (Mông, Dao, Tày...) cho cán bộ, công chức của tỉnh và cơ sở; mở các lớp học hè cho thanh thiếu nhi, tổ chức dạy đàn tính, hát dân ca. Hằng năm, tỉnh đã duy trì và tổ chức định kỳ 02 năm/lần hội thi, hội diễn, liên hoan, ngày hội như: Liên hoan hát Then, đàn Tính; Hội thi hát dân ca - Trình diễn trang phục dân tộc; Ngày hội văn hóa các dân tộc...; duy trì tổ chức các lễ hội dân gian truyền thống như: Lễ hội “Lồng tồng”, lễ hội đền chùa... Sưu tầm, lưu giữ

²⁷ Tổ chức hội thi hát dân ca, đồng dao cấp huyện, thành phố; tổ chức giao lưu giữa cộng đồng các dân tộc, giữa các xã, xóm tạo không khí vui tươi phấn khởi, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

²⁸ Từ năm 2006 đến 2013 sưu tầm được gần 4.000 đơn vị hiện vật về văn hoá các dân tộc, các loại sách cổ, tranh thờ... Đặc biệt tại di chỉ khảo cổ hang Ngườm Vài, xã Cấn Yên, huyện Thông Nông (nay là huyện Hà Quảng) khai quật được 9.696 đơn vị hiện vật; tiến hành khảo sát, kiểm kê được 40 bia đá cổ, 06 bia ma nhai (Bia khắc trên vách đá) và các hoành phi câu đối ở một số đền, chùa, miếu.

²⁹ Dự án Bảo tồn làng văn hoá cổ dân tộc Tày Khuổi Ky xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh; Bảo tồn các làng nghề truyền thống xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên; Đề tài “Sưu tầm, nghiên cứu các làn điệu Dá Hai của dân tộc Nùng tỉnh Cao Bằng”; “Sưu tầm, nghiên cứu dân ca, dân vũ của người Dao Đỏ tỉnh Cao Bằng”; “Sưu tầm, nghiên cứu dân ca, dân vũ của người Sán Chỉ tỉnh Cao Bằng”; “Nghiên cứu, phục dựng đám cưới người Dao Đỏ tỉnh Cao Bằng”; Sưu tầm, bảo tồn nghệ thuật hát Lượn then tứ quý dân tộc Tày tỉnh Cao Bằng”; đề tài khoa học “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị dân ca các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao tỉnh Cao Bằng”.

³⁰ Các Lễ hội: Pháo hoa, huyện Quảng Uyên; chùa Sùng Phúc, huyện Hạ Lang; Nàng Hai, xã Kim Đồng, huyện Thạch An; đền Kỳ Sầm, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng; phục dựng đám cưới truyền thống của người Dao Đỏ...

các làn điệu dân ca cổ, tổ chức truyền dạy, sáng tác các tác phẩm bằng tiếng địa phương trong các cá nhân, gia đình, dòng họ; góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc tỉnh Cao Bằng³¹.

Nhằm tăng cường công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng, ngày 28/6/2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng với 75 hội viên, đến tháng 3/2013 đã phát triển được gần 200 hội viên, 01 chi hội tại huyện Hòa An có 80 hội viên; 04 phân chi hội trực thuộc Tỉnh Hội tại các huyện. Hội đã tổ chức truyền dạy, khôi phục, dàn dựng được một số làn điệu Then cổ, đặt lời một số bài hát mới theo làn điệu then. Hội đã biểu diễn nhiều buổi phục vụ các ngày lễ, kỷ niệm của tỉnh và phục vụ khách Quốc tế³².

Về biểu diễn nghệ thuật và giao lưu hợp tác quốc tế: Tỉnh uỷ đã chỉ đạo tăng cường các hoạt động đối ngoại, ngoại giao với các nước trong khu vực Đông Nam Á và một số nước như: Trung Quốc, Hàn Quốc,... thông qua thực hiện hợp tác, dự án về kinh tế - xã hội, giao lưu về văn hóa và qua hệ thống phát thanh - truyền hình, báo điện tử, các trang thông tin điện tử, các thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội, hình ảnh con người, quê hương Cao Bằng, các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc Cao Bằng được giới thiệu, quảng bá với bạn bè trong nước và quốc tế; đồng thời các giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại cũng được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để Nhân dân được thụ hưởng và tiếp nhận; tham gia nhiều chương trình nghệ thuật ở trong nước, nước ngoài với nhiều tiết mục đặc sắc nguyên gốc hoặc cải biên các làn điệu dân ca của các dân tộc thiểu số Cao Bằng³³.

Công tác giao lưu nghiên cứu về văn hóa: Năm 2008, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Ngoại giao, Trung tâm Báo chí France khảo sát địa điểm quay phóng sự “Những vùng đất chưa được biết đến” tại các huyện Thông Nông, Bảo Lạc, Bảo Lâm. Năm 2010, phối hợp với Viện Từ điển học và Bách khoa toàn thư Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm

³¹ Thực hiện Đề tài “Sưu tầm, bảo tồn nghệ thuật hát Then, đàn Tính của dân tộc Tày, Nùng tỉnh Cao Bằng”.

³² Chương trình nghệ thuật chào mừng Hội nghị lần thứ 5 Ủy ban công tác liên hợp các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) tại Cao Bằng; Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tham dự Liên hoan hát Then, đàn Tính toàn quốc lần thứ IV (tháng 11/2012) tại tỉnh Lạng Sơn; dàn dựng, phát hành 800 đĩa DVD “Tiếng hát miền non nước”; Chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc” và thành lập thành phố Cao Bằng. Đầu Xuân Quý Tỵ năm 2013 Hội đã tham gia chương trình phục dựng Lễ hội Chợ phiên người Tày Cao Bằng tại thành phố Vũng Tàu.

³³ Năm 2000 tham gia biểu diễn tại Seoul - Hàn Quốc; năm 2007 tham gia Liên hoan Văn hóa, thể thao tại Chiềng Mai - Thái Lan; năm 2008 tham gia biểu diễn tại Liên hoan dân ca quốc tế tại Bắc Kinh; năm 2010, phối hợp với các Đoàn: Nghệ thuật Lạng Sơn, Ca múa nhạc thành phố Sùng Tả, Văn công huyện Long Châu, Khu tự trị Dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhân dịp Khánh thành Nhà trưng bày Bác Hồ tại huyện Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc; năm 2013, tham gia chương trình nghệ thuật Liên hoan quốc tế 4 nước, Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam tại tỉnh Quảng Trị. Đoàn giành được 3 Huy chương Bạc, được nhận Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Kỷ niệm chương của Ban Tổ chức; tham gia biểu diễn theo lời mời của chương trình “*Âm nhạc miền núi Việt Nam*” tại Geneve Thụy Sĩ.

khoa học Nga nghiên cứu thu thập tài liệu tiếng Nùng Văn tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Hoạt động thông tin tuyên truyền; truyền thanh - truyền hình: Các hoạt động thông tin tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng góp phần cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương³⁴.

3.2. Thời kỳ 2015 - 2025

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ này là tiếp tục bứt phá, vươn lên phát triển mạnh mẽ; văn hóa - xã hội tiếp tục gìn giữ, phát huy, phát triển những đặc sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc Cao Bằng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở địa phương; bảo vệ tu bổ, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử, tâm linh, kết hợp với gìn giữ và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh; đầu tư xây dựng Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Pác Bó, Rừng Trần Hưng Đạo, khu du lịch Thác Bản Giốc trở thành khu du lịch Quốc gia vào năm 2000; có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá VHNT, văn hóa dân gian; trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân, chú trọng bồi dưỡng năng khiếu và tài năng trẻ; nâng cao chất lượng nghệ thuật chuyên nghiệp, xây dựng và phát triển một số loại hình văn hóa đặc sắc của tỉnh như Hát Then - Đàn Tính thành Lễ hội lớn trong vùng; tăng kỳ xuất bản ấn phẩm VHNT, coi trọng xuất bản một số ấn phẩm báo chí, VHNT bằng tiếng dân tộc thiểu số; tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình Cao Bằng trên vệ tinh VINASAT-1; đẩy mạnh hợp tác và giao lưu quốc tế về văn hóa; nền VHNT tỉnh Cao Bằng giai đoạn này đạt những thành quả lớn.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa: Được các cấp uỷ, chính quyền quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống nhằm giáo dục truyền thống, lòng tự tôn dân tộc; gắn bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch. Năm 2015, toàn tỉnh có 215 di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh với 97 di tích đã được xếp hạng³⁵; năm 2025 có 271 di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh với 103 di tích; 02 bảo vật quốc gia; 07 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; sưu tầm được 16.870 đơn vị hiện vật; khôi phục, nâng cao nhiều lễ hội dân gian

³⁴ Đội thông tin tuyên truyền các huyện, thành phố thường xuyên được hỗ trợ, trang cấp các thiết bị hoạt động, có 12/13 huyện, thành phố được cấp xe ô tô thông tin lưu động; toàn tỉnh có 160 điểm bưu điện - văn hóa xã, 168 xã có điểm phục vụ bưu chính, 90% số xã có báo đọc hàng ngày; 146/199 xã, phường, thị trấn xây dựng được trung tâm học tập cộng đồng, trên 400 làng bản có nhà văn hóa phục vụ sinh hoạt cộng đồng, 740 thôn bản được công nhận làng, bản văn hóa. Đến hết năm 2007 có 92% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và 78% số hộ được xem Đài Truyền hình Việt Nam và gần 90% số xã, phường, thị trấn có các loại báo, ấn phẩm đọc hàng ngày.

³⁵ Trong đó có 03 di tích Quốc gia đặc biệt, 26 di tích cấp quốc gia, 74 di tích cấp tỉnh.

truyền thống³⁶; toàn tỉnh có 24 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước vì có “Cống hiến xuất sắc trong gìn giữ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể của dân tộc” (trong đó có 01 Nghệ nhân nhân dân, 23 Nghệ nhân ưu tú).

Về phát triển công nghiệp văn hóa: Tăng cường chỉ đạo hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, du lịch; thực hiện tốt công tác xã hội hóa, thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển; xây dựng đời sống văn hóa gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; ưu tiên, hỗ trợ kinh phí in ấn, xuất bản, cấp phát ấn phẩm văn hóa thông tin đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới.

Về hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại: Chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền tổ chức các hoạt động hợp tác về kinh tế và các hoạt động giao lưu đối ngoại về văn hóa, văn nghệ nhân dịp lễ hội xuân, kỷ niệm các ngày lễ lớn với nước bạn Trung Quốc; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; cảnh giác đấu tranh với những thông tin xấu độc trên Internet; ngăn chặn các sản phẩm văn hóa nhập lậu, có nội dung không lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục.

Về biểu diễn nghệ thuật: Hỗ trợ kinh phí 3.713.697.000 đồng xây dựng chương trình nghệ thuật mới cho Đoàn Nghệ thuật biểu diễn phục vụ Nhân dân³⁷. Năm 2018, biểu diễn chào mừng Lễ đón nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; công bố Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An gắn với Chương trình Du lịch qua những miền di sản Việt Bắc; đăng cai, tổ chức thành công Liên hoan ca, múa, nhạc chuyên nghiệp toàn quốc đợt I với kết quả nổi bật³⁸; năm 2019 Kỷ niệm 520 năm thành lập tỉnh Cao Bằng (1949 - 2019) và 50 năm

³⁶ Như các Lễ hội: Háng Toán, thị trấn Hùng Quốc; Lồng tồng, xã Cao Chương, huyện Trà Lĩnh; Co Sầu, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh; Bó Puông xã Lê Lợi, huyện Thạch An; chùa Sùng Phúc, thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang; đền Kỳ Sầm, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng; Thanh Minh, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên. Tổ chức thành công 02 Lễ hội mới: Du lịch Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh; về nguồn Pác Bó, huyện Hà Quảng. Tổ chức Ngày hội văn hóa dân tộc Mông tại các huyện có đồng bào dân tộc Mông sinh sống (Bảo Lâm, Hà Quảng, Hòa An, Trà Lĩnh, Bảo Lạc); duy trì, khôi phục các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống các dân tộc như: Hát Then - Đàn Tính, then cổ, phong Slur, lượn cọi; Múa sư tử, múa kỳ lân, múa Sluông châu...; khuyến khích các tác giả (Triều Ân, Dương Sách, Hoàng Tuấn Nam...) sáng tác nhiều tác phẩm, sưu tầm, ghi chép lại vốn văn hoá cổ truyền dân tộc.

³⁷ Hằng năm biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị 90/90 buổi/năm; Đội Thông tin lưu động biểu diễn phục vụ được 120/120 buổi/năm, xây dựng 08/08 cụm panô tuyên truyền cổ động; các huyện biểu diễn phục vụ Nhân dân 1.344/1.344 buổi/năm; các cửa hàng sách, văn hóa phẩm phục vụ nhu cầu của khách hàng được 5.050 bản sách, văn hóa phẩm và trên 8.730 băng đĩa ca nhạc.

³⁸ Huy chương Bạc dành cho Chương trình nghệ thuật; giải chỉ đạo nghệ thuật xuất sắc cho bà Ma Thị Hương Lan - Trưởng đoàn; 02 Huy chương Vàng cho tiết mục múa “Trên đỉnh Phja Oắc” và tiết mục Hòa tấu Đàn then “Then Tổ, Then Tiên”; 03 Huy chương Bạc; 01 Bằng khen của Hội nhạc sỹ Việt Nam tặng Dàn nhạc Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng; 01 Bằng khen của Hội nghệ sỹ múa Việt Nam tặng Đội múa Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng đạt thành tích xuất sắc trong Liên hoan ca, múa, nhạc toàn quốc đợt I.

thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019) tỉnh đã tổ chức Tuần văn hóa, thể thao và du lịch “Non nước Cao Bằng”³⁹; tháng 5/2020 phối hợp với Đài Truyền hình nhân dân thực hiện chương trình phim ca nhạc với chủ đề “*Thanh âm còn mãi - Núi rừng vang mãi tiếng hát ơn người*”.

Hoạt động sáng tác: Các hoạt động sáng tạo VHNT trên địa bàn tỉnh những năm qua luôn bám sát dòng mạch chính là “Chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc”; phản ánh bức tranh văn hóa đặc sắc, phong phú của vùng đất quê hương Cao Bằng; lan tỏa tình yêu quê hương, đất nước, con người vùng cao qua các tác phẩm VHNT. VHNT tỉnh Cao Bằng đã có sự chuyển mình, hoạt động sáng tác, phổ biến các tác phẩm VHNT có nhiều khởi sắc, tính chuyên nghiệp được nâng lên, ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng.

Về Văn học: Chi hội Văn học hiện có hơn 30 hội viên, sáng tác nhiều thể loại gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, bút ký, lý luận phê bình VHNT, nghiên cứu sưu tầm, thơ... Chủ đề sáng tác phong phú, đa dạng, tập trung phản ánh đời sống, sinh hoạt, văn hóa, mảnh đất và con người Cao Bằng; truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng. Hằng năm, có khoảng 150 tác phẩm văn học mới sáng tác đăng ký hỗ trợ sáng tạo, chất lượng các tác phẩm được bạn đọc đánh giá tốt; nhiều tác phẩm được đăng tải trên các báo, tạp chí Trung ương và địa phương⁴⁰.

Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh: Từ khi thành lập (năm 2011) đến nay, Hội đã phát triển được 10 chi hội ở các huyện, thành phố với 2.192 hội viên, hoạt động thường xuyên, tích cực, đóng góp quan trọng trong công tác nghiên cứu, bảo tồn, truyền bá các thể loại dân ca các dân tộc trong tỉnh. Hướng dẫn, tổ chức, duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị⁴¹; tổ chức mở lớp truyền dạy dân ca Then Tính ngắn ngày cho các hội viên;

³⁹ Như: Khai trương tuyến phố đi bộ Kim Đồng và chợ ẩm thực; Cuộc thi “Người đẹp Du lịch Non nước Cao Bằng” năm 2019; Liên hoan hát Then, đàn Tính tỉnh Cao Bằng lần thứ II; Lễ hội ánh sáng thác Bản Giốc; Đoàn Nghệ thuật tỉnh thành lập Đội nghệ thuật xung kích gồm 10 cán bộ, nghệ sỹ, diễn viên tham gia Đoàn công tác của tỉnh Cao Bằng biểu diễn phục vụ các chiến sỹ tại quần đảo Trường Sa... Tổ chức Hội thi Hát dân ca, trình diễn trang phục dân tộc và thi đấu thể thao (02 năm/lần); Liên hoan hát Then - đàn Tính (02 năm/lần); phối hợp với Viện Âm nhạc xây dựng hoàn thành bộ hồ sơ “*Then Tày, Nùng, Thái*” Việt Nam trình UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ nhiệm vụ chính trị, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh được 90/90 buổi, với 150.000 lượt người xem (100%) với chủ đề, nội dung phong phú, đa dạng mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc. Năm 2019, nghệ sỹ Ma Thị Hương Lan và nghệ sỹ Trần Đức Cảnh được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ sỹ ưu tú; năm 2024 Nghệ sỹ Lâm Thị Minh Huệ được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ sỹ ưu tú.

⁴⁰ Hằng năm có từ 03 tác giả trở lên được Giải thưởng của Hội chuyên ngành Trung ương; xuất bản được 1.000 đầu sách, gồm nhiều thể loại: Tiểu thuyết, tập truyện ngắn, truyện dài, tập ký, tản văn, tập thơ, nghiên cứu văn hóa dân gian, từ điển, nghiên cứu sưu tầm, lý luận phê bình, sách tranh, ảnh nghệ thuật.

⁴¹ Trong nhiệm kỳ 2017 - 2022, Hội đã tổ chức nghiên cứu, sưu tầm 45 bài hát dân ca các dân tộc; sáng tác, đặt lời mới trên 200 bài hát; xây dựng 96 chương trình văn nghệ dân ca từ các chi hội cơ sở; tích cực truyền dạy, phổ biến dân ca trong Nhân dân. Hội đã tổ chức truyền dạy cho hơn 600 hội viên thuộc nhiều lứa tuổi, nhất là thế hệ trẻ trong và ngoài tỉnh. Phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Truyền thông các huyện, thành phố và Đoàn Nghệ thuật tỉnh tổ chức biểu diễn văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh với trên 6.800 lượt hội viên tham gia.

tổ chức Hội thảo khoa học và nghiệm thu Đề tài nghiên cứu “*Bảo tồn dân ca các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao*” tỉnh Cao Bằng; phối hợp với UBND các huyện thành lập các Chi hội bảo tồn dân ca các dân tộc tại các xã, thị trấn nhằm khôi phục, gìn giữ và phát huy các làn điệu dân ca, dân vũ trên địa bàn.

Hội thơ Đường luật tỉnh: Trải qua 06 kỳ Đại hội, đến nay, Hội đã phát triển được 74 hội viên. Hội đã duy trì đẩy mạnh hoạt động sáng tác, tích cực vận động văn nghệ sĩ, hội viên tham gia sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; đăng tải trên Báo Cao Bằng và Tạp san trên 100 bài thơ Đường luật; xuất bản được 06 tập thơ Pác Bó Đường thi; Thơ Đường luật Cao Bằng...; năm 2023, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xuất bản tập thơ “*Biên cương bình yên*”; năm 2024, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xuất bản tập thơ “*Vang mãi khúc quân hành*”; hằng năm tổ chức đêm thơ Nguyên tiêu, Ngày thơ Việt Nam với nhiều tác phẩm hay ca ngợi Đảng, Bác Hồ, quê hương, đất nước, mùa xuân, biên giới, biển đảo,...

Về Âm nhạc: Chi hội Âm nhạc và Biểu diễn, Hội VHNT tỉnh hiện có 22 hội viên là nhạc sĩ, ca sĩ, diễn viên, là lực lượng chủ chốt trong các hoạt động sáng tác, biểu diễn nghệ thuật âm nhạc tại địa phương. Các hội viên âm nhạc tích cực, thường xuyên tham gia biểu diễn phục vụ Nhân dân vùng sâu, vùng xa, biên giới và các chương trình hoạt động nghệ thuật tại địa phương. Công tác bảo tồn, phát huy các làn điệu dân ca các dân tộc trong tỉnh được chú trọng thực hiện, trong những năm gần đây Hội VHNT tỉnh đã xuất bản 01 đĩa DVD giới thiệu một số làn điệu dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng; hỗ trợ xuất bản hơn 10 tập ca khúc; các nhạc sĩ đã sáng tác trên 300 ca khúc và chuyển thể được hơn 50 ca khúc ca ngợi về quê hương Cao Bằng⁴².

Về Mỹ thuật: Hội VHNT⁴³ tỉnh hiện có 21 họa sĩ là hội viên; các hội viên đã tích cực sáng tác, tham gia hoạt động triển lãm tại địa phương, khu vực và toàn quốc. Trong những năm qua, 02 họa sĩ của tỉnh đã được kết nạp vào Hội Mỹ thuật Việt Nam; nhiều họa sĩ đạt giải cao tại các cuộc thi, triển lãm Mỹ thuật toàn quốc, khu vực, tiêu biểu có Họa sĩ Lô Quang Thương đã đạt giải A tại Triển lãm Mỹ thuật khu vực miền núi phía Bắc năm 2021; mỗi năm có từ 08 - 10 tác phẩm mỹ thuật tham dự triển lãm Mỹ thuật toàn quốc. Bên cạnh hoạt

⁴² Nhạc sĩ đã sáng tác các tác phẩm tiêu biểu như: Cao Bằng quê hương tôi, Anh Đàn ơi, Đường về bản em, Bài ca những người đi chân đất, Nói với con của Nhạc sĩ Đàm Thanh; Dù rằng em hát chưa hay, Tổ khúc non xa xa, Suối Lê Nin nhớ Bác, Ba Bể pé tiên, Trăng soi đường Bác... của Nhạc sĩ Hoa Cương. Các tác phẩm tiêu biểu của Nhạc sĩ Đàm Thanh và Nhạc sĩ Hoa Cương đã được các Đoàn nghệ thuật dàn dựng, biểu diễn và đạt được giải thưởng cao trong khu vực. Ngoài ra các Nhạc sĩ thế hệ sau như: Bế Kha, Đinh Trọng Tuấn, Trần Sỏi, Trần Trang Anh, Bế Ngọc Dương, Quốc Trường, Bế Ngân... đã có nhiều tác phẩm âm nhạc đạt giải cao tại các kỳ liên hoan âm nhạc khu vực và toàn quốc. Nhiều tác phẩm được công chúng đón nhận và đánh giá cao; sáng tác trên 300 ca khúc và chuyển thể được hơn 50 ca khúc ca ngợi về quê hương Cao Bằng, trên 300 ca khúc với chủ đề ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác Hồ và truyền thống quê hương cách mạng Cao Bằng.

⁴³ Hội Mỹ thuật Việt Nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam năm 2010; Bằng khen đăng cai Triển lãm mỹ thuật khu vực III (Tây Bắc - Việt Bắc) năm 2010, 2021, 2023.

động sáng tác chuyên nghiệp, đội ngũ họa sĩ Cao Bằng còn đồng hành, hỗ trợ trong nhiều hoạt động lớn của tỉnh⁴⁴.

Về Nhiếp ảnh, triển lãm: Hiện nay, Chi hội Nhiếp ảnh, Hội VHNT tỉnh có 15 hội viên, các hội viên luôn tích cực tham gia các hoạt động triển lãm tại địa phương, khu vực, trong nước và quốc tế. Nhiều tác phẩm ảnh nghệ thuật đạt giải thưởng chuyên ngành Trung ương, khu vực và toàn quốc. Năm 2015, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức thành công Liên hoan Ảnh nghệ thuật Khu vực miền núi phía Bắc lần thứ 15 với đề tài “Đất nước - Con người miền núi phía Bắc hôm nay” và “Những dòng sông quê hương” tại Cao Bằng; Hội VHNT tỉnh tổ chức triển lãm ảnh nghệ thuật chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Tham gia các Liên hoan ảnh, triển lãm mỹ thuật như: Liên hoan nghệ thuật khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc tại Điện Biên năm 2024⁴⁵; triển lãm Mỹ thuật Khu vực III (Tây Bắc - Việt Bắc) lần thứ 29 năm 2024 tại tỉnh Sơn La và phối hợp đi thực tế sáng tác tại các tỉnh Tây Bắc⁴⁶; có 13 tác phẩm được tham gia trưng bày tại các cuộc triển lãm ảnh trong nước và khu vực; 03 tác phẩm tham gia triển lãm tại Hàn Quốc; 04 tác phẩm đạt giải cấp tỉnh; thực hiện trên 300 cuộc triển lãm trong tỉnh và khu vực.

Về chiếu phim lưu động: Hiện nay có 06 đội chiếu phim vùng cao thuộc đơn vị Trung tâm Văn hóa và Thông tin du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Từ năm 2020 - 2025 chiếu được 5.065 phim phục vụ được 441 xã, có 348.049 lượt người xem; chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị được 37 buổi. Cửa hàng sách, văn hóa phẩm phục vụ nhu cầu khách hàng được 5.050 bản sách, văn hóa phẩm và trên 8.730 băng đĩa ca nhạc.

Về sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản VHNT các dân tộc: Những năm qua, công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị di sản VHNT các dân tộc trên địa bàn tỉnh như tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học truyền miệng; các làn điệu dân ca, dân vũ, dân dân tộc, nghệ thuật trình diễn dân gian... thường xuyên được quan tâm thực hiện thông qua các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch và nhiều hình thức hoạt động như: Tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ... Năm 2020, tỉnh đã hoàn thành công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh, sau kiểm kê hiện nay còn lưu giữ trên 2.000 di sản⁴⁷. Đến năm 2025

⁴⁴ Triển lãm Mỹ thuật phục vụ Đại hội Đảng các cấp, các đồn biên phòng, các trường học; mở các lớp dạy mỹ thuật tại Trung tâm Đào tạo, Thi đấu thể thao và Nghệ thuật tỉnh và trên địa bàn các huyện, thành phố.

⁴⁵ Cao Bằng có 07 tác phẩm treo triển lãm và đạt 01 Huy chương Đồng.

⁴⁶ Cao Bằng có 28 tác phẩm gửi tham gia và có 16 tác phẩm được treo triển lãm. Đạt 01 giải “Tác giả trẻ”, có 03 tác phẩm được giới thiệu dự Giải thưởng của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam.

⁴⁷ Trong đó về chữ viết 06, ngữ văn dân gian 150, tập quán tín ngưỡng 745, lễ hội truyền thống 200, nghề thủ công truyền thống 112, tri thức dân gian 487, nghệ thuật trình diễn dân gian 300 di sản.

suru tầm được 125 đơn vị hiện vật sách, sắc phong, tranh thờ⁴⁸. Từ năm 2008 đến nay, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá dân tộc đã được quan tâm triển khai thực hiện thông qua các công trình đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình, đề án, dự án⁴⁹.

Về nghiên cứu, phát triển lý luận, phê bình VHNT: Nhận thức rõ vai trò của lý luận, phê bình VHNT đối với sự phát triển nền VHNT dân tộc, tỉnh Cao Bằng luôn quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện; Hội VHNT tỉnh nghiên cứu, đổi mới công tác lý luận, phê bình VHNT; Tạp chí Non nước Cao Bằng thường xuyên tuyên truyền, phổ biến quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển VHNT; giới thiệu các tác phẩm, tác giả, đăng tải các bài viết, bài nghiên cứu lý luận, phê bình; nhằm định hướng sáng tạo và thị hiếu, thẩm mỹ của bạn đọc; tổ chức Hội thảo và xuất bản Cuốn kỷ yếu Hội thảo “*Then Cao Bằng - Cội nguồn và giá trị*”.

Về công tác xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ: Cấp uỷ, chính quyền thường xuyên quan tâm, chỉ đạo định hướng công tác chính trị, tư tưởng đối với hoạt động văn học nghệ thuật; động viên các văn nghệ sĩ tích cực hưởng ứng sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ luôn được chú trọng: Hỗ trợ kinh phí hoạt động sáng tạo VHNT, nghệ thuật biểu diễn; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đến nay, Hội VHNT tỉnh có 89 hội viên⁵⁰. Lực lượng văn nghệ sĩ của tỉnh có mặt ở hầu hết các lĩnh vực văn học, âm nhạc, biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn nghệ dân gian... Các văn nghệ sĩ được tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, các hoạt động thâm nhập thực tế, thu thập tư liệu để sáng tác, tham dự các Trại sáng tác do Hội chuyên ngành Trung ương tổ

⁴⁸ Trong đó có: 04 sách cổ dân tộc Dao; sách chữ Hán 06 quyển; sách Hán Nôm 28 quyển; sách chữ Hán Dao 12 quyển, sách Hán Nôm Then giàng 09 quyển; sắc phong dòng họ Nông Trùng Khánh 28 tờ; bộ tranh thờ dân tộc Dao 29 tờ; 01 bức tranh “Bác Hồ làm việc tại Pác Bó” của Hoa sĩ Trịnh Phòng; 04 quyển sách sử dụng trong lễ Chay Sấy của dân tộc Sán Chi...

⁴⁹ Tiêu biểu như: Đề tài “Sưu tầm, nghiên cứu các tác phẩm văn thơ yêu nước và cách mạng sáng tác ở Cao Bằng trước năm 1945” (2008 - 2009); “Phát huy vốn văn hoá dân gian trong sự nghiệp phát triển du lịch Cao Bằng” (2009 - 2011); “Nghiên cứu Văn bia Cao Bằng qua các triều đại” (2013 - 2014); “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị dân ca dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao tỉnh Cao Bằng” (2013 - 2015); “Nghiên cứu, biên soạn tài liệu giảng dạy một số làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng tại Trường Năng khiếu Nghệ thuật và Thể thao tỉnh Cao Bằng” (2014 - 2016); “Sưu tầm và nghiên cứu giá trị các văn bản chữ Nôm Tày ở Cao Bằng” (2015 - 2017); “Phục hồi, bảo tồn di sản văn hóa Đá Hai, xã Thông Huê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng” (2020 - 2022); “Nghiên cứu, bảo tồn phát huy giá trị văn hoá người Lô Lô Đen tỉnh Cao Bằng” (2020 - 2023); “Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống người Nùng Vền tỉnh Cao Bằng” (2024 - 2026); Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2020 - 2030”; Đề án “Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn học dân gian của các dân tộc thiểu số đến năm 2030”; Đề án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2025”.

⁵⁰ Trong đó, 83 hội viên có trình độ Đại học; có 30 nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng các danh hiệu cao quý 01 Nghệ sĩ nhân dân (*đã mất*), 05 Nghệ sĩ ưu tú, 01 Nghệ nhân nhân dân, 23 Nghệ nhân ưu tú.

chức; định kỳ tổ chức gặp mặt văn nghệ sĩ, trí thức, nhà báo tiêu biểu, biểu dương, tôn vinh những đóng góp của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, nhà báo cho sự phát triển của tỉnh (02 năm/lần). Nhìn chung, đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh luôn tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của đất nước, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch; tích cực sáng tạo VHNT, biểu diễn đáp ứng nhu cầu văn hoá, văn nghệ của công chúng và có nhiều đóng góp tích cực vào việc tuyên truyền thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Công tác phát hiện, đào tạo năng khiếu thể thao và nghệ thuật được đổi mới, nâng cao chất lượng; chú trọng công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ trẻ, tập trung đầu tư trọng điểm cho các học sinh có triển vọng, góp phần vào sự phát triển VHNT của tỉnh. Các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu được bảo đảm. Hằng năm, Trung tâm Đào tạo, Thi đấu, Thể thao và Nghệ thuật tỉnh duy trì giảng dạy 09 lớp năng khiếu nghệ thuật với tổng số 60 học sinh hệ chính quy, 25 học sinh dự bị; mở các lớp năng khiếu hè với số lượng trên 300 học sinh đến từ các huyện, thành phố⁵¹.

Về công tác củng cố, đổi mới hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật: Tỉnh uỷ thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức và hoạt động của Hội VHNT tỉnh; chỉ đạo, định hướng củng cố, đổi mới hoạt động của Hội VHNT tỉnh và các đơn vị hoạt động văn học, nghệ thuật trên địa bàn. Tuỳ từng thời gian cụ thể định kỳ hoặc chuyên đề, Thường trực Tỉnh uỷ, lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ trực tiếp làm việc với Hội VHNT tỉnh để nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của tổ chức Hội và đội ngũ văn nghệ sĩ, kịp thời có định hướng chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của tổ chức Hội.

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và lãnh đạo Hội VHNT tỉnh thực hiện tốt vai trò của người đứng đầu trong công tác tập hợp, phát triển hội viên, phát huy tiềm năng sáng tạo và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của hội viên. Hội VHNT tỉnh hiện có 07 biên chế và 01 hợp đồng lao động 68; 89 hội viên hoạt động tại 04 chi hội chuyên ngành: Văn học, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Âm nhạc và Biểu diễn. Các tác phẩm VHNT được sáng tạo, phong phú về đề tài, chủ đề; nhiều tác phẩm đạt giá trị cao cả về giá trị chân, thiện, mỹ phục vụ Nhân dân⁵²; đóng góp tích cực, hiệu quả trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Công tác phối hợp giữa Hội VHNT tỉnh với các cơ quan Đảng và Nhà nước trong việc tư vấn, phản biện xã hội về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, hiệu quả.

⁵¹ Mở 70 lớp truyền dạy hát dân ca dân tộc với khoảng 2.500 học viên là các hạt nhân văn nghệ quần chúng ở các ngành, địa phương; thực hiện tốt công tác phát hiện, đào tạo tài năng trẻ, duy trì 21 lớp năng khiếu/199 học sinh hệ chính quy.

⁵² Tổ chức biểu diễn, triển lãm Mỹ thuật, triển lãm ảnh nghệ thuật, Hội báo xuân, Ngày Thơ Việt Nam... tạo sân chơi cho các văn nghệ sĩ góp phần định hướng tư tưởng thẩm mỹ đời sống tinh thần của Nhân dân.

Về công tác giao lưu và hợp tác quốc tế về VHNT: Với xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, những năm gần đây, tỉnh chú trọng tham gia, tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về VHNT; các tác phẩm VHNT tiêu biểu của tỉnh được lồng ghép quảng bá trong các chương trình giao lưu, hợp tác quốc tế⁵³. Hoạt động tuyên truyền, xúc tiến đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế, tiềm năng như du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm được quan tâm đẩy mạnh. Các cơ sở văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, trung tâm tổ chức sự kiện... ngày càng được mở rộng và tăng lên về số lượng, đáp ứng nhu cầu giao lưu, hội nhập.

Về công tác xây dựng và phát triển VHNT quần chúng: Nhận thức rõ tầm quan trọng của VHNT quần chúng cũng như bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển VHNT quần chúng, tỉnh luôn chăm lo phát triển phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở; hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, VHNT truyền thống của tỉnh. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút đông đảo đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân tham gia như: Hội thi hát dân ca, trình diễn trang phục dân tộc, thi đấu thể thao; Liên hoan hát Then, đàn Tánh; Ngày hội văn hóa dân tộc; Hội diễn nghệ thuật quần chúng công nhân viên chức, người lao động; Hội thi tuyên truyền viên - Hát ru, hát dân ca toàn tỉnh; xây dựng các chương trình, tiết mục đặc sắc, tổ chức biểu diễn phục vụ Nhân dân ở các xã, đặc biệt là tại khu vực vùng sâu, vùng xa. Hằng năm, tổ chức biểu diễn đạt 90 buổi/năm, Đội tuyên truyền lưu động tổ chức 120 buổi tuyên truyền, phục vụ trên 80.000 lượt người xem. Hội bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh có 10 chi hội tại các huyện, thành phố, hoạt động thường xuyên, hiệu quả; thường xuyên cử cán bộ, viên chức đi cơ sở giúp đỡ, hỗ trợ, hướng dẫn phong trào văn hóa, văn nghệ tại các địa phương trong tỉnh, thúc đẩy phong trào cũng như nâng cao chất lượng văn hóa, văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh. Nhằm quảng bá các tác phẩm VHNT có giá trị, đồng thời quảng bá hình ảnh, con người, nét văn hóa, du lịch, các di sản văn hóa, đặc biệt là di sản loại hình nghệ thuật dân gian của địa phương.

Những năm trở lại đây, tuy đời sống đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, có nhiều thay đổi so với trước đây, nhiều gia đình đã có ti vi, nhưng hoạt động

⁵³ Chương trình “Đại liên hoan Nhân dân biên giới Việt Nam - Trung Quốc” tại huyện Tịnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc; các hoạt động Văn hóa dân tộc, Du lịch vùng biên giới với chủ đề “Choang tộc tam nguyệt tam - Bát Quế gia niên hoa” tại huyện Nà Po, Quảng Tây, Trung Quốc; biểu diễn giao lưu với Hội Liên hiệp thanh niên hữu nghị Việt - Trung; biểu diễn phục vụ các đoàn khách Trung Quốc sang làm việc tại Cao Bằng; tham gia biểu diễn phục vụ chương trình nghệ thuật Khai mạc Diễn đàn Du lịch ASEAN năm 2019 tại Quảng Ninh; ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch của 11 tỉnh có di sản Then và các tập đoàn, công ty du lịch tại Hội nghị xúc tiến đầu tư du lịch năm 2022 tại tỉnh Tuyên Quang. Đầu năm 2023, tỉnh Cao Bằng cử Đoàn đại biểu tham gia Chương trình “Lễ hội Rừng xuân” biên giới quốc tế Trung Quốc - Việt Nam và Lễ ra mắt tuyến du lịch hữu nghị Trung - Việt theo dấu chân Chủ tịch Hồ Chí Minh, do Cục Văn hóa và Du lịch thành phố Sùng Tả, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) tổ chức và mời tham dự tại Trấn Thủy Khẩu, huyện Long Châu (Quảng Tây - Trung Quốc).

chiếu phim lưu động vẫn là sinh hoạt văn hóa cộng đồng được duy trì và phát triển. Thông qua chương trình này người dân ở nông thôn không những được xem phim, mà còn được hướng dẫn, học tập về xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa trong cộng đồng, nâng cao kiến thức làm kinh tế, cải thiện cuộc sống. Trong điều kiện hiện nay, những Đội chiếu phim lưu động không chỉ góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa vùng sâu, vùng xa với khu vực thành thị, mà còn là một kênh hữu hiệu tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Văn học nghệ thuật của tỉnh đã nhận được sự quan tâm của cấp uỷ, chính quyền địa phương, sự giúp đỡ tạo điều kiện của các cơ quan quản lý nhà nước. Các văn nghệ sĩ Cao Bằng say mê lao động, sáng tạo, đoàn kết, xây dựng phong trào VHNT phát triển ở các lĩnh vực. Mảnh đất và con người Cao Bằng thân thiện mến khách là chất men say cho các sáng tác VHNT. Các văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng đã đạt nhiều giải thưởng VHNT tại các cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trong nước và quốc tế. Đội ngũ văn nghệ sĩ cao tuổi giàu kinh nghiệm, có năng lực sáng tác, sáng tạo VHNT; đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ có tâm huyết, yêu nghệ thuật, nhiệt tình trong sáng tác, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc, tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại; cùng với sự quan tâm của các cấp, các ngành, VHNT của tỉnh đã có nhiều khởi sắc, phản ánh được những giá trị của đời sống xã hội; góp phần quảng bá vẻ đẹp con người, vùng đất Cao Bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đảng bộ tỉnh đã chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, bảo đảm các văn nghệ sĩ sáng tạo đúng định hướng chính trị của Đảng; đồng thời bảo đảm quyền tự do sáng tác, tạo điều kiện thuận lợi để các tác giả phát huy tính độc lập, sáng tạo, năng lực sở trường trong sáng tác các tác phẩm VHNT. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị, cán bộ trực tiếp chỉ đạo, quản lý lĩnh vực nghệ thuật. Công tác định hướng các hoạt động sáng tác theo phương châm bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp, đồng thời phê phán những tập tục lạc hậu, hiện tượng tiêu cực trong xã hội, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ VHNT của Nhân dân.

Công tác quản lý nhà nước về VHNT được bảo đảm, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; đội ngũ văn nghệ sĩ được quan tâm, tạo điều kiện phát triển năng lực, sáng tạo; sự hiểu biết và nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về VHNT có chuyển biến tích cực. Các hoạt động liên quan đến VHNT được quan tâm đầu tư kinh phí phù hợp; có sự đổi mới trong tổ chức và dàn dựng tác phẩm, chất lượng nghệ thuật được nâng lên; công tác xã hội hóa các hoạt động VHNT được

đẩy mạnh. VHNT đã thực sự đi vào cuộc sống và ngày càng khẳng định vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phong trào văn nghệ quần chúng có bước phát triển mạnh mẽ; hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cơ sở diễn ra sôi nổi, thiết thực, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. VHNT đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được khôi phục, bảo tồn và phát triển. Công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động kinh doanh văn hóa phẩm, Internet, xử lý chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây huỷ hoại đạo đức xã hội được đẩy mạnh. Các giá trị nghệ thuật dân gian truyền thống được bảo tồn và phát huy; ngăn chặn kịp thời sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây huỷ hoại đạo đức xã hội.

2. Hạn chế, tồn tại

Một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển VHNT. Công tác quản lý nhà nước về VHNT có lúc, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc phối hợp giữa các đơn vị, sở, ngành, hội hoạt động tuyên truyền chưa được thường xuyên; hiệu quả tuyên truyền có lúc chưa cao.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác VHNT còn thiếu và yếu; số lượng văn nghệ sĩ của Hội VHNT tỉnh còn khiêm tốn, hoạt động VHNT chưa tương xứng với tiềm năng. Nguồn nhân lực nghiên cứu sáng tác còn hạn chế, chưa bắt kịp với xu thế phát triển của VHNT trong quá trình hội nhập, phát triển của đất nước.

Kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động VHNT còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động, chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; việc hỗ trợ cho hoạt động sáng tác VHNT (*tổ chức các Trại sáng tác VHNT tại địa phương, tổ chức các hội thảo, triển lãm...*) chưa được đầu tư đúng mức.

Tỉnh hiện chưa có giải thưởng dành riêng cho lĩnh vực VHNT, do vậy chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ, tôn vinh đội ngũ văn nghệ sĩ.

Hoạt động VHNT chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; các công trình văn hóa phục vụ hoạt động biểu diễn phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của Nhân dân chưa đáp ứng; VHNT chưa thực sự gắn với du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương; lực lượng làm công tác nghiên cứu lý luận, phê bình VHNT còn thiếu, chưa theo kịp thực tiễn; đội ngũ sáng tác có dấu hiệu già hóa, tỷ lệ tác giả trẻ rất thấp (3%).

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các dân tộc ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, một số nét văn hoá truyền thống của các dân tộc đang bị pha tạp và dần mai một.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của VHNT còn hạn chế, chưa xác định rõ trách nhiệm đóng góp xây dựng và phát triển VHNT; nhiều nơi còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện, chỉ dừng lại ở việc học tập, quán triệt, chưa có kế hoạch, giải pháp cụ thể hóa phát triển VHNT. Công tác kiểm tra, giám sát chưa quyết liệt, thường xuyên làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, VHNT.

Việc quản lý, bảo tồn về văn hoá nghệ thuật còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh nền văn hoá Việt Nam đang hội nhập và phát triển, nhiều giá trị văn hoá truyền thống có nguy cơ mai một, nhất là về ngôn ngữ, các làn điệu dân ca, dân vũ.

Sự bùng nổ thông tin, các trang mạng xã hội, trang thông tin cá nhân... gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát, đấu tranh. Các thế lực thù địch, đối tượng cơ hội chính trị lợi dụng phát tán các sản phẩm văn hoá độc hại, các tác phẩm VHNT xuyên tạc, chống phá trên không gian mạng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, ngăn chặn kiểm soát các luồng văn hoá độc hại du nhập vào cuộc sống hàng ngày của Nhân dân, nhất là đối với thanh thiếu niên. Do mặt trái của cơ chế thị trường, xu thế hội nhập kéo theo những tác động tiêu cực đến tư tưởng nghệ thuật của các văn nghệ sĩ, tác phẩm VHNT.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền đối với phát triển VHNT; thường xuyên đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo, nhận thức của các cấp uỷ, cán bộ, đảng viên đối với VHNT; trong đó tập trung phát triển VHNT thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển VHNT; tăng cường sự phối hợp Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan chức năng trong công tác tuyên truyền.

Ba là, tăng cường công tác quản lý nhà nước về VHNT; đầu tư cơ sở vật chất, có cơ chế khuyến khích, động viên, tôn vinh văn nghệ sĩ có tài năng và đạt được thành tích cao trong hoạt động VHNT; chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ.

Bốn là, tiếp tục đổi mới hoạt động của Hội VHNT tỉnh; nâng cao hiệu quả các Trại sáng tác, tổ chức tốt các cuộc thi sáng tác VHNT; đẩy mạnh hoạt động công bố, quảng bá tác phẩm VHNT; tăng cường hội thảo, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện tốt công tác khen thưởng, tôn vinh, động viên, khích lệ tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động

VHNT, cổ vũ các tác giả tạo ra những tác phẩm VHNT có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH CAO BẰNG TRONG THỜI GIAN TỚI

I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, Cao Bằng cùng với cả nước chuyển mình mạnh mẽ, kinh tế thị trường và quá trình hội nhập ngày càng toàn diện đã tạo những cơ hội mới, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu, thách thức không nhỏ đối với việc gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa và phát triển VHNT của tỉnh.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 kết hợp với sự phát triển của công nghiệp văn hóa sẽ mở ra cơ hội mới để VHNT thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế đã phát triển toàn diện, mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, góp phần vào việc xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, hướng con người đến những giá trị chân - thiện - mỹ.

Những lợi ích kinh tế mà VHNT đem lại ngày càng trở nên quan trọng. Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã khẳng định tầm quan trọng của văn hoá đối với sự phát triển đất nước. Theo đó, các ngành công nghiệp văn hoá (*các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, nghệ thuật*) là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. VHNT có sự mở rộng về không gian sáng tạo, tư duy nghệ thuật, quan niệm nhân sinh, qua đó phản ánh được những nỗ lực và thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát hiện, cổ vũ những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong đời sống dân tộc; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những tha hoá về nhân cách, đạo đức, lối sống.

Các thế lực thù địch lợi dụng văn hoá, VHNT để thực hiện âm mưu “*Diễn biến hoà bình*” nhằm vào lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, văn nghệ, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Đối mặt với những thời cơ và thách thức đó đòi hỏi các cấp uỷ đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, đặc biệt là các văn nghệ sĩ, phải không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trước yêu cầu xây dựng và phát triển VHNT thời kỳ mới.

II- PHƯƠNG HƯỚNG

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu sắc mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và các giải pháp phát triển VHNT trong thời kỳ mới tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động từ việc đề ra chủ trương, nhiệm vụ giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời phát huy những kết

quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm tạo sự chuyển biến toàn diện trong lĩnh vực VHNT trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về vị trí, vai trò của hoạt động VHNT trong đời sống; xây dựng nền VHNT Cao Bằng mang đậm bản sắc dân tộc, xây dựng phát triển nền văn hoá phải gắn chặt với xây dựng, phát triển con người, không tách khỏi cội nguồn dân tộc; văn hoá không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội, mà là sức mạnh nội sinh trực tiếp để phát triển bền vững đất nước.

3. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng các tài năng trẻ, những nghệ sĩ có trách nhiệm với cộng đồng, có khát vọng cống hiến, vươn lên. Thường xuyên mở các trại sáng tác, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, các cuộc thi sáng tác chuyên đề chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của đội ngũ làm công tác văn hóa, VHNT đáp ứng yêu cầu phát triển.

4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương; huy động sự tham gia của các hội chuyên ngành, câu lạc bộ quần chúng trong thực hiện nhiệm vụ VHNT, nhằm tạo sự chuyển biến toàn diện trong lĩnh vực VHNT trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân.

5. Tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa, nghệ thuật với các tỉnh trong nước và quốc tế nhằm mở rộng không gian sáng tạo và quảng bá văn hóa địa phương.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp trong việc quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng về quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong các nghị quyết, nhất là vai trò, vị trí của VHNT theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam.

3. Nâng cao nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ, chính quyền, đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, VHNT các cấp, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ VHNT, thông qua việc xây dựng, thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động sáng tác, biểu diễn, bảo tồn, phát huy giá trị VHNT Cao Bằng.

5. Tăng cường vai trò quản lý, thường xuyên phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về VHNT đối với các hội quần chúng hoạt động trong lĩnh vực VHNT; hỗ trợ, tạo điều kiện để các hội tham gia có hiệu quả vào các hoạt động hội gắn với việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

6. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng vừa đảm bảo đề văn hoá, VHNT phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng; tổ chức các hội thi, hội diễn; tiếp tục phát triển phong trào văn nghệ quần chúng, tạo không gian cho hoạt động sáng tác, phổ biến, biểu diễn, truyền bá các tác phẩm VHNT. Quan tâm công tác bảo tồn, truyền dạy nghệ thuật dân gian, đặc biệt trong thế hệ trẻ; đưa dân ca vào học đường. Xây dựng, phát triển các mô hình biểu diễn dân ca phục vụ du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương; trong đó huy động sự tham gia, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các hội chuyên ngành, câu lạc bộ quần chúng.

7. Tăng cường đầu tư kinh phí, đẩy mạnh xã hội hóa tạo nguồn lực cho hoạt động VHNT; có chính sách bồi dưỡng, thu hút nhân tài; nắm bắt tâm tư nguyện vọng, khuyến khích văn nghệ sĩ cống hiến tài năng; huy động sự tham gia của các nghệ nhân, văn nghệ sĩ vào các hoạt động bảo tồn, truyền dạy về VHNT. Đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hiện tượng, hoạt động VHNT có nội dung, tư tưởng tiêu cực, thiếu lành mạnh, ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

IV- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương nghiên cứu tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 23-NQ/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực VHNT trong giai đoạn mới gắn với thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (ngày 24/11/2021).

2. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng Lý luận phê bình VHNT Trung ương nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ phát triển cả về số lượng và chất lượng, cống hiến tài năng cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác văn hóa, VHNT, nhất là đối với cơ sở; tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, các đợt thực tế sáng tác tại các địa phương.

THAM LUẬN CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN

CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO
NỀN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH CAO BẰNG
50 NĂM SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT (30/4/1975-30/4/2025);
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NỀN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRONG THỜI KỲ MỚI

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

50 năm sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025), nền văn học, nghệ thuật Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đổi mới sâu sắc, toàn diện, đạt được những thành tựu quan trọng và tiếp tục khẳng định vai trò của văn hóa trong sự phát triển đất nước. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ, tỉnh Cao Bằng luôn quan tâm chú trọng phát triển văn hóa, con người, trong đó văn học nghệ thuật được xác định là một bộ phận quan trọng, giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng nền tảng tinh thần xã hội. Nền văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng đã phát huy truyền thống quê hương cội nguồn cách mạnh, không ngừng đổi mới, sáng tạo, phát triển; đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng say mê tâm huyết, bền bỉ cống hiến, có các tác phẩm chất lượng, để những dấu ấn tốt đẹp trong lòng công chúng. Từ mạch nguồn văn hóa truyền thống, nền văn học nghệ thuật Cao Bằng từng bước chuyển mình, khẳng định bản sắc riêng, phản ánh sinh động đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội và khát vọng vươn lên của miền đất nơi miền biên cương của Tổ quốc. Qua đó, đã cổ vũ công cuộc đổi mới và phát triển quê hương, đất nước, góp phần xây dựng vững chắc nền tảng tinh thần xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong tình hình mới” (Nghị quyết số 23-NQ/TW); Kết luận số 84-KL/TW, ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về “tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” (Kết luận số 84-KL/TW); Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển văn hoá con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW); các văn bản của các Bộ, ngành Trung ương về lĩnh vực văn học nghệ thuật, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã chỉ đạo, điều hành các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong tình hình mới; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng phát triển về số lượng và chất lượng, cổ vũ, động viên các văn nghệ sĩ phát huy tài năng, tâm huyết sáng tạo để sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao. Trong đó, UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, đặc biệt là Ngành Văn hóa các cấp triển khai các giải pháp nâng cao hiệu lực,

hiệu quả quản lý nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; tập trung xây dựng con người Cao Bằng phát triển toàn diện; đẩy mạnh việc xây dựng môi trường, đời sống văn hóa lành mạnh; tăng cường xây dựng văn hóa chính trị và văn hóa kinh tế; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; tăng cường bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; chủ động tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và giới thiệu, quảng bá hình ảnh, văn hóa Việt Nam nói chung và hình ảnh, văn hóa Cao Bằng ra thế giới.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1641/KH-UBND ngày 04/8/2009 thực hiện Chương trình số 40-CTr/TU ngày 10/10/2008 của Tỉnh uỷ về việc “Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật giai đoạn 2008 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”; Quyết định số 1392/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 07/10/2014 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 04/02/2021 về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về “Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và nhiều văn bản chỉ đạo liên quan.

Qua đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai hiệu quả, đồng bộ. Tính đến đầu năm 2025, toàn tỉnh có 271 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó 103 di tích đã được xếp hạng (gồm 03 di tích Quốc gia đặc biệt, 26 di tích cấp quốc gia và 74 di tích cấp tỉnh). Tỉnh hiện có 02 bảo vật quốc gia, 07 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Lực lượng nghệ nhân ngày càng được khẳng định với 24 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu (01 Nghệ nhân nhân dân, 23 Nghệ nhân ưu tú), cùng với 01 Nghệ sĩ nhân dân⁵⁴ và 04 Nghệ sĩ ưu tú.

Trong những năm gần đây, nhằm đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu thế mạnh, tiềm năng, hình ảnh, con người, giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn, Tỉnh đã chủ trì và phối hợp với các Bộ, Ngành Trung ương, các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thành công một số sự kiện văn hóa nghệ thuật quy mô lớn, mang tầm quốc tế và khu vực, tiêu biểu như:

Năm 2024, UBND tỉnh Cao Bằng phối hợp Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam và Bộ Ngoại giao đồng chủ trì tổ chức Hội nghị quốc tế lần thứ 8 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương với chủ đề: “Cộng đồng địa phương và phát triển bền vững trong vùng Công viên địa chất” tại Cao Bằng từ ngày 05/9 - 17/9/2024, với khoảng 800 - 1.000 đại biểu

⁵⁴ Đã qua đời.

trong nước và quốc tế tham dự; Tháng 10/2024 UBND tỉnh Cao Bằng Việt Nam và Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây Trung Quốc tổ chức Lễ vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Năm 2023, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức Hội nghị “Giới thiệu Cao Bằng” tại Hà Nội; phối hợp với Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, UBND thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan tổ chức khai mạc Ngày hội Du lịch Non nước Cao Bằng năm 2023 tại Hà Nội với chủ đề “Non nước Cao Bằng - Xứ sở thần tiên”. Đoàn đại biểu tỉnh Cao Bằng tham gia Chương trình “Lễ hội Rừng xuân” biên giới quốc tế Trung Quốc - Việt Nam và Lễ ra mắt tuyến du lịch hữu nghị Trung - Việt theo dấu chân Chủ tịch Hồ Chí Minh, do Cục Văn hóa và Du lịch thành phố Sùng Tả, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) tổ chức và mời tham dự tại Trấn Thủy Khẩu, huyện Long Châu (Quảng Tây - Trung Quốc).

Tổ chức và tham gia các sự kiện quy mô cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện: Tổ chức Lễ đón nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; công bố Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 tại huyện Thạch An gắn với Chương trình “Du lịch qua những miền di sản Việt Bắc” năm 2018; đăng cai Liên hoan Ca, Múa, Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc (đợt I) năm 2018; định kỳ tổ chức Hội thi Hát dân ca, trình diễn trang phục dân tộc, thi đấu thể thao và Liên hoan Hát Then - Đàn Tính (02 năm/lần); tham gia biểu diễn phục vụ chương trình nghệ thuật Khai mạc Diễn đàn Du lịch ASEAN năm 2019 tại Quảng Ninh; Ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch của 11 tỉnh có di sản Then và các tập đoàn, công ty du lịch tại Hội nghị xúc tiến đầu tư du lịch năm 2022 tại tỉnh Tuyên Quang; tổ chức chương trình “Lễ hội thác Bản Giốc năm 2023”, sự kiện “Hát Then, Đàn Tính với sự tham gia của 1.000 người” với chủ đề “Cội nguồn và Bản sắc Then Tính Cao Bằng” đã xác lập kỷ lục số lượng người mặc trang phục dân tộc biểu diễn hát Then, đàn Tính lớn nhất Việt Nam... Các hoạt động này góp phần quan trọng vào việc bảo tồn, tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời gắn kết văn hóa với phát triển du lịch và quảng bá hình ảnh Cao Bằng.

UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác sưu tầm, kiểm kê và gìn giữ di sản văn học nghệ thuật các dân tộc. Đến năm 2020, Tỉnh đã hoàn thành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên toàn địa bàn với hơn 2.000 di sản đang được lưu giữ. Tính đến năm 2025, Tỉnh đã sưu tầm được 125 đơn vị hiện vật có giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc, bao gồm: 04 quyển sách cổ dân tộc Dao, 06 sách chữ Hán, 28 sách Hán Nôm, 12 sách chữ Hán Dao, 09 sách Hán Nôm Then Giàng; 28 sắc phong dòng họ Nông (huyện Trùng Khánh); 29 bức tranh thờ dân tộc Dao; tiếp nhận bản gốc bức tranh “Bác Hồ làm việc tại Pác Bó” của Họa sĩ Trịnh Phòng; 04 sách lễ Chay Sáy của dân tộc Sán Chi... Những tư liệu này là tài sản rất quý báu, có giá trị văn hóa - lịch sử tiêu biểu, có tính khoa học, đóng vai trò quan trọng trong công tác nghiên cứu, gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản.

Trải qua 50 năm kể từ ngày đất nước thống nhất, đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng ngày càng trưởng thành, năng lực sáng tác và tổ chức hoạt động chuyên môn được nâng cao. Bám sát sự chỉ đạo của UBND tỉnh, sự hướng dẫn, phối hợp của các ngành, các cấp, nòng cốt là ngành Văn hóa, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng đã phát huy vai trò nòng cốt, chủ động triển khai nhiều hoạt động thiết thực và hiệu quả. Hoạt động sáng tác, phổ biến tác phẩm được đẩy mạnh; gia tăng số lượng và nâng cao giá trị nghệ thuật của các tác phẩm. Công tác tổ chức Đại hội Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh qua các nhiệm kỳ được triển khai nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo phát huy tính tập trung dân chủ, công khai, minh bạch. UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, định hướng các nhiệm vụ về củng cố bộ máy, cơ cấu tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội và các đơn vị trực thuộc; thường xuyên duy trì đối thoại, trao đổi với Hội để nắm bắt tình hình, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ văn nghệ sĩ, từ đó kịp thời chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sáng tạo, cống hiến nghệ thuật của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Đến nay, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh có 07 biên chế, 01 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP và 89 hội viên, trong đó 83 người có trình độ đại học, 30 nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý. Các hội viên hoạt động tại 04 chi hội chuyên ngành: Văn học, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Âm nhạc và Biểu diễn. Hội luôn tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ tham gia đào tạo, tập huấn, tham gia các Trại sáng tác Trung ương; công tác phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước trong tư vấn, phản biện xã hội được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Tạp chí Non nước Cao Bằng tích cực tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giới thiệu tác phẩm, tác giả và đăng tải các bài nghiên cứu, lý luận, phê bình. Hội cũng đã tổ chức Hội thảo và xuất bản Kỷ yếu “Then Cao Bằng - Cội nguồn và giá trị” (năm 2013). Các chi hội chuyên ngành có nhiều đóng góp nổi bật: (1) Văn học: Hơn 30 hội viên; hằng năm có ít nhất 3 tác giả đạt giải Trung ương; đã xuất bản khoảng 1.000 đầu sách thuộc nhiều thể loại; (2) Mỹ thuật: 21 họa sĩ hội viên, mỗi năm tham gia 8-10 tác phẩm tại Triển lãm mỹ thuật toàn quốc; (3) Nhiếp ảnh: 15 hội viên, tham dự và đạt giải tại nhiều triển lãm trong và ngoài nước; hơn 300 cuộc triển lãm ảnh trong và ngoài tỉnh; (4) Âm nhạc và Biểu diễn: 22 hội viên, là lực lượng nòng cốt trong biểu diễn nghệ thuật tại địa phương; đã phát hành DVD dân ca, hơn 10 tập ca khúc, sáng tác trên 300 ca khúc, chuyển thể 50 bài hát ca ngợi Cao Bằng.

Song hành với sự phát triển của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, các tổ chức hội trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh cũng từng bước được củng cố, kiện toàn và ngày càng phát huy vai trò trong công tác bảo tồn, gìn giữ và phát triển văn hóa, văn nghệ dân gian. Trong đó, Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh đã thành lập 10 chi hội tại các huyện, thành phố với tổng số 2.192 hội viên; tổ chức các lớp truyền dạy dân ca Then - đàn Tính; triển khai Hội thảo

khoa học và nghiệm thu đề tài nghiên cứu “Bảo tồn dân ca các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao” tỉnh Cao Bằng (năm 2018); phối hợp với UBND các huyện, xã thành lập các chi hội bảo tồn dân ca cơ sở, góp phần khôi phục, bảo lưu và lan tỏa các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống.

Hội Thơ Đường Luật tỉnh từng bước phát triển, quy tụ được 74 hội viên, thường xuyên tổ chức các hoạt động sáng tác, giao lưu, xuất bản nhiều tập thơ có giá trị nghệ thuật như “*Pác Bó Đường thi*”, “*Thơ Đường luật Cao Bằng*”... Hằng năm, Hội tổ chức đêm thơ Nguyên tiêu, hưởng ứng Ngày thơ Việt Nam, góp phần lan tỏa tình yêu quê hương, đất nước, biển đảo, gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống thông qua ngôn ngữ nghệ thuật thi ca.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nền văn học, nghệ thuật tỉnh Cao Bằng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ hoạt động văn học nghệ thuật còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Việc tổ chức trại sáng tác, hội thảo, triển lãm, các sự kiện văn học nghệ thuật còn hạn chế; thiết chế văn hóa phục vụ sáng tác, biểu diễn, phổ biến tác phẩm chưa thực sự đồng bộ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của Nhân dân.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác văn học nghệ thuật ở cơ sở còn thiếu và hạn chế về chuyên môn. Số lượng văn nghệ sĩ chưa nhiều, đội ngũ sáng tác có xu hướng già hóa, tác giả trẻ chỉ chiếm khoảng 3%; lực lượng nghiên cứu, lý luận, phê bình còn thiếu, chưa theo kịp thực tiễn. Vì vậy, nguồn nhân lực nghiên cứu và sáng tác chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển văn hóa nghệ thuật hiện đại.

Số lượng tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao còn khiêm tốn; hoạt động văn hóa nghệ thuật chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội đất nước, địa phương.

Trong thời gian tới, để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn học, nghệ thuật; cô vũ, động viên đội ngũ văn nghệ sĩ tỉnh Cao Bằng tiếp tục phát huy tài năng, trí tuệ, tinh thần đoàn kết, hăng say sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, đóng góp vào việc phát triển nền văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, UBND tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành các sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo của Tỉnh ủy, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới, gắn với xây dựng và phát triển văn hoá con người Việt Nam đáp ứng yêu

cầu phát triển bền vững đất nước, bảo đảm phù hợp với tình hình và điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật. Trong đó, quan tâm thực hiện công tác rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật đối với văn học, nghệ thuật phù hợp với định hướng phát triển và yêu cầu thực tiễn, tạo đột phá trong thu hút và phân bổ nguồn lực; nghiên cứu, xây dựng các quy định để điều chỉnh hành vi ứng xử, chuẩn mực của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật; khuyến khích gắn kết giữa phát triển văn học, nghệ thuật với các ngành du lịch, dịch vụ; từng bước tạo lập các chương trình, sản phẩm, thương hiệu của tỉnh Cao Bằng trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Thứ ba, thực hiện tốt công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí nguồn lực cán bộ lãnh đạo, quản lý tham mưu trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, uy tín, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu tiên trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ các tài năng trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, nhất là tài năng trẻ, đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ đồng bộ cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, có khát vọng cống hiến cho đất nước, quê hương.

Thứ tư, tiếp tục củng cố tổ chức và đổi mới hoạt động của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tập hợp được đông đảo văn nghệ sĩ tham gia, phát triển hội viên cả về số lượng và chất lượng; khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả. Phát huy vai trò của Hội trong công tác đề xuất và thực hiện nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao, nhất là việc thực hiện chức năng phản biện, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, làm tốt vai trò cầu nối giữa đội ngũ văn nghệ sĩ với cấp ủy đảng, chính quyền. Nâng cao chất lượng Tạp chí Non nước Cao Bằng.

Thứ năm, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, trong đó tiếp tục phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền thông và các nền tảng mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, giới thiệu các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến công chúng, góp phần quảng bá bản sắc văn hóa, hình ảnh Cao Bằng đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Thứ sáu, tăng cường giao lưu, hợp tác phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật với các địa phương là trung tâm văn hóa, văn học nghệ thuật trong cả nước, các tỉnh, thành trong khu vực và các địa phương nước ngoài có ký kết hợp tác phát triển với tỉnh; chú trọng liên kết, trao đổi về đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn học, nghệ thuật, nhất là tài năng trẻ; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ hợp tác, giao lưu, tiếp cận với các xu hướng, sản phẩm văn học, nghệ thuật mới, tiến bộ trên thế giới.

50 năm sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025), nền văn học, nghệ thuật nước nhà nói chung, tỉnh Cao Bằng nói riêng đã có những cột mốc, dấu ấn quan trọng, đầy tự hào về chặng đường phát triển rực rỡ với những đóng góp quan trọng, phản ánh giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc thông qua những tác phẩm văn học, âm nhạc, mỹ thuật, thể hiện sức sống mạnh mẽ của nền văn hóa dân tộc. Trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, nền văn học, nghệ thuật tỉnh Cao Bằng cần tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm để tiếp tục xây dựng, gìn giữ và phát triển văn hóa dân tộc; khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh và bền vững; phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, môi trường văn hoá, đời sống văn hoá; phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, hưởng thụ văn hóa là nhân dân, vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ; góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hoá, đạo đức, kiên quyết đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; bảo tồn, phát huy những giá trị đặc sắc, bền vững của văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế sâu rộng.

PHÁT HUY VAI TRÒ NÒNG CỐT CỦA ĐỘI NGŨ VĂN NGHỆ SĨ CAO BẰNG TRONG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, THỰC HIỆN HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA, HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA, HỆ GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH VÀ CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng

Từ ngàn xưa, miền “*Non nước Cao Bằng*” đã đi vào những câu ca dao, nhạc họa mộc mạc mà ngọt ngào da diết làm mê đắm lòng người: *Cao Bằng gạo trắng nước trong/Gạo trắng để nuôi dòng sữa mẹ/Nước trong em uống ngọt lời then... Mời anh đến Cao Bằng Cùng em/Thăm suối Lê Nin, ngắm núi cao Các Mác...* Trong lịch sử dân tộc, Cao Bằng được coi là “Phên dậu” của đất nước nơi có bề dày lịch sử - văn hóa, truyền thống cách mạng; là mảnh đất thiêng liêng vinh dự, tự hào thay mặt Nhân dân cả nước đón Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc sau 30 năm bôn ba hoạt động khắp bốn biển năm châu: *Ôi sáng xuân nay, Xuân 41/ Trắng rừng biên giới nở hoa mơ/ Bác về, im lặng, con chim hót/ Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ...*⁵⁵.

Cao Bằng còn là vùng đất nổi tiếng với nhiều di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có nhiều di sản có giá trị tầm cỡ quốc tế; nhiều danh lam thắng cảnh đậm nét hoang sơ, có giá trị du lịch cao. Đặc biệt, tháng 4/2018, Công viên địa chất “Non nước Cao Bằng” được tổ chức UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu. Với vùng văn hóa đa sắc màu, Cao Bằng sở hữu một kho tàng văn hóa dân gian rất đa dạng và phong phú, là mảnh đất màu mỡ ươm mầm tài năng nghệ thuật và là nơi sản sinh, nuôi dưỡng các thế hệ văn nghệ sĩ có nhiều đóng góp ở các lĩnh vực, loại hình văn học nghệ thuật (VHNT) nổi tiếng như nhà thơ, nhà văn: Bàn Tài Đoàn, Hoàng Triều Ân, Y Phương, Đàm Thanh, Cao Duy Sơn... cùng đội ngũ văn nghệ sĩ cả nước góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng cũng đã có những đóng góp tích cực trong việc phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng trong triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Hồ Chí Minh - Lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam đã từng viết: “*Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy*”; cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Nay ở trong thơ nên có thép/Nhà thơ cũng phải biết xung phong*”⁵⁶; những sáng tạo nghệ thuật của văn nghệ sĩ không chỉ mang đến cho quần chúng Nhân dân một đời sống tinh thần phong phú, mà còn góp phần không nhỏ vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước: “*Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân*”. Nếu như văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là sức mạnh nội sinh của đất

⁵⁵ Trường ca “*Theo chân Bác*” - Tô Hữu.

⁵⁶ Cảm tưởng đọc Thiên gia thi – Hồ Chí Minh.

nước, thì VHNT là nhu cầu thiết yếu thể hiện khát vọng chân - thiện - mỹ của con người, những tác phẩm VHNT như một làn gió mát lành mang tới cho tâm hồn con người những triết lí sống đáng quý. Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm phát triển VHNT theo hướng vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa bảo tồn cốt cách, bản sắc, truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Cao Bằng cùng với cả nước đang vươn mình mạnh mẽ về kinh tế thị trường, quá trình hội nhập ngày càng toàn diện đã tạo những cơ hội mới, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu, thách thức không nhỏ đối với việc phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ trong triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Sau những năm đổi mới, Đảng, Nhà nước ta tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt cho đội ngũ văn nghệ sĩ; ban hành các Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền VHVN như: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI); bám sát tinh thần chỉ đạo của Trung ương, trong những năm qua, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các chương trình hành động, dự án, đề án về văn hóa; tạo điều kiện cho các hoạt động lao động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ văn nghệ sĩ, người làm công tác VHNT trên địa bàn tỉnh; qua đó, góp phần phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng trong triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới đạt được những kết quả tích cực; đóng góp vào tiến trình xây dựng, phát triển tỉnh Cao Bằng trong thời kỳ mới.

Về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá dân tộc: Năm 2025, toàn tỉnh có 271 di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh với 103 di tích đã được xếp hạng các cấp, trong đó có 03 di tích Quốc gia đặc biệt (*Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Pác Bó, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An*), 26 di tích cấp quốc gia, 74 di tích cấp tỉnh; 02 bảo vật quốc gia; 07 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Nhiều công trình đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình, đề án, dự án, tiêu biểu triển khai thực hiện. Công tác khôi phục, nâng cao nhiều lễ hội dân gian truyền thống được quan tâm⁵⁷; toàn tỉnh có 30 nghệ sĩ, nghệ nhân được Nhà nước phong tặng các danh hiệu cao quý (*01 Nghệ sĩ nhân dân, 05 Nghệ sĩ ưu tú; 01 Nghệ nhân nhân dân, 23 Nghệ nhân ưu tú*). Năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh đã hoàn thành công tác

⁵⁷ Lễ hội Háng Tán, thị trấn Hùng Quốc; Lễ hội Lồng Tồng, xã Cao Chương; Lễ hội Co Sầu, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh...; tổ chức thành công 02 lễ hội mới: Lễ hội du lịch Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh và Lễ hội về nguồn Pác Bó, huyện Hà Quảng; tổ chức Ngày hội văn hóa dân tộc Mông tại các huyện có đồng bào dân tộc Mông sinh sống (Bảo Lâm, Hà Quảng, Hòa An, Trùng Khánh, Bảo Lạc); duy trì, khôi phục các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống các dân tộc như: Hát then - Dân Tính, then cổ, phong slư, lượn cọi...; khuyến khích các tác giả: Triều Ân, Dương Sách, Hoàng Tuấn Nam... sáng tác nhiều tác phẩm, sưu tầm, ghi chép lại vốn văn hoá cổ truyền dân tộc.

kiểm kê di sản văn hóa phi vật⁵⁸; đến năm 2025 sưu tầm được 16.870 đơn vị hiện vật, trong đó, đơn vị hiện vật sách, sắc phong, tranh thờ là 125.

Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh: Từ khi được thành lập năm 2011 đến nay, Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh đã phát triển được 10 chi hội ở các huyện, thành phố với 2.192 hội viên, hoạt động thường xuyên, tích cực, đóng góp quan trọng trong công tác nghiên cứu, bảo tồn, truyền bá các thể loại dân ca các dân tộc trong tỉnh; phối hợp với UBND các huyện thành lập các Chi hội bảo tồn dân ca các dân tộc tại các xã, thị trấn nhằm khôi phục, gìn giữ và phát huy các làn điệu dân ca, dân vũ trên địa bàn tỉnh.

Về Thơ Đường luật: Trải qua 06 kỳ Đại hội, đến nay Hội đã phát triển được 74 hội viên; duy trì đẩy mạnh hoạt động sáng tác, tích cực vận động phóng viên, hội viên tham gia sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; đăng tải trên Báo Cao Bằng và Tạp san trên 100 bài thơ Đường luật; xuất bản được 06 tập thơ (Pác Bó Đường thi; Thơ Đường luật Cao Bằng...); năm 2023 phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xuất bản tập thơ “Biên Cương bình yên”; năm 2024 phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xuất bản tập thơ “Vang Mãi Khúc Quân hành”); hằng năm tổ chức đêm thơ Nguyên tiêu, Ngày thơ Việt Nam với nhiều tác phẩm hay ca ngợi Đảng, Bác Hồ, quê hương đất nước, mùa xuân, biên giới, biên đảo...

Về biểu diễn nghệ thuật: Đoàn nghệ thuật tỉnh đã có nhiều đóng góp trong phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội ở địa phương, đất nước. Năm 2018: Biểu diễn chào mừng Lễ đón nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; công bố Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An gắn với Chương trình Du lịch qua những miền di sản Việt Bắc; năm 2019 đăng cai, tổ chức thành công Liên hoan ca, múa, nhạc chuyên nghiệp toàn quốc đợt I; Liên hoan Hát then - Đàn tính tỉnh Cao Bằng lần thứ II; Lễ hội ánh sáng thác Bản Giốc; biểu diễn phục vụ các chiến sĩ tại quần đảo Trường Sa; tháng 5/2020 phối hợp với Đài Truyền hình nhân dân thực hiện chương trình phim ca nhạc với chủ đề “*Thanh âm còn mãi - Núi rừng vang mãi tiếng hát ơn người*”. Định kỳ tổ chức Hội thi Hát dân ca, trình diễn trang phục dân tộc và thi đấu thể thao (02 năm/lần); Liên hoan Hát then - Đàn tính (02 năm/lần); Phối hợp với Viện Âm nhạc xây dựng hoàn thành bộ hồ sơ “*Then Tày, Nùng, Thái*” Việt Nam trình UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại...

Về hoạt động sáng tác: Các hoạt động sáng tạo VHNT trên địa bàn tỉnh phản ánh đời sống sinh hoạt gần gũi, bình dị của Nhân dân các dân tộc; bức tranh văn hóa đặc sắc, phong phú của vùng đất quê hương Cao Bằng nhằm lan tỏa tình yêu quê hương, đất nước, con người vùng cao qua các tác phẩm VHNT. Hằng năm, có gần 150 tác phẩm văn học mới sáng tác đăng ký hỗ trợ sáng tạo, chất

⁵⁸ Sau kiểm kê hiện nay còn lưu giữ trên 2.000 di sản (trong đó về chữ viết 06, ngữ văn dân gian 150, tập quán tín ngưỡng 745, lễ hội truyền thống 200, nghề thủ công truyền thống 112, tri thức dân gian 487, nghệ thuật trình diễn dân gian 300 di sản).

lượng các tác phẩm được bạn đọc đánh giá tốt; nhiều tác phẩm được đăng tải trên các báo, tạp chí Trung ương và địa phương; xuất bản được 1.000 đầu sách, gồm nhiều thể loại: Tiểu thuyết, tập truyện ngắn, truyện dài, tập ký, tản văn, tập thơ, nghiên cứu văn hóa dân gian, từ điển, nghiên cứu sưu tầm, lý luận phê bình, sách tranh, ảnh nghệ thuật.

Về công tác giao lưu và hợp tác quốc tế về VHNT: Tỉnh uỷ đã chỉ đạo tăng cường tham gia, tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về VHNT. Các tác phẩm VHNT tiêu biểu của tỉnh được lồng ghép quảng bá trong các chương trình giao lưu, hợp tác quốc tế như: Chương trình “Đại liên hoan Nhân dân biên giới Việt Nam - Trung Quốc” tại huyện Tịnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc; các hoạt động Văn hóa dân tộc, Du lịch vùng biên giới với chủ đề “Choang tộc tam nguyệt tam - Bát Quế gia niên hoa” tại huyện Nà Po, Quảng Tây, Trung Quốc...

Về công tác xây dựng và phát triển VHNT quần chúng: Nhận thức rõ tầm quan trọng của VHNT quần chúng cũng như bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển VHNT quần chúng, tỉnh luôn chăm lo phát triển phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở; hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, VHNT truyền thống của tỉnh. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút đông đảo đoàn viên, cán bộ công chức, viên chức và Nhân dân tham gia như: Hội thi hát dân ca, trình diễn trang phục dân tộc, thi đấu thể thao; Liên hoan Hát then - Đàn tính; Ngày hội văn hóa dân tộc; Hội diễn nghệ thuật quần chúng công nhân viên chức, người lao động; Hội thi tuyên truyền viên - Hát ru, hát dân ca toàn tỉnh... Thường xuyên cử cán bộ, viên chức đi cơ sở giúp đỡ, hỗ trợ, hướng dẫn phong trào văn hóa, văn nghệ tại các địa phương trong tỉnh, góp phần thúc đẩy phong trào cũng như nâng cao chất lượng văn hóa, văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh. Hội bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh có 10 chi hội tại các huyện, thành phố, hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Qua đó góp phần quảng bá các tác phẩm VHNT có giá trị, đồng thời quảng bá hình ảnh, con người, nét văn hóa, du lịch, các di sản văn hóa, đặc biệt là di sản loại hình nghệ thuật dân gian của địa phương.

Về âm nhạc: Hỗ trợ xuất bản hơn 10 tập ca khúc; sáng tác trên 300 ca khúc và chuyển thể được hơn 50 ca khúc với chủ đề ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác Hồ và truyền thống quê hương cách mạng Cao Bằng với các tác phẩm tiêu biểu như: Cao Bằng quê hương tôi, Anh Đàn ơi, Đường về bản em, Bài ca những người đi chân đất, Nói với con của Nhạc sĩ Đàm Thanh; Dù rằng em hát chưa hay, Tổ khúc non xa xa (Thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh); Suối Lê Nin nhớ Bác, Ba Bể pé tiên, Trăng soi đường Bác (Nhạc sĩ Hoa Cương). Ngoài ra các Nhạc sĩ thế hệ sau như: Bế Kha, Đinh Trọng Tuấn, Trần Sỏi, Trần Trang Anh, Bế Ngọc Dương, Quốc Trường, Bế Ngân... đã có nhiều tác phẩm âm nhạc đạt giải cao tại các kỳ liên hoan âm nhạc khu vực và toàn quốc.

Về Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm: Tham gia các hoạt động Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Triển lãm tại địa phương, khu vực và toàn quốc: Nhiều Họa sĩ đạt giải cao tại các cuộc thi, triển lãm Mỹ thuật toàn quốc, khu vực, tiêu biểu có Họa sĩ

Lô Quang Thường đã đạt giải A tại Triển lãm Mỹ thuật khu vực miền núi phía Bắc năm 2021...; Nhiều tác phẩm ảnh nghệ thuật đạt giải thưởng chuyên ngành Trung ương, khu vực và toàn quốc: Có 13 tác phẩm được tham gia trưng bày tại các cuộc triển lãm ảnh trong nước và khu vực; 03 tác phẩm tham gia triển lãm tại Hàn Quốc; 04 tác phẩm đạt giải cấp tỉnh; thực hiện trên 300 cuộc triển lãm trong tỉnh và khu vực.

Trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 với các mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ cao, các thế lực thù địch lợi dụng mạng internet, lợi dụng VHNT, đặc biệt là mạng xã hội để tuyên truyền những thông tin sai trái, xuyên tạc nhằm chống phá cách mạng nước ta. Trong bất cứ thời điểm lịch sử nào của dân tộc ta, văn nghệ sĩ luôn là những người quan tâm đến thời cuộc, những tác phẩm VHNT lấy chất liệu từ cuộc sống, văn nghệ sĩ thổi hồn vào đó để cất lên tiếng nói của Nhân dân, của thời đại mình, hướng đến những giá trị chân - thiện - mỹ của cuộc sống, những giá trị thẩm mỹ và nhân văn cao đẹp.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ trong tiến trình lịch sử cũng như trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước. Với những văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của các bộ, ban, ngành Trung ương về lĩnh vực VHNT. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh cụ thể hóa các quy định, định hướng của Trung ương vào thực tiễn của tỉnh; tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý trong tổ chức triển khai thực hiện; nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động VHNT, tạo động lực để thúc đẩy VHNT trên địa bàn tỉnh từng bước phát triển; lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng trong triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Để phát huy có hiệu quả vai trò nòng cốt của đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng trong triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống; quan tâm, tạo điều kiện để đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; triển khai có hiệu quả các đề tài, dự án và công tác kiểm kê, sưu tầm bảo tồn di sản VHNT các dân tộc... văn nghệ sĩ có vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của địa phương. Thông qua những tác phẩm VHNT, phản ánh được những nét đặc trưng về Đất và Người Cao Bằng. Những tác phẩm VHNT này không chỉ giúp bảo vệ giá trị văn hóa địa phương mà còn góp phần lan tỏa vẻ đẹp, sự độc đáo của những sắc màu văn hóa các dân tộc Cao Bằng đến toàn quốc và thế giới.

Hai là, tăng cường tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hệ giá trị quốc gia thông qua nghệ thuật. Với vai trò là người truyền tải văn hóa, các văn nghệ sĩ Cao Bằng sáng tác, quảng bá, giới thiệu bằng các hình thức nghệ thuật thông qua âm nhạc, hội họa, văn học, sân khấu để phản ánh và khắc họa những giá trị quốc gia như tinh thần đoàn kết; lòng yêu nước; khát vọng vươn lên trong công cuộc xây dựng đất nước hiện đại... phát huy vai trò sáng tạo là công cụ mạnh mẽ trong việc xây dựng hình ảnh một đất nước Việt Nam phát triển, hòa nhập nhưng không mất đi bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Ba là, phát huy giá trị gia đình trong bối cảnh hiện đại: Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng vững chắc để xây dựng xã hội hạnh phúc. Văn nghệ sĩ thông qua VHNT khắc họa những giá trị đạo đức trong gia đình, như: Tình yêu thương, sự hy sinh, và trách nhiệm của các thế hệ trong gia đình đối với nhau. Những tác phẩm này không chỉ phản ánh hiện thực mà còn góp phần định hướng xây dựng một gia đình hạnh phúc, hòa thuận, là tấm gương để thế hệ trẻ noi theo và sống cuộc đời có giá trị.

Bốn là, đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng, thông qua các tác phẩm VHNT đã góp phần vào việc định hình các chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới như: Yêu nước, đoàn kết, trung thực, nghĩa tình, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo... Đặc biệt, các tác phẩm VHNT có thể phản ánh cuộc sống, những thay đổi trong tư tưởng và hành động của con người trong bối cảnh xã hội hiện đại, từ đó nâng cao nhận thức và tạo động lực cho mỗi cá nhân phấn đấu trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Năm là, khuyến khích sự sáng tạo trong đội ngũ văn nghệ sĩ, đặc biệt là đội ngũ trẻ, để tạo ra những sản phẩm nghệ thuật phong phú, hấp dẫn có sự kết tinh giữa truyền thống và hiện đại và mang giá trị nhân văn; đồng thời, tạo điều kiện để các thế hệ văn nghệ sĩ có cơ hội giao lưu, học hỏi lẫn nhau, từ đó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của VHNT Cao Bằng.

Sáu là, tạo sân chơi cho các sáng tạo nghệ thuật và hợp tác giao lưu quốc tế: Chú trọng tham gia, tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về VHNT; tổ chức nhiều chương trình, hội thảo, triển lãm, các sự kiện văn hóa nghệ thuật nhằm tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng và bảo vệ các giá trị văn hóa, gia đình và quốc gia. Qua đó, khuyến khích sự sáng tạo và sự đóng góp của mọi tầng lớp trong xã hội vào việc phát triển hệ giá trị chung của quốc gia; tạo mọi điều kiện cho đội ngũ văn nghệ sĩ tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế để học hỏi lẫn nhau, có thêm sự hiểu biết để tạo ra những dự án nghệ thuật mới phong phú và đa dạng.

Như vậy, văn nghệ sĩ có vai trò nòng cốt quan trọng trong việc triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới; đội ngũ văn nghệ sĩ Cao

Bằng luôn phát huy mạnh mẽ sự sáng tạo và tính cống hiến của mình; nêu cao tinh thần trách nhiệm của bản thân, cần ý thức rõ về vị trí, vai trò của mình trên con đường truyền tải các giá trị cốt lõi của quê hương, gia đình và con người Việt Nam trong thời kỳ mới; tích cực sáng tạo những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống xã hội, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước; là đội ngũ tiên phong gương mẫu, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và phát triển VHNT tỉnh Cao Bằng ngày càng phát triển lên tầm cao mới xứng tầm với tiềm năng của một vùng đất vốn giàu truyền thống cách mạng, VHNT phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc và mang tính đặc thù riêng của quê hương miền Non nước Cao Bằng.

**VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
TỈNH CAO BẰNG 50 NĂM SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT
(30/4/1975-30/4/2025): DẤU ẤN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên 6.724km²; dân số trên 54 vạn người và có đường biên giới giáp với Trung Quốc dài trên 333km; không chỉ là vùng đất có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng (*thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén,...*), vẫn giữ được nét hoang sơ;... là vùng đất có bề dày truyền thống cách mạng hào hùng, nhiều di tích lịch sử - văn hóa (*03 di tích Quốc gia đặc biệt⁵⁹; 02 bảo vật quốc gia⁶⁰*) và là “cái nôi” của cách mạng Việt Nam, nơi vinh dự được Bác Hồ lựa chọn để trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Nhân dân có truyền thống yêu nước, anh dũng, kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm, đoàn kết, cần cù, sáng tạo; tự lực, tự cường; trọng nghĩa, cương trực; thân thiện, mến khách,... mà còn là nơi lưu giữ kho tàng văn hóa dân gian vô cùng phong phú (*07 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁶¹; 109 lễ hội*), nơi hội tụ và lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Cao Bằng có trên 20 dân tộc anh em cùng cư trú và sinh sống, trong đó trên 95% là người dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô,... mỗi dân tộc đều có lịch sử phát triển riêng, ngôn ngữ riêng, phong tục tập quán, tín ngưỡng với những nét sinh hoạt văn hóa rất riêng, độc đáo, phong phú, có sự giao hòa văn hóa của nhiều dân tộc anh em, góp phần tạo nên những di sản văn hóa, vùng đất văn hóa đa sắc tộc, đậm đà bản sắc dân tộc và một nền văn học nghệ thuật (VHNT) đậm đà bản sắc, phong phú cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện, từ việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thường ngày (*ngôn ngữ Tày – Nùng, Mông, Dao,...*), đến việc sáng tác VHNT, biểu diễn các hoạt động văn hoá,... Những giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể quý báu, kho tàng văn hoá, VHNT rất đa dạng, phong phú này đã và đang làm cho Cao Bằng trở thành vùng văn hóa đa sắc màu và điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm thông qua những nét sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, các lễ hội, ẩm thực văn hóa hay trang phục, làng nghề truyền thống của các dân tộc,... Chính kho tàng di sản văn hóa này đã tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành và phát triển VHNT của Cao Bằng, là mảnh đất giàu tiềm năng, màu mỡ ươm mầm tài năng nghệ thuật ca, múa, nhạc, sân khấu

⁵⁹ Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt: Pác Bó, Rừng Trần Hưng Đạo, Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An.

⁶⁰ Đồi chuông chùa Viên Minh, đền Quan Triều (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng) và Bia Ma Nhai Ngự Chế của vua Lê Thái Tổ (xã Hồng Việt, huyện Hòa An).

⁶¹ Nghề rèn truyền thống của người Nùng An, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa; Lễ hội tranh đấu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa; Tri thức dân gian, nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình; Nghệ thuật trình diễn dân gian Lượn Cọi của người Tày ở 03 xã Yên Thổ, Nam Quang, Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm; Nghề Dệt thổ cẩm của người Tày xóm Luồng Nội, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng.

dân gian các dân tộc và là nguồn cảm hứng bất tận cho các hoạt động sáng tạo nghệ thuật, là nơi sản sinh, nuôi dưỡng các thể hệ nghệ nhân dân gian, văn nghệ sĩ ở các lĩnh vực, loại hình VHNT, góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong dòng chảy văn hóa Việt Nam.

Cao Bằng được biết đến là một vùng đất miền biên viễn xa xôi với câu: *“Cao Bằng gạo trắng, nước trong; ai đi đến đó lòng không muốn về”*, và là địa phương duy nhất được gọi là *“Non Nước”* đã đi vào thơ ca từ bao đời nay: *“Nàng về nuôi cái cùng con, để anh đi trả nợ non Cao Bằng”*.

Nhằm gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống tự hào của Cao Bằng, những đặc trưng riêng có và vô cùng độc đáo đó của địa phương mình, những đức tính tốt đẹp của con người nơi đây, để lấy đó làm nguồn lực nội sinh to lớn, trở thành nền tảng vững chắc, tiếp tục xây dựng quê hương Cao Bằng ngày càng đổi mới, phát triển. Trong nhiều nhiệm kỳ qua, cấp uỷ, chính quyền Cao Bằng luôn quan tâm, chú trọng và xác định nhiệm vụ quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh là việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Cao Bằng, trong đó có VHNT với những giải pháp đổi mới, sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thường xuyên quán triệt, tuyên truyền và triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về VHNT một cách kịp thời, theo định hướng của Đảng; quan tâm, tạo điều kiện đến các hoạt động VHNT trên địa bàn, xây dựng môi trường VHNT lành mạnh: Không ngừng bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ và nghệ nhân dân gian, nhất là các sáng tác trẻ dân tộc thiểu số; khôi phục, gìn giữ và truyền dạy các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống; xây dựng, phát triển các đội văn nghệ quần chúng; tổ chức các hoạt động biểu diễn văn nghệ, các hội thi, hội diễn cấp tỉnh, tham gia các hội thi, hội diễn khu vực và toàn quốc,... Vì vậy, VHNT các dân tộc thiểu số Cao Bằng đã đạt một số dấu ấn, kết quả nổi bật qua 50 năm sau ngày đất nước thống nhất:

Giai đoạn 1975 - 1986:

Sau năm 1975 đất nước ta hòa bình, thống nhất, non sông thu về một mối, đất nước bước vào thời kỳ mới, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa tái thiết đất nước. Tuy nhiên đến năm 1979, Cao Bằng lại bị ảnh hưởng nặng nề của chiến sự biên giới.

VHNT thời kỳ này gắn liền và phục vụ nhiệm vụ chính trị; đã có một số tác giả, văn nghệ sĩ tiêu biểu⁶² có các tác phẩm VHNT kịp thời tuyên truyền, cổ vũ, động viên tinh thần quân và dân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hội VHNT tỉnh

⁶² Một số tác giả tiêu biểu trên các lĩnh vực: Hoàng Triều Ân, Lâm Ngọc Thu, Y Phương (Văn học); Hoàng Ích Thu, Trọng Điền (Mỹ thuật); Đàm Thanh, Bế Kha, các nghệ sĩ Dương Liễu, Quỳnh Nha, Kim Tuế (Âm nhạc - biểu diễn); Chu Triều Dương, Nguyễn Mạnh Hùng (Nhiếp ảnh),...

Một số tác phẩm, tiết mục đạt giải cao: Huy chương Vàng: Tiết mục hát Then đàn Tính bài *"Điểm tựa"* do Mã Sĩ Hoan biểu diễn; lời thơ: Lê Đức Thọ; tiết mục đơn ca cùng tốp nữ bài *"Lời hát ru cô gái trẻ"* và tiết mục đơn ca *"Lời hát ru người trồng rừng"*, do ca sĩ Dương Liễu biểu diễn. Huy chương Bạc: Tiết mục Kịch múa *"Kim Đồng"*; tiết mục múa *"Những linh hồn bất diệt"*, biên đạo múa: Nghệ sĩ nhân dân Lê Khinh, âm nhạc: Đàm Thanh; tiết mục đơn ca và tốp nữ bài *"Em đã nghe"* do nghệ sĩ Xuân Ái biểu diễn;...

Cao Bằng sau khi thành lập (ngày 05/7/1985), đã làm tốt vai trò tập hợp đội ngũ văn nghệ sĩ, tham mưu cho tỉnh tổ chức các hoạt động VHNT phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Giai đoạn 1986 - 2000:

Sau Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12/1986), Trung ương đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết về lĩnh vực văn hoá, văn nghệ như: Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 52-CT/TW, ngày 08/6/1989 của Ban Bí thư, đã tác động tích cực đến đội ngũ cầm bút cả nước nói chung và tỉnh Cao Bằng nói riêng, tạo niềm tin và niềm húng khởi trong sáng tạo các tác phẩm VHNT.

Phong trào sáng tác VHNT Cao Bằng thời kỳ này phát triển mạnh mẽ, khởi sắc, gắn với công cuộc đổi mới; các tác phẩm phản ánh đời sống mới, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, được Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam đánh giá cao với nòng cốt là các nhà văn, nhà thơ đã có tên tuổi và có nhiều đóng góp đáng kể trong sự phát triển của nền VHNT Việt Nam⁶³.

Giai đoạn 2000 đến nay:

Cuối những năm 90 thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt cho đội ngũ văn nghệ sĩ, Trung ương đã ban hành các Nghị quyết về xây dựng và phát triển VHNT như: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI,... và đã thổi luồng sinh khí mới cho các hoạt động VHNT.

Cao Bằng đã tổ chức nhiều hoạt động VHNT, dành sự quan tâm phát triển đội ngũ tác giả trẻ dân tộc thiểu số,... Từ phong trào này đã xuất hiện một số văn nghệ sĩ trẻ người dân tộc thiểu số, các tác phẩm thời kỳ này đã góp phần không nhỏ làm nên diện mạo của VHNT Cao Bằng nói chung và VHNT các dân tộc thiểu số nói riêng sau thời kỳ đổi mới, tiêu biểu ở các lĩnh vực⁶⁴:

⁶³ Một số tác giả tiêu biểu các lĩnh vực: Bàn Tài Đoàn, Hoàng Triều Ân, Lâm Ngọc Thụ, Nguyễn Đức Dụ, Bế Việt, Vũ Thiêm, Nông Đình Ngô, Ngô Lương Ngôn, Y Phương, Bế Thành Long, Vương Hùng,... Thời kỳ này đã xuất hiện một số văn nghệ sĩ như: Trần Hùng, Hữu Tiến, Cao Duy Sơn, Lô Hoàng Ninh, Phan Thành, Hà Ngọc Thắng, Phan Thanh Nguyệt, Triệu Thị Mai, Trần Thị Mộng Dân (Văn học); Phan Hùng, Vũ Bình, Hoàng Phương (Mỹ thuật); Chu Đức Hòa, Hải Bằng, Văn Học (Nhiếp ảnh);...

Một số tác phẩm âm nhạc tiêu biểu: Anh Đàn ơi, Bằng Giang ơi, Chào Điện Biên; Trăng lên đầu núi, Bài ca những người đi chân đất, Đường về bản em, Cao Bằng muôn sắc hoa xuân, Gặp gỡ nơi đầu non, Khát cơn mưa đầu mùa, Nhìn trăng nhớ bạn, Đợi nàng,...

⁶⁴ Lĩnh vực văn học có các tác giả: Mông Văn Bốn, Nguyễn Văn Bình, Bế Phương Mai, Đinh Thị Mai Lan, Phạm Thanh Thắng, Nông Quốc Lập, Đàm Hải Yến,...; lĩnh vực Mỹ thuật có: Lô Quang Thường, Đặng Quốc Tự, Hoàng Thị Trang, Lưu Hồng Nét, Nông Văn Tuấn, Nông Huệ Hoa, Nông Văn Trường, Bàn Văn Sam,... lĩnh vực nhiếp ảnh có: Trần Trung Thành, Nguyễn Trung Nguyên, Nông Thanh Bình, Lục Thị Niên, Phạm Ngọc Khoa, Nông Văn Tuấn, Hoàng Văn Tuấn,...; lĩnh vực âm nhạc có: Trần Sồi, Đinh Trọng Tuấn, Bế Ngọc Dương, Bế Ngân, Vi Mộng Hoàng, Lục Quốc Trường (Sáng tác); các NSUT: Ma Hương Lan, Trần Đức Cảnh, Lâm Minh Huệ (Múa); các nghệ sĩ Hoài Thương, Hồng Thắm, Hương Lê, Kim Oanh, Lê Thu Diễm, Đinh Toàn (Biểu diễn),...

Văn xuôi thời kỳ này, nhất là văn xuôi các dân tộc thiểu số, dù còn mỏng về tác giả và số lượng khiêm tốn, nhưng đã có bước tiến đáng kể, góp phần làm nên sự đa dạng cho diện mạo chung của văn học Cao Bằng, đáng chú ý là thể loại tiểu thuyết, có một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu⁶⁵, trong đó nhà văn Cao Duy Sơn đã vinh dự nhận các giải thưởng về VHNT⁶⁶ năm 2017.

Thơ thời kỳ này có dấu ấn đậm nét, nổi bật là các nhà thơ Y Phương, Trần Hùng với nhiều thành quả, hai tác giả đều vinh dự nhận được nhiều giải thưởng của Nhà nước, của Hội Nhà văn Việt Nam về VHNT⁶⁷. Sau này, có sự xuất hiện của các tác giả trẻ⁶⁸. Những tác phẩm của các nhà thơ người dân tộc thiểu số đã làm cho thơ Cao Bằng có sự đa giọng điệu và hình thức thơ cũng có bước tiến mới.

Lĩnh vực văn học thiếu nhi: Cao Bằng đã xóa được vùng trắng về văn học thiếu nhi. Mặc dù văn học thiếu nhi của Cao Bằng còn non trẻ nhưng cũng đã góp phần đáng kể làm nên vóc dáng, diện mạo của văn học Cao Bằng sau 50 năm đổi mới. Giai đoạn này, Cao Bằng đã hình thành đội ngũ viết cho thiếu nhi tương đối mạnh, trong đó, có một số tác giả dân tộc thiểu số như: Đoàn Lư, Trần Thị Mộng Dân, Hữu Tiến, Đoàn Ngọc Minh đã nhận được giải thưởng trong các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

Lĩnh vực văn học dịch: Cho đến nay chỉ xuất hiện các dịch giả là Thân Văn Lư, Hoàng An và Triệu Lam Châu. Thân Văn Lư đã dịch thành công Truyện Kiều ra tiếng Tày - Nùng. Dịch giả Hoàng An vừa sáng tác, đồng thời cũng dành nhiều thời gian cho việc chuyển dịch các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam ra tiếng Tày - Nùng như: Truyện Kiều, Cung oán ngâm khúc và Chinh phụ ngâm. Đặc biệt, ông đã dịch thành công tác phẩm Ngục trung nhật ký (Nhật ký trong tù) của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ nguyên bản tiếng Hán ra tiếng Tày - Nùng. Dịch giả Triệu Lam Châu đã dịch nhiều tác phẩm văn học Nga ra tiếng Việt, từ tiếng Nga ra tiếng Tày. Đặc biệt, một loạt các tập thơ sáng tác bằng tiếng Tày - Nùng lần lượt ra đời, nhận được giải thưởng hằng năm của Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam. Năm 1994, Triệu Lam Châu đã giành giải nhất cuộc thi dịch văn học nước ngoài (*tập truyện ngắn Vương quốc Chim Họa Mi của Pautópxky*) ra tiếng Việt do báo Văn nghệ và Nhà xuất bản Văn học tổ chức. Các sáng tác tiếng Tày - Nùng không những biểu hiện tình yêu tiếng mẹ đẻ của các nhà thơ Cao Bằng, đưa đến cho người đọc cảm nhận về đẹp

⁶⁵ Hữu Tiến với các tác phẩm “Đèo không lặng gió”, “Hữu hạn”, “Chạy trốn”. Nông Quốc Lập với các tác phẩm “Phận người nơi biên ải”, “Buồng không cánh cửa”, “Chiếc vòng tay kỳ lạ”, “Trước mặt là núi cao”, “Mùa Tu Hú gọi bày”. Đoàn Ngọc Minh với các tác phẩm “Núi Đơ”, “Hoàng hôn Đơ”, “Chuyến đi săn cuối cùng”. Trần Thị Mộng Dân với “Bình yên thời con gái”...

⁶⁶ Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1992 (giải Nhì Hội Hữu nghị Việt - Nhật năm 1992), năm 1998; giải thưởng ASEAN 2010; giải thưởng Hội VHNT các DTTS Việt Nam năm 2010; giải thưởng Nhà nước năm 2017 (*một số tác phẩm tiêu biểu: Người lang thang; Những chuyện ở Thung lũng Co Sầu; Đàn trời*).

⁶⁷ Y Phương đạt các giải thưởng: Hội Nhà văn Việt Nam các năm 1987, 1992; Bộ Quốc phòng năm 2001; Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2001; Nhà nước năm 2007. Trần Hùng đạt các giải thưởng: Hội Nhà văn Việt Nam năm 2015; Văn học ASEAN năm 2020; Nhà nước năm 2022.

⁶⁸ Bê Phương Mai, Chu Văn Thắng, Đinh Mai Lan, Đàm Hải Yến, Hàn Thanh Duy,...

của ngôn ngữ Tày - Nùng mà còn góp phần bảo tồn, gìn giữ tiếng dân tộc trước nguy cơ ngày càng bị mai một.

Đội ngũ viết lý luận, phê bình chuyên nghiệp của Cao Bằng còn mỏng; chủ yếu mảng lý luận phê bình đều do những người sáng tác đảm nhiệm. Có thể nói, công tác lý luận phê bình chưa theo kịp sáng tác, tuy nhiên cũng đã có một số công trình chuyên sâu nghiên cứu văn học Cao Bằng, cũng như tác giả người Cao Bằng.

Lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu văn nghệ dân gian: Cao Bằng có đội ngũ văn nghệ sĩ, đội ngũ nghiên cứu khoa học khá bài bản, có nhiều dấu ấn, với những công trình được giải thưởng của Trung ương; được đánh giá cao về giá trị nghệ thuật cũng như khoa học. Các nhà nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian Cao Bằng đã dày công nghiên cứu, tìm tòi sáng tạo và có được những công trình khảo cứu, sưu tầm vốn văn hóa dân gian truyền thống, dân gian dân tộc với hàng trăm đầu sách. Lĩnh vực này đã có một số tác phẩm được trao giải thưởng, xuất bản và lưu giữ, làm cơ sở cho việc nghiên cứu khoa học. Hàng trăm đề tài khoa học về văn hóa, văn nghệ dân gian đã được nghiệm thu, được giới chuyên môn đánh giá cao, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc địa phương. Nhà thơ, nhà nghiên cứu Hoàng Triều Ân đã có nhiều tác phẩm và vinh dự được nhận giải thưởng Nhà nước năm 2012 lĩnh vực văn nghệ dân gian.

Lĩnh vực sáng tác âm nhạc: Các nhạc sĩ Cao Bằng đã tiếp thu vốn âm nhạc dân gian, dân tộc để sáng tạo nên những tác phẩm âm nhạc vừa hiện đại, vừa mang đậm bản sắc, có một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu⁶⁹ và được công chúng đón nhận. Đặc biệt, nhạc sĩ trẻ Trang Anh đã nhiều lần đạt giải thưởng hàng năm của Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Các nhạc sĩ Cao Bằng đã cho ra đời một số Album ca nhạc phổ biến rộng rãi. Một số sáng tác của các nhạc sĩ đã được Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng và Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng sử dụng.

Lĩnh vực biểu diễn: Bên cạnh các nghệ sĩ có tên tuổi như: NSND Dương Liễu, Xuân Ái; các NSUT Quỳnh Nha, Hoàng Kim Tuế, đã xuất hiện thêm các nghệ sĩ mới, nghệ sĩ trẻ⁷⁰,... đã có nhiều đóng góp trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các làn điệu dân ca dân tộc, các nghệ sĩ đã chỉ đạo, dàn dựng nhiều chương trình nghệ thuật, tham gia các hội diễn nghệ thuật khu vực, toàn quốc. Hội VHNT tỉnh đã tổ chức thành công ba đêm nhạc gây tiếng vang, đó là đêm nhạc Đàm Thanh, đêm nhạc Hoa Cương và đêm nhạc Bế Kha.

⁶⁹ Các ca khúc “Pác Bó Làng Sen”, “Anh Bế Văn Đàn ơi!”, “Cao Bằng quê hương tôi”, “Nói với con” của nhạc sĩ Đàm Thanh; “Tổ khúc Non xa xa”, “Ba Bế Pé Tiên” của nhạc sĩ Hoa Cương. Nhạc sĩ Bế Kha có Ngày Valentin ở bản Mông. Nhạc sĩ Trần Sỏi có ca khúc “Người Đẹp Cao Bằng”, “Đêm trên Pác Bó”; ca khúc “Gánh nước ban mai” của Triệu Lam Châu và ca khúc “Cao Bằng đón bạn” của nhạc sĩ Đinh Trọng Tuấn,...

⁷⁰ Hồ Quang, Đinh Long, Triều Ân, Tiến Khang, Tiến Dũng, Hồ Quý, Kim Oanh, Hoài Thương, Thúy Niêm, Hồng Thắm, Hương Lê, Đinh Toàn, Linh Quân (biểu diễn), các NSUT Mai Lan, Trần Đức Cảnh, Lâm Minh Huệ (Múa),...

Bên cạnh những thành quả đạt được, VHNT các dân tộc thiểu số Cao Bằng còn một số khó khăn, hạn chế như: Đối diện với thách thức về cơ chế, điều kiện sáng tác, đến việc thích nghi với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, mạng xã hội và thị hiếu công chúng ngày càng đa dạng; chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các dân tộc ở một số địa phương trên địa bàn chưa được quan tâm đúng mức; VHNT chưa thực sự gắn với du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương; các công trình văn hóa phục vụ hoạt động biểu diễn, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của Nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu; lực lượng làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình về VHNT còn thiếu, chưa theo kịp thực tiễn,...

Nhằm chỉ đạo đổi mới, triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động VHNT các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của quê hương, đất nước trong giai đoạn mới, tỉnh Cao Bằng tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về VHNT tới toàn thể cán bộ, đảng viên, hội viên, văn nghệ sĩ, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của VHNT trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển đời sống văn hoá và tinh thần của người Cao Bằng, xây dựng Cao Bằng là tỉnh có chỉ số hạnh phúc nhất Việt Nam.

Hai là, rà soát, bổ sung, xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về VHNT bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và yêu cầu thực tiễn của tỉnh; đưa nhiệm vụ xây dựng, phát triển VHNT gắn với phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đơn vị; tạo đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ các tài năng, nguồn nhân lực trong lĩnh vực VHNT. Xây dựng giải thưởng VHNT cấp tỉnh và quan tâm, thực hiện tốt chế độ khen thưởng, động viên, khuyến khích các văn nghệ sĩ đạt các giải thưởng cao về VHNT. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thể chế hóa chủ trương của Đảng; việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước về VHNT trên địa bàn; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động sáng tác, truyền bá những sản phẩm VHNT có nội dung, tư tưởng lệch lạc, thiếu lành mạnh, gây tác động xấu tới đời sống xã hội.

Ba là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, văn nghệ sĩ và Nhân dân trong công tác phát triển VHNT. Tích cực giới thiệu, quảng bá các tác phẩm, công trình nghệ thuật có chất lượng cao để định hướng thẩm mỹ công chúng. Tuyên truyền, vận động văn nghệ sĩ, phóng viên bám sát hiện thực cuộc sống, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng để sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị, nhân văn, giàu bản sắc dân tộc,... Nền VHNT trong tình hình mới cần gắn với tư duy chuyển đổi số; đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh chủ động tiếp cận,

tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các nền tảng kỹ thuật số; khuyến khích đổi mới hình thức tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm VHNT trên các nền tảng số.

Bốn là, thường xuyên kiện toàn, củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức Hội bảo đảm ứng yêu cầu nhiệm vụ theo hướng thống nhất, tinh gọn, hiệu quả, đổi mới; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý tham mưu trong lĩnh vực VHNT bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có uy tín, phẩm chất đạo đức, vững về chuyên môn; chăm lo phát hiện, bồi dưỡng và phát huy các tài năng VHNT là người dân tộc thiểu số; phối hợp chặt chẽ với các Hội chuyên ngành Trung ương, tạo điều kiện tốt nhất cho hội viên người dân tộc thiểu số Cao Bằng; làm tốt vai trò cầu nối giữa đội ngũ văn nghệ sĩ với Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp.

Năm là, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội VHNT tỉnh; phát huy vai trò tư vấn, phản biện xã hội về những vấn đề quan trọng liên quan đến sự nghiệp phát triển VHNT của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác lý luận, phê bình VHNT; định hướng hoạt động VHNT phục vụ nhiệm vụ chính trị, đấu tranh chống quan điểm sai trái, lệch lạc trong VHNT; đề cao và khuyến khích những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật, đấu tranh phê phán, ngăn chặn, bài trừ các sản phẩm văn hoá độc hại, không phù hợp ảnh hưởng đến đời sống văn hoá tinh thần của xã hội.

Sáu là, đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác về VHNT với các địa phương trong và ngoài nước; tiếp thu có chọn lọc những sản phẩm, tinh hoa văn hóa, VHNT của nhân loại; quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Cao Bằng và nền VHNT của tỉnh nhà ra tầm khu vực và thế giới thông qua các nền tảng số.

VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN TRONG PHÁT HIỆN, ƯƠM MẦM TÀI NĂNG NGHỆ THUẬT TRẺ

Tỉnh đoàn Thanh niên Cao Bằng

Văn học và nghệ thuật có vai trò rất quan trọng trong công tác tư tưởng. Đây là lĩnh vực mang lại sức mạnh tinh thần và giá trị nhân văn cho xã hội, có thể tác động đến tư tưởng, ý chí và hành động của người dân. Văn học và nghệ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư tưởng, hình thành ý chí của con người. Thông qua văn học, nghệ thuật thể hiện tinh thần độc lập, tự do, công bằng, đấu tranh cho sự tiến bộ của xã hội; truyền tải những thông điệp về sự cống hiến, sự hy sinh, tinh thần đoàn kết và sự tự hào về truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước. Ngoài ra, văn học và nghệ thuật cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc, giúp tăng cường nhận thức để giữ gìn, bảo tồn phát huy bản sắc tốt đẹp văn hóa của dân tộc. Phát triển văn hóa, bao gồm văn học, nghệ thuật là một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người khẳng định “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”.

Thấm nhuần tư tưởng của Người, trong hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn xác định đúng đắn vị trí, vai trò của văn học, nghệ thuật trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” đã khẳng định: “Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam”. Từ những kết quả sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và thực tiễn phát triển văn học, nghệ thuật, Bộ chính trị đã ban hành Kết luận số 84-KL/TW, ngày 21/6/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá X về xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

Thế hệ trẻ là những người được thụ hưởng nhiều giá trị của văn hóa, văn học, nghệ thuật, đồng thời là những người tiếp xúc nhiều nhất với những giá trị văn học, nghệ thuật mới, có khả năng sáng tạo và đổi mới cao, là lực lượng đông đảo nhất tạo ra những sản phẩm văn học, nghệ thuật mang đậm đà bản sắc dân tộc. Thanh thiếu nhi với độ tuổi có điều kiện phát triển về thể chất, trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, có khát vọng muốn tự khẳng định mình, là lực lượng có tiềm năng to lớn, đã và đang giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đất nước hiện nay và tương lai. Với lực lượng đông đảo, thanh thiếu nhi tỉnh Cao Bằng là lực lượng góp phần quan trọng trong phát triển văn văn học, nghệ thuật của tỉnh, là cầu nối quan trọng để đưa các tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, phù hợp với thời đại mới của các văn nghệ sĩ đến với các tầng

lớp Nhân dân. Đặc biệt, thanh thiếu nhi có khả năng ứng dụng các thành tựu của chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, nhờ đó có khả năng lan tỏa mạnh mẽ tác phẩm văn học, nghệ thuật của mình trên các nền tảng số. Vì vậy, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng luôn xác định rõ việc phát hiện và ươm mầm tài năng trẻ, đặc biệt là trong lĩnh vực nghệ thuật là một trong nhiệm vụ hết sức quan trọng của tổ chức.

Theo đó, nhằm phát hiện các tài năng nghệ thuật trẻ, trong những năm qua, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Cao Bằng đã chỉ đạo các cơ sở Đoàn, Hội, Đội trong toàn tỉnh phát huy vai trò của tổ chức, bám sát sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, tình hình thực tiễn của đơn vị tổ chức nhiều phong trào, hoạt động văn hóa, văn nghệ cho thanh thiếu nhi với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Hằng năm, toàn tỉnh tổ chức được trên 330 hội thi, hội diễn văn nghệ, thi vẽ tranh gắn với các sự kiện chính trị, sự kiện lịch sử của quê hương, đất nước, của địa phương và của tổ chức Đoàn, Hội, Đội. Tiêu biểu: Tỉnh Đoàn, Hội LHTN Việt Nam tỉnh, Hội đồng Đội tỉnh phối hợp tổ chức và tổ chức Cuộc thi “Tiếng hát măng non truyền hình tỉnh Cao Bằng”; Hội thi “Tự hào tiến bước dưới cờ Đảng”; Liên hoan “Vũ điệu tuổi xanh”; Cuộc thi vẽ tranh “Cháu yêu chú bộ đội”,... Ngoài các cuộc thi kể trên, các hoạt động tạo môi trường cho thanh thiếu nhi thể hiện tài năng nghệ thuật còn được lồng ghép triển khai thông qua các phần thi năng khiếu của liên hoan, hội thi “Học sinh thanh lịch”, “Chỉ huy Đội giỏi”, “Phụ trách Sao giỏi”, “Bí thư Đoàn cơ sở giỏi”, “Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi”, các sản phẩm tham gia cuộc thi “Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng” các cấp. Bên cạnh đó, các cấp bộ Đoàn, Hội, Đội đã triển khai, tuyên truyền có hiệu quả các hội thi, cuộc thi về nghệ thuật các ngành, các cấp tổ chức. Qua đó, đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu như: Liên đội Trường Tiểu học Hợp Giang đạt giải nhất chung cuộc năm học 2022 - 2023, Liên đội Trường Tiểu học Sông Hiến đạt giải nhất chung cuộc năm học 2023 - 2024 sân chơi đồng diễn flashmob dành cho khối Tiểu học; Liên đội Trường THCS Hợp Giang đạt giải nhì chung cuộc năm học 2022 - 2023 và giải nhất chung cuộc năm học 2023 - 2024 sân chơi đồng diễn flashmob dành cho khối THCS; Em Lý Phương Chi, Trường Tiểu học Trương Lương (huyện Hòa An) đạt giải nhì cuộc thi vẽ tranh toàn quốc dành cho thiếu nhi năm 2024 với chủ đề “Em vẽ sắc màu tình nguyện” do Hội đồng Đội Trung ương phối hợp tổ chức...

Năng khiếu là một dạng năng lực thuộc về bẩm sinh nhưng sẽ dễ bị mai một dần nếu không được phát hiện và bồi dưỡng kịp thời, đúng cách. Cùng với việc phát hiện, việc ươm mầm, phát huy tài năng nghệ thuật trẻ được các cấp bộ Đoàn, Hội, Đội thực hiện thông qua việc thành lập và duy trì thường xuyên, hiệu quả các câu lạc bộ văn nghệ, sở thích như hát, múa, hát then, đàn tính, vẽ tranh thông qua sinh hoạt câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu giữa các câu lạc bộ của các đơn vị. Hằng năm, toàn tỉnh thành lập và duy trì trên 650 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ với trên 24.000 thanh thiếu nhi tham gia tại

các Đoàn trường học và Liên đội. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn chỉ đạo, định hướng Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Cao Bằng tổ chức và phối hợp với Đoàn các cấp tổ chức các lớp bồi dưỡng năng khiếu cho thanh thiếu nhi vào dịp hè với các môn nghệ thuật đa dạng như: Múa, thanh nhạc, mỹ thuật, nhảy hiện đại, kèn trumpet, đàn organ, dẫn chương trình, đàn tính, nhảy dân vũ, aerobic... thu hút trên 200 lượt thanh thiếu nhi trên địa bàn toàn tỉnh tham gia. Qua đó, góp phần hỗ trợ cho thanh thiếu nhi phát triển toàn diện.

Mặt khác, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng các tài năng nghệ thuật trẻ thông qua việc đưa các tiêu chí đạt các giải thưởng về nghệ thuật là một trong những điều kiện ưu tiên xét chọn và giới thiệu tuyên dương các danh hiệu, giải thưởng của Đoàn, Hội, Đội các cấp như giải thưởng Kim Đồng, danh hiệu Châu ngoan Bác Hồ, danh hiệu “Học sinh 3 tốt”, “Học sinh 3 rèn luyện”, “Sinh viên 5 tốt”,... các cấp.

Với những kết quả đã đạt được trong những năm qua, có thể khẳng định công tác phát hiện và ươm mầm tài năng trẻ của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm và triển khai có hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phát hiện và ươm mầm tài năng trẻ còn gặp một số khó khăn như: Chưa có cơ chế hỗ trợ dài hạn cho việc phát triển năng khiếu của thanh thiếu nhi sau khi được phát hiện từ các hoạt động; Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, việc liên kết đội ngũ hướng dẫn nghệ thuật cho thanh thiếu nhi còn hạn chế, đặc biệt là ở các địa phương khó khăn; Công tác phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và tổ chức Đoàn trong bồi dưỡng, tạo điều kiện cho thanh thiếu nhi tham gia các hoạt động nghệ thuật đôi lúc chưa được đồng bộ.

Trong thời gian tới, để tổ chức, triển khai hiệu quả các hoạt động góp phần phát hiện, ươm mầm tài năng nghệ thuật trẻ, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn sẽ tập trung triển khai một số giải pháp, nhiệm vụ cụ thể như sau:

Một là, với vai trò đơn vị nòng cốt, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn sẽ chủ trì, tham mưu triển khai; phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số: 907/KH-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án phát hiện, bồi dưỡng và phát huy tài năng trẻ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Hai là, tiếp tục chỉ đạo, định hướng Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh tổ chức hiệu quả các lớp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật dài hạn và ngắn hạn; tăng cường đổi mới, đa dạng các môn học năng khiếu, cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo xu hướng hiện hành để đáp ứng nhu cầu của đông đảo thanh thiếu nhi. Quan tâm công tác tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác liên kết, phối hợp với các đơn vị có chuyên môn đào tạo nghệ thuật đảm bảo điều kiện cần thiết cho Trung tâm thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, chất lượng.

Ba là, đẩy mạnh tổ chức các sân chơi nghệ thuật các cấp theo từng lứa tuổi để tìm kiếm, kịp thời phát hiện những nhân tố có năng khiếu nổi bật. Tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật cộng đồng, các hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật với các tổ chức trong và ngoài tỉnh; kết nối, tổ chức các chương trình giao lưu với các văn nghệ sĩ có sức ảnh hưởng trong xã hội để truyền lửa, tạo động lực cho các tài năng nghệ thuật trẻ phát triển. Đồng thời, khuyến khích tài năng nghệ thuật trẻ tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật tại địa phương, tăng cường sự kết nối với cộng đồng và xã hội.

Bốn là, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội, Đội tại cơ sở, tích cực trong định hướng, hướng dẫn thanh thiếu nhi tham gia, trải nghiệm, bồi dưỡng năng khiếu thông qua các hoạt động văn hoá, văn nghệ, hội hoạ do Đoàn, Hội, Đội các cấp tổ chức.

Năm là, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về các gương mặt tài năng nghệ thuật trẻ lên các kênh truyền thông do tổ chức Đoàn, Hội, Đội quản lý, các ấn phẩm tuyên truyền. Có hình thức khen thưởng, biểu dương kịp thời nhằm động viên các tài năng nghệ thuật trẻ tiếp tục phát huy tài năng của bản thân.

Tài năng nghệ thuật trẻ là tài sản quý báu của quê hương, đất nước. Đoàn Thanh niên với sức trẻ, sự sáng tạo và vai trò dẫn dắt sẽ tiếp tục là lực lượng tiên phong trong việc phát hiện, nuôi dưỡng và chấp cánh cho những tài năng ấy. Trong thời gian tới, để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ trên, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự đồng hành, hỗ trợ của các cấp, các ngành trong toàn tỉnh để công tác này ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả thiết thực.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRONG NHÀ TRƯỜNG, GÓP PHẦN ĐỊNH HÌNH NHÂN CÁCH CAO ĐẸP CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng

Nhân cách là tư cách và phẩm chất của con người - được biểu hiện qua cách ăn ở, cư xử có đạo đức làm nên giá trị tốt đẹp của con người. Nhân cách cao đẹp của học sinh, sinh viên được biểu hiện lòng nhân ái, tình yêu nước, đức tính trung thực, tinh thần trách nhiệm,... Nhân cách của học sinh, sinh viên được hình thành bởi nhiều yếu tố như: môi trường sống, truyền thống gia đình, đặc biệt là qua giáo dục, trong đó không thể không kể đến vai trò của giáo dục văn học, nghệ thuật.

Văn học, nghệ thuật là hình thái ý thức xã hội đặc biệt, dùng hình tượng sinh động, cụ thể, gợi cảm để phản ánh hiện thực và truyền đạt tư tưởng, tình cảm cho con người. Giáo dục văn học, nghệ thuật trong nhà trường được thực hiện thông qua việc dạy học môn Ngữ văn (ở cấp tiểu học gọi là môn Tiếng Việt) và các môn Âm nhạc, Mỹ thuật.

Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT quy định môn Ngữ văn là môn học bắt buộc từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông (THPT) và là môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số hướng tới mục tiêu “giúp học sinh sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học và hoạt động giáo dục khác; hình thành và phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để học sinh phát triển về tâm hồn, nhân cách”; còn môn Âm nhạc và Mỹ thuật là các môn học bắt buộc ở cấp tiểu học, trung học cơ sở (THCS) và là các môn học lựa chọn ở cấp THPT, đồng thời là các môn học được đánh giá bằng nhận xét hướng tới mục tiêu “góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh; đồng thời thông qua việc trang bị những kiến thức cốt lõi, kỹ năng cơ bản về các lĩnh vực nghệ thuật, tập trung hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật cho học sinh; giáo dục thái độ tôn trọng, khả năng kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc trong quá trình hội nhập và giao lưu với thế giới, đáp ứng mục tiêu giáo dục hài hòa về đức, trí, thể, mỹ cho học sinh”.

Thời lượng giáo dục văn học, nghệ thuật thông qua các môn Ngữ văn, Âm nhạc, Mỹ thuật được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 như sau: Tiếng Việt lớp 1: 420 tiết/lớp/năm học; Tiếng Việt lớp 2: 350 tiết/lớp/năm học; Tiếng Việt lớp 3 đến lớp 5: 245 tiết/lớp/năm học; Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9: 140 tiết/lớp/năm học; Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12: 105 tiết/lớp/năm học; còn hai môn Âm nhạc và Mỹ thuật từ lớp 1 đến lớp 9 chiếm 70 tiết/lớp/năm học.

Từ đó, ta có thể thấy rằng tỉ lệ số tiết của các môn giáo dục văn học, nghệ thuật/tổng số tiết trong chương trình mỗi lớp học⁷¹ cao ở cấp tiểu học (từ 30,0 đến 56,0%) và giảm dần ở cấp THCS (20,3% đến 20,7%) phù hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông ở giai đoạn giáo dục cơ bản; đến cấp THPT, tỉ lệ còn 10,3% phù hợp với giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Quy định này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước: “Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người”.

Hàng năm, bám sát chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Sở GDĐT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học đối với giáo dục trung học và giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên; đồng thời tổ chức đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Trong năm học 2024 - 2025, Sở GDĐT đã tổ chức 01 cuộc tập huấn tăng cường năng lực kiểm tra, đánh giá theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên, cán bộ quản lý cấp THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (trong đó có các môn Ngữ văn, Âm nhạc và Mỹ thuật); phối hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tổ chức 01 cuộc tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy môn Ngữ văn lớp 9, 12 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Những hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giáo dục văn học, nghệ thuật trong các nhà trường.

Vì sao chúng ta có thể khẳng định rằng: văn học, nghệ thuật trong nhà trường góp phần định hình nhân cách cao đẹp cho học sinh, sinh viên?

Thứ nhất, văn học trong nhà trường là những tác phẩm văn học đã được chọn lọc hết sức kĩ lưỡng về cả giá trị nội dung và nghệ thuật để đưa vào chương trình, vào sách giáo khoa các lớp của các cấp học.

Những tác phẩm được đưa vào dạy ở cấp tiểu học góp phần giáo dục cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu gia đình, yêu trường lớp... qua những lời thơ giản dị như bài thơ “Tiếng nước mình” (Trúc Lâm), “Cánh cửa nhớ bà” (Đoàn Thị Lam Luyến), “Cái trống trường em” (Thanh Hào); dạy các em biết sống có ước mơ qua những câu chuyện như “Bay cùng ước mơ”, “Con trai người làm vườn”,...

Đến cấp THCS, thông qua hệ thống tác phẩm và thể loại văn học phong phú, thế giới tình cảm và nhận thức của học sinh được mở rộng, phong phú hơn. Các em được củng cố tình yêu đất nước qua việc tìm hiểu các tác phẩm như “Nam quốc sơn hà” - tác phẩm được xem như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của đất nước ta, “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật); bồi đắp tình yêu

⁷¹ Tổng số tiết học/lớp/năm học được quy định như sau: lớp 1, lớp là 875 tiết; lớp 3 là 980 tiết; lớp 4,5 là 1050 tiết; lớp 6,7 là 1015 tiết; lớp 8,9 là 1032 tiết; lớp 10, 11, 12 là 1015 tiết.

gia đình qua những tác phẩm như bài thơ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông), “Bếp lửa” (Bằng Việt), “Nói với con” (Y Phương); thêm yêu thiết tha quê hương qua những vần thơ của Tế Hanh; biết đồng cảm, thương xót, trân trọng với thân phận người phụ nữ trong các bài thơ “Bánh trôi nước” của nữ sĩ Hồ Xuân Hương và kiệt tác “Truyện Kiều” của đại thi hào Nguyễn Du; biết ơn và kính yêu Bác Hồ qua bài thơ “Viếng lăng Bác” (Viễn Phương); biết rung động trước những biến chuyển tinh tế của thiên nhiên qua những cảm nhận tinh vi và có chiều sâu của người nghệ sĩ qua những bài thơ như “Mùa xuân nho nhỏ” (Thanh Hải), “Sang thu” (Hữu Thỉnh),...

Sang cấp THPT, năng lực nhận thức, trải nghiệm những tình cảm của học sinh càng trở nên có chiều sâu hơn. Bên cạnh việc tiếp tục được bồi dưỡng những tình cảm cao đẹp như yêu quý, kính trọng thầy, cô giáo, thêm yêu và có trách nhiệm với quê hương, đất nước,... thì các em còn được giáo dục về ý thức trân trọng cá tính cá nhân qua “Bài ca ngất ngưỡng” (Nguyễn Công Trứ); biết xót xa cho những phận người dù phải sống leo lét, sống hoài, sống phí, sống trong bi kịch qua các truyện ngắn “Hai đứa trẻ” (Thạch Lam), “Đời thừa” và “Chí Phèo” (Nam Cao) nhưng vẫn không nguôi khát vọng được sống một cuộc đời đầy ánh sáng, cao đẹp và lương thiện,... Đặc biệt, khi tìm hiểu văn học Việt Nam sau 1975, các em còn cần biết tiếp dòng đối thoại với nhà văn để suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời, về con người và nghệ thuật qua nhiều truyện ngắn có kết thúc để ngỏ như “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu,...

Đồng thời, ở cấp THCS và THPT, vốn hiểu biết văn học nước ngoài của học sinh cũng được mở rộng qua tìm hiểu các tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc, văn học Pháp, văn học Mỹ,...

Có thể thấy rằng, văn học trong nhà trường đã đem đến cho học sinh, sinh viên những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống và con người, qua đó, giáo dục tư tưởng nhân đạo, lòng vị tha, tinh thần yêu công lí, chuộng lẽ phải, yêu quê hương đất nước, nuôi dưỡng lòng đồng cảm với đồng loại, kích thích khát vọng vượt lên trên cái tầm thường, hữu hạn để sống cuộc đời cao đẹp và có ý nghĩa hơn. Những cảm hứng thẩm mĩ như cảm hứng anh hùng, cảm hứng cao cả, cảm hứng cảm thương, cảm hứng chiêm biếm,... được gợi ra từ những tác phẩm văn học trong nhà trường làm cho các em biết rung động với những cảm xúc thẩm mĩ phong phú, đa dạng, luôn đứng về phía những tình cảm cao đẹp và tác động của những rung động ấy sẽ còn lại lâu dài trong tâm hồn các em.

Thứ hai, các môn Âm nhạc, Mĩ thuật giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực âm nhạc, năng lực mĩ thuật dựa trên nền tảng kiến thức âm nhạc, mĩ thuật phổ thông và các hoạt động học tập đa dạng để trải nghiệm và khám phá nghệ thuật; nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu âm nhạc, mĩ thuật và ý thức tôn trọng, kế thừa giá trị văn hóa, nghệ thuật dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mĩ thời đại, phát huy tinh thần sáng tạo phù hợp với sự phát triển xã hội; có khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng âm nhạc, mĩ thuật vào đời sống; có định

hướng nghề nghiệp phù hợp, phát huy tiềm năng hoạt động âm nhạc, mỹ thuật của học sinh,... góp phần phát triển ở các em những phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, trở thành những công dân phát triển toàn diện về nhân cách, hài hòa về đức, trí, thể, mỹ.

Việc thiết kế các chủ đề của môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật ở các cấp học rất hợp lí. Ở cấp tiểu học, học sinh bước đầu làm quen với kiến thức âm nhạc, mỹ thuật phổ thông; nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu âm nhạc, mỹ thuật qua những chủ đề gần gũi như “Niềm vui”, “Mùa thu”, “Tuổi thơ”, “Gia đình”, “Quê hương”, “Thiên nhiên”, “Loài vật em yêu”,...ở môn Âm nhạc; các chủ đề “Cảnh đẹp quê hương”, “Vẻ đẹp cuộc sống”, “Những kỉ niệm đẹp”,...ở môn Mỹ thuật. Đến cấp THCS, năng lực âm nhạc, mỹ thuật của học sinh được phát triển cao hơn, các chủ đề âm nhạc, mỹ thuật cũng trở nên phong phú hơn như: “Em yêu âm nhạc”, “Giai điệu quê hương”, “Biết ơn thầy cô”, “Mùa xuân”, “Ước mơ”, “Hòa bình”, “Âm vang núi rừng”, “Tự hào Việt Nam”, “Di sản mỹ thuật”, nghệ thuật hiện đại/ đương đại thế giới, nghệ thuật hiện đại/ đương đại Việt Nam, mỹ thuật của các dân tộc thiểu số Việt Nam,...

Theo thông kê, kết quả xếp loại hạnh kiểm/ rèn luyện ở mức Tốt, Khá của học sinh từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 luôn đạt từ 96,3% trở lên, xếp loại mức Yếu/ Chưa đạt dao động từ 0,1% - 0,4%. Điều này chứng minh hầu hết học sinh được đánh giá tốt về ý thức tu dưỡng, đạo đức, nhân cách và việc giáo dục văn học, nghệ thuật trong nhà trường đã đóng góp phần tích cực làm nên kết quả đó.

Như vậy, ta có thể thấy rằng văn học, nghệ thuật trong nhà trường đã trở thành những phương tiện nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh, tạo cơ sở vững chắc cho các em có những hiểu biết, những tình cảm thẩm mỹ nhân văn khi các em trở thành sinh viên. Với ý nghĩa đó, những tác phẩm văn học, nghệ thuật ưu tú góp phần làm cho thế giới tinh thần, trí tuệ của học sinh, sinh viên được giàu có hơn, phong phú hơn, sâu sắc hơn, rộng mở, tinh tế hơn, nhờ đó mà nhân cách của các em trở nên cao đẹp hơn, mong muốn đóng góp tích cực cho sự phát triển của quê hương, đất nước cũng nhờ thế mà trở nên tha thiết, cháy bỏng hơn.

Tuy nhiên, trong thời đại hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và các phương tiện nghe, nhìn cùng với xu thế toàn cầu hóa đã tác động đến việc dạy học văn học, nghệ thuật trong nhà trường. Một số học sinh chưa thực sự yêu thích các tác phẩm văn chương, âm nhạc, mỹ thuật trong nhà trường dẫn tới không hứng thú trong các giờ học, thiếu những cảm nhận sâu sắc về tác phẩm; viết văn hoặc làm các sản phẩm mỹ thuật theo mẫu mà các em tìm được trên các trang mạng xã hội hay yêu thích một số sản phẩm âm nhạc có những ca từ thiếu tính thẩm mỹ,... Tuy nhiên, nhìn trên đại thể, giáo dục văn học và nghệ thuật trong nhà trường đã thực hiện được sứ mệnh chủ yếu của mình là làm cho học sinh, sinh viên trở thành những con người có nhân cách tốt đẹp hơn thông qua những hình tượng nghệ thuật sống động, qua hệ thống ngôn từ, qua những giai điệu, tiết tấu, những nét vẽ giàu tính thẩm mỹ.

Trong thời gian tới, ngành Giáo dục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau để nâng cao chất lượng giáo dục văn học, nghệ thuật trong nhà trường, góp phần quan trọng vào việc hình thành và hoàn thiện nhân cách cao đẹp cho học sinh, sinh viên:

Về nhiệm vụ, ngành tăng cường vai trò của giáo dục văn học, nghệ thuật trong chương trình học, khẳng định tầm quan trọng của các môn học liên quan đến văn học, nghệ thuật trong quá trình giáo dục toàn diện học sinh, lồng ghép nội dung giáo dục giá trị sống, đạo đức, thẩm mỹ vào quá trình dạy học văn học, nghệ thuật; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu học sinh bằng cách tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi, hội thi nghệ thuật để phát hiện và phát huy tài năng nghệ thuật của học sinh; chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi môn Ngữ văn; khuyến khích học sinh, sinh viên có năng khiếu theo đuổi con đường nghệ thuật chuyên sâu như sáng tác tác phẩm văn học, âm nhạc, mỹ thuật, biểu diễn âm nhạc, tham gia triển lãm mỹ thuật,...; tăng cường mối liên kết giữa nhà trường và các tổ chức văn hóa, nghệ thuật như hợp tác với các nhà văn, họa sĩ, nghệ sĩ... để giao lưu, nói chuyện chuyên đề; tổ chức các chuyến tham quan bảo tàng, nhà hát, không gian văn hóa truyền thống; chú trọng xây dựng môi trường học tập giàu cảm hứng văn hóa, nghệ thuật bằng cách tổ chức các hoạt động ngoại khóa như sân khấu học đường, triển lãm mỹ thuật, ngày hội thơ ca, âm nhạc học đường hay tạo không gian nghệ thuật thân thiện trong khuôn viên trường học,...; tập trung nâng cao chất lượng điểm thi tuyển sinh vào lớp 10 và chất lượng thi tốt nghiệp THPT của học sinh, trong đó môn Ngữ văn là một trong số các môn thi bắt buộc.

Về giải pháp, ngành Giáo dục tăng cường chỉ đạo các cơ sở giáo dục và các thầy cô giáo tích cực đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy: áp dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, kết hợp đa phương tiện trong giảng dạy văn học, nghệ thuật; gắn kết nội dung giảng dạy với thực tiễn, cuộc sống và tâm lý lứa tuổi học sinh; coi trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm và năng lực thẩm mỹ cho giáo viên giảng dạy văn học, nghệ thuật; tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về đổi mới dạy học văn học, nghệ thuật, nhất là việc đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn trong các nhà trường cần có những bước đột phá mạnh mẽ hơn để đáp ứng yêu cầu mới về việc thi cử trên diện rộng: phải sử dụng ngữ liệu mới là những tác phẩm không được học trong các bộ sách giáo khoa hiện hành; chú trọng công tác đầu tư cơ sở vật chất và tài liệu học tập như trang bị phòng học nghệ thuật, nhạc cụ, thiết bị nghe nhìn phục vụ dạy học, cập nhật và bổ sung tài liệu giảng dạy phù hợp, hấp dẫn, phản ánh giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại; đồng thời tích cực khuyến khích học sinh tự học, tự khám phá tác phẩm thông qua việc hướng dẫn học sinh cách đọc, cảm thụ văn học, nghệ thuật; khơi gợi cảm hứng sáng tạo và tạo điều kiện cho học sinh thể hiện bản thân qua các sản phẩm sáng tạo cá nhân.

BÁO CHÍ CAO BẰNG GÓP PHẦN LAN TỎA GIÁ TRỊ CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT ĐẾN VỚI CÔNG CHÚNG

Báo Cao Bằng

Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực đặc thù có khả năng phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần, làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc và khơi dậy giá trị nhân văn trong xã hội. Báo chí - với vai trò là phương tiện truyền thông đại chúng - không chỉ là cầu nối giữa tác giả và công chúng mà còn là môi trường phản biện, định hướng thị hiếu thẩm mỹ, đồng hành cùng sự phát triển của nền văn học, nghệ thuật cách mạng Việt Nam.

Tại tỉnh Cao Bằng - mảnh đất địa đầu Tổ quốc, nơi hội tụ hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân gian đặc sắc và dấu ấn lịch sử cách mạng sâu đậm – báo chí đã, đang và sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc đưa các tác phẩm văn học nghệ thuật đến gần hơn với công chúng.

Năm 1941, khi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về Pác Bó, Báo *Việt Nam Độc lập* ra đời đã đặt nền móng cho báo chí cách mạng tại Cao Bằng. Những bài viết, tranh cổ động, thơ ca của Người không chỉ là phương tiện tuyên truyền cách mạng, mà còn là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị lâu bền. Điều này cho thấy từ khởi nguyên, báo chí Cao Bằng đã gắn bó mật thiết với văn học, nghệ thuật. Với vai trò tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến với đông đảo quần chúng nhân dân, Báo chí Cao Bằng đã bám sát nhiệm vụ chính trị, dành thời lượng và xây dựng các chuyên trang, chuyên mục văn hóa - văn nghệ, góp phần lan tỏa tình yêu thương con người và tự hào truyền thống lịch sử văn hóa, tôn vinh giá trị đạo đức, xây dựng hệ giá trị của con người quê hương cách mạng Cao Bằng.

Ngày 01/4/1932, Báo Cờ Đỏ, cơ quan tuyên truyền của Tỉnh ủy, tiền thân của Báo Cao Bằng ngày nay chính thức ra số đầu tiên. Đây là sự kiện quan trọng, tiếp nối truyền thống của báo chí cách mạng Cao Bằng mà nền móng đầu tiên là Báo Cờ đỏ (năm 1932)... Năm 1964, theo Nghị quyết 01 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa VI, tờ Tin Cao Bằng chuyển thành tờ Báo Cao Bằng. Ngày 01/4/1964, Báo Cao Bằng chính thức ra số đầu tiên. Ngay từ những số đầu tiên Báo đã dành dung lượng để đăng tải những tác phẩm văn học nghệ thuật của địa phương.

Bên cạnh các số báo thời sự, Báo Cao Bằng xuất bản số báo Cuối tuần duy trì chuyên trang “Văn hóa - Văn nghệ” đăng tải các bài viết chuyên sâu về thơ ca, truyện ngắn, tiểu phẩm... Đây là diễn đàn quan trọng để các tác giả địa phương thể hiện tâm tư, tình cảm với quê hương, đất nước. Nhiều cây bút trưởng thành từ đây đã có tác phẩm được in trên các báo, tạp chí Trung ương. Báo Cao Bằng Cuối tuần phản ánh sinh động các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, thể thao, đối ngoại của tỉnh,... Nhiều bài viết giàu tri thức,

thể hiện sáng tạo, đáp ứng nhu cầu thông tin và giải trí của bạn đọc. Báo vừa giữ vững tôn chỉ, mục đích của một ấn phẩm báo Đảng, vừa không ngừng đổi mới nội dung, hình thức trình bày, tạo dấu ấn riêng. Sự kết hợp hài hòa giữa tính chính luận và tính nghệ thuật đã góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền, tăng sức hấp dẫn và lan tỏa của báo Đảng địa phương.

Đài Phát thanh và Truyền hình Cao Bằng, tiền thân là Đài Phát thanh Cao Bằng, ngay từ những năm đầu thành lập (1977) đã xây dựng các chương trình văn hóa, văn nghệ phát trên sóng phát thanh - trở thành thế mạnh trong tuyên truyền văn hóa đến đông đảo thính giả trong và ngoài tỉnh. Các chương trình văn nghệ chiếm khoảng 50% thời lượng phát sóng hằng ngày, được thực hiện bằng 4 thứ tiếng: Tày, Nùng, Mông, Dao. Nhiều chương trình như Tiếng Then, Sli lượn, ca nhạc, câu chuyện truyền thanh... đã trở thành "thương hiệu", là món ăn tinh thần quen thuộc của khán thính giả. Năm 1996, Đài chính thức phát sóng chương trình văn nghệ trên truyền hình, định kỳ 30 phút vào thứ Bảy hằng tuần, đánh dấu bước phát triển của loại hình báo chí văn nghệ trên sóng truyền hình địa phương. Dù còn khó khăn về cơ sở vật chất và nhân lực, chương trình nhanh chóng thu hút khán giả, khẳng định vai trò thiết yếu. Đài còn tổ chức các cuộc thi như Tiếng hát Truyền hình, Tiếng hát Măng non, các gameshow, tọa đàm giao lưu, chương trình ca nhạc... góp phần làm phong phú đời sống tinh thần, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, nghệ thuật của công chúng.

Tạp chí Non nước Cao Bằng là diễn đàn sáng tác, phê bình, nghiên cứu văn học nghệ thuật địa phương, nhằm tuyên truyền, quảng bá chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Tạp chí còn đóng vai trò kết nối đội ngũ văn nghệ sĩ, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp cận với tinh hoa văn học nghệ thuật thế giới trong xu thế hội nhập. Giai đoạn 2020 - 2025, Tạp chí đã xuất bản 60 số với khoảng 42.000 bản, đăng tải hơn 2.700 tác phẩm. Tạp chí Non nước Cao Bằng đã trở thành diễn đàn quan trọng, thúc đẩy phong trào sáng tác văn học nghệ thuật ở địa phương, được Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam đánh giá cao, với sự tham gia của các nhà văn, nhà thơ nổi bật trong nền văn học nghệ thuật Việt Nam.

Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, người đọc có thể tiếp cận nhanh chóng với các loại hình văn học, nghệ thuật. Tuy nhiên, giữa "xa lộ" thông tin, điều này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ nhà báo viết về văn hóa, văn nghệ: phải nghiên cứu, tìm tòi sáng tạo, nâng cao tri thức để chọn lọc, truyền tải thông tin hữu ích đến công chúng. Nhịp sống hiện đại phần nào cũng ảnh hưởng đến sự quan tâm của công chúng đối với văn chương nghệ thuật, đặc biệt là giới trẻ.

Muốn có được những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị, cần bắt đầu từ nhu cầu và nguồn cung. Thẳng thắn nhìn nhận, văn học nghệ thuật trong nước đã có bước phát triển đáng kể, nhưng so với nhiều lĩnh vực khác vẫn chưa

theo kịp nhịp phát triển của xã hội. Khi xã hội cần những góc nhìn mới, tư duy mới, thì nhiều tác phẩm lại chưa đáp ứng được kỳ vọng của độc giả.

Thời gian gần đây, báo chí Cao Bằng đã có nhiều đổi mới trong tuyên truyền văn hóa, văn nghệ. Nhiều chuyên trang, chuyên mục như: “Non nước Cao Bằng”, giới thiệu tác giả - tác phẩm, tiểu phẩm truyền hình, câu chuyện văn nghệ, chương trình du ca, ca nhạc tiếng dân tộc, giới thiệu sách... đã tạo dấu ấn riêng. Đặc biệt, sự xuất hiện của các cây bút không chuyên đã góp phần tạo nên dòng tác phẩm mang đậm bản sắc, để lại ấn tượng cho bạn đọc. Qua các tác phẩm báo chí, độc giả cảm nhận được chiều sâu văn hóa, bản sắc dân tộc và những giá trị nhân văn, góp phần lan tỏa tình yêu quê hương, đất nước.

Thực tiễn qua 40 năm đổi mới cho thấy, báo chí và xuất bản luôn đóng vai trò xung kích trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, đồng thời tích cực quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, nhất là trong công tác lý luận, phê bình. Hiện nay, phần lớn hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật do các nhà báo đảm nhiệm, trong khi đội ngũ chuyên sâu được đào tạo bài bản về lý luận phê bình còn thiếu. Phần lớn nhà báo viết văn hóa, nghệ thuật xuất thân từ ngành báo chí, ngữ văn, nhưng điều đó chưa đảm bảo có đủ bản lĩnh, chuyên môn để thẩm định sâu sắc, chính xác các tác phẩm.

Thực trạng này đặt ra yêu cầu phải phát hiện, bồi dưỡng và hỗ trợ đội ngũ tác giả trẻ tại địa phương. Cần có cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả các nghị quyết về phát triển văn học, nghệ thuật; tạo môi trường sáng tác thuận lợi, nhất là trong bối cảnh hội nhập. Đặc biệt, báo chí cần tận dụng hiệu quả nền tảng mạng xã hội trong việc lan tỏa các tác phẩm văn học, nghệ thuật, nhất là những nội dung gắn với chủ đề “Học và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, nhằm thu hút giới trẻ, tạo hiệu ứng sâu rộng trong xã hội.

Báo chí Cao Bằng là lực lượng tiên phong trong việc lan tỏa giá trị các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến với công chúng, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới. Trước yêu cầu đổi mới và hội nhập, việc nâng cao chất lượng, đa dạng hóa phương thức truyền tải và phát huy sức mạnh tổng hợp giữa các lực lượng báo chí – văn nghệ sĩ – nhà quản lý là yêu cầu cấp thiết, nhằm tiếp tục khẳng định vai trò của báo chí trong công cuộc chấn hưng văn hóa và phát triển con người Việt Nam toàn diện.

KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH TỈNH CAO BẰNG TỪ 1975 ĐẾN NAY GÌN GIỮ BẢN SẮC, VƯỜN TÀM BỀN VỮNG

Hội Kiến trúc sư tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, từ lâu đã nổi bật với bản sắc văn hóa phong phú của các dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Mông, Dao,... cùng vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng và giao thương biên giới với Trung Quốc. Trong gần nửa thế kỷ, từ năm 1975 đến năm 2024, Cao Bằng đã trải qua những chuyển biến sâu sắc về kiến trúc và quy hoạch đô thị, nông thôn, phản ánh sự phát triển kinh tế - xã hội, tư duy của người dân và các chính sách quốc gia. Tham luận này nhằm phân tích quá trình phát triển, đánh giá những thành tựu đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại, đồng thời đề xuất định hướng cho giai đoạn 2025-2050, tận dụng tiềm năng văn hóa, du lịch và kinh tế biên giới.

Trước năm 1975, hệ thống đô thị tại Cao Bằng mang tính sơ khai, chủ yếu phục vụ các nhu cầu hành chính, thương mại và dân sinh. Trung tâm là thị xã Cao Bằng, được người Pháp xây dựng từ thời thuộc địa, với dân số khoảng 10.000 người. Thị xã này đóng vai trò hành chính và thương mại, với các công trình tiêu biểu như nhà công sở, chợ trung tâm và những ngôi nhà ở. Trong khi đó, thị trấn Tĩnh Túc, thuộc huyện Nguyên Bình, phát triển nhờ công nghiệp khai thác thiếc, với khoảng 2.000 công nhân sinh sống trong các khu nhà ở tập thể đơn giản, trở thành một đô thị công nghiệp sớm của cả nước. Khu trung tâm thành Nhà Mạc cũ (Cao Bình), không còn vai trò kinh tế hay hành chính, chỉ lưu giữ các di tích lịch sử. Ngoài ra, các trung tâm huyện lỵ và các thị tứ nhỏ là những trung tâm giao thương văn hóa sôi nổi của nhân dân các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao,... Những khu chợ phiên được tổ chức tại các điểm nút giao thông, với kiến trúc đơn sơ từ gỗ và lán tạm, phản ánh đời sống kinh tế - xã hội đặc trưng.

Về kiến trúc, thị xã Cao Bằng mang sự kết hợp giữa phong cách thuộc địa Pháp ở các công trình công cộng và kiến trúc truyền thống với nhà sàn Tày, Nùng. Tĩnh Túc có kiến trúc công nghiệp đơn giản, ưu tiên chức năng sản xuất như nhà máy và nhà ở công nhân. Các thị tứ sử dụng vật liệu địa phương như gỗ, đá, đất, tạo nên những công trình thấp tầng phù hợp với địa hình miền núi, đồng thời mang đậm bản sắc dân tộc.

Quy hoạch đô thị thời kỳ này chưa được tổ chức bài bản, phát triển tự phát theo nhu cầu dân sinh và kinh tế địa phương. Thị xã Cao Bằng có quy hoạch sơ khai theo mô hình thuộc địa, với các trục đường chính dọc sông Bằng và khu hành chính tập trung, trong khi các thị tứ nhỏ phụ thuộc vào địa hình tự nhiên và các tuyến đường liên thôn. Ở nông thôn, các làng bản dân tộc thiểu số phân bố rải rác, gắn liền với sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp. Kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản ở Tĩnh Túc và thương mại biên giới, trong khi văn hóa bản địa, đặc biệt qua các chợ phiên, chưa được khai thác trong quy hoạch và kiến trúc.

Do đó, để đảm bảo được mục tiêu hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng đô thị, trong những năm qua, cơ sở hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được quan tâm đầu tư, xây dựng, từng bước trở thành vùng động lực, cơ bản đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, sự thay đổi này có thể nhận thấy qua các giai đoạn phát triển như sau:

Giai đoạn 1975-1986: Tái thiết sau chiến tranh, quy hoạch kiểm soát

Sau khi đất nước thống nhất vào năm 1975, Cao Bằng bước vào giai đoạn tái thiết kinh tế và xã hội trong bối cảnh chiến tranh biên giới năm 1979 gây thiệt hại nặng nề. Nhiều hồ sơ quy hoạch của thị xã Cao Bằng và các thị trấn huyện lỵ bị thất lạc, buộc tỉnh phải tiến hành đo đạc và lập quy hoạch mới. Tuy nhiên, môi trường pháp lý còn sơ khai, chưa có Luật Quy hoạch hay các quy định cụ thể về kiến trúc, trong khi kinh tế bao cấp và nguồn lực hạn chế khiến hành nghề kiến trúc thiếu tính cạnh tranh. Dù vậy, tỉnh đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Thị xã Cao Bằng cùng các thị trấn huyện lỵ như Trùng Khánh, Bảo Lạc, Nguyên Bình,... được quy hoạch lại, tập trung vào các khu chức năng cơ bản như hành chính, dân cư và thương mại. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng thời cải tạo các tuyến giao thông chính như quốc lộ 3, 4 để kết nối thị xã Cao Bằng với các huyện lỵ.

Về kiến trúc, nhiều công trình công cộng lớn được xây dựng để đáp ứng nhu cầu tái thiết. Trụ sở Tỉnh uỷ phục vụ chức năng hành chính, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đáp ứng nhu cầu y tế cho nhân dân trong toàn tỉnh. Các công trình công nghiệp như Nhà máy xi măng Nguyên Bình, Nhà máy gạch Khuổi Dứa và Lò vôi Nậm Loát góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Ở nông thôn, các làng bản được tổ chức lại theo mô hình hợp tác xã, với một số hạ tầng nhỏ như đường liên thôn, nhà cộng đồng.

Giai đoạn này cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Kiến trúc phát triển chậm, thiếu sáng tạo, tập trung vào chức năng mà bỏ qua yếu tố thẩm mỹ và bản sắc văn hóa Tày, Nùng. Quy hoạch nông thôn chưa được chú trọng, chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, thiếu đầu tư hạ tầng, khiến các thị trấn huyện lỵ phát triển chậm. Chiến tranh biên giới gây gián đoạn phát triển, tàn phá nhiều khu vực nông thôn, làm chậm quá trình đô thị hóa.

Giai đoạn 1986-2007: Phát triển nóng, đổi mới quy hoạch

Chính sách Đổi mới năm 1986 mở ra giai đoạn phát triển kinh tế thị trường, mang lại nguồn lực đầu tư mạnh mẽ cho Cao Bằng. Các quy định pháp lý về quy hoạch và xây dựng dần hình thành, với Luật Xây dựng 1990 và các nghị định quản lý đô thị, tạo môi trường cạnh tranh hơn cho hành nghề kiến trúc, đặc biệt với sự tham gia của các đơn vị tư nhân. Thị xã Cao Bằng được mở rộng... cải thiện đáng kể hạ tầng giao thông và phân khu chức năng. Các thị trấn huyện lỵ như Trùng Khánh, Bảo Lạc,... cũng được nâng cấp để phục vụ kinh tế và thương mại biên giới. Quy hoạch đô thị bắt đầu tiếp cận các xu hướng quốc

tế, chú trọng không gian công cộng và hạ tầng kỹ thuật, đánh dấu bước chuyển mình trong tư duy phát triển.

Kiến trúc trong giai đoạn này trở nên đa dạng hơn, kết hợp phong cách hiện đại với yếu tố văn hóa địa phương. Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh, đạt giải Ba Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 1996 nhờ thiết kế hài hòa. Nhà văn hóa thiếu nhi Kim Đồng, đạt giải Khuyến khích Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 1998, với thiết kế sáng tạo, gần gũi trẻ em và mang nét văn hóa miền núi. Các công trình tư nhân như nhà ở, cửa hàng xuất hiện với thiết kế linh hoạt, phản ánh xu hướng kinh tế thị trường. Ở nông thôn, các làng bản bắt đầu được cải tạo, nâng cấp và hệ thống đường liên thôn được bê tông hóa. Thương mại biên giới phát triển mạnh mẽ, với các cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang được quy hoạch thành trung tâm thương mại, có kho bãi và chợ biên giới, kéo theo sự phát triển của các đô thị lân cận.

Khu di tích Pác Bó được cải tạo với các công trình mới như nhà trưng bày và khu tưởng niệm, trở thành điểm đến văn hóa - lịch sử quan trọng, thu hút khoảng 50.000 lượt khách mỗi năm vào cuối giai đoạn. Khu thắng cảnh Thác Bản Giốc bắt đầu được quy hoạch du lịch, với hạ tầng cơ bản như đường giao thông và khu đón tiếp, thu hút khoảng 100.000 lượt khách mỗi năm vào năm 2007. Tuy nhiên, phát triển nóng dẫn đến thiếu đồng bộ, với các công trình dân cư tự phát xuất hiện ven sông Bằng tại thị xã Cao Bằng, gây ô nhiễm và phá vỡ cảnh quan. Nhiều công trình đô thị thiếu bản sắc, chạy theo phong cách hiện đại mà bỏ qua nét đặc trưng Tày, Nùng. Quy hoạch nông thôn vẫn chậm, nhiều làng bản thiếu hạ tầng như hệ thống cấp nước sạch hay xử lý rác thải. Pác Bó và Thác Bản Giốc dù được đầu tư nhưng quy mô còn nhỏ, hạ tầng chưa đáp ứng lượng du khách tăng nhanh. Việc thiếu chính sách bảo tồn bản sắc dân tộc cũng khiến kiến trúc truyền thống như nhà sàn, nhà đất tại các làng bản gần đô thị đứng trước nguy cơ mai một.

Giai đoạn 2008 đến nay: Đô thị hóa hiện đại, nông thôn mới khởi sắc

Giai đoạn 2008 đến nay đánh dấu bước ngoặt đô thị hóa tại Cao Bằng, với khung pháp lý hoàn thiện từ Nghị quyết Trung ương 26 năm 2008 về phát triển nông thôn và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2009. Cao Bằng được công nhận là đô thị loại III vào năm 2004, sau đó trở thành thành phố Cao Bằng vào năm 2012, khẳng định vị thế trung tâm kinh tế, văn hóa. Kinh tế phát triển mạnh mẽ nhờ đầu tư hạ tầng, du lịch, đặc biệt với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non Nước Cao Bằng được công nhận năm 2018, cùng với đó là sự phát triển mạnh của thương mại biên giới.

Phối cảnh minh họa tổng thể TP.Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Quy hoạch các khu chức năng: khu kinh tế cửa khẩu, các khu di tích, khu du lịch, quy hoạch cảnh quan được quan tâm và đầu tư, đây có thể coi là bước đột phá mới trong quy hoạch vừa tạo điều kiện địa phương cải tạo môi trường, cải tạo cảnh quan kiến trúc và là điểm thăm quan hấp dẫn cho du khách đến với Cao Bằng. Khu di tích Pác Bó được công nhận khu di tích quốc gia đặc biệt, với các công trình hiện đại và cảnh quan di tích được bảo tồn thu hút đông đảo du khách. Khu thắng cảnh Thác Bản Giốc trở thành khu du lịch trọng điểm quốc gia, trở thành biểu tượng du lịch Việt Nam. Các cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh

Kỷ yếu Toạ đàm khoa học "Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025): Thành tựu và định hướng phát triển".

được quy hoạch thành trung tâm thương mại và logistics, kéo theo sự phát triển của các đô thị lân cận.



Phối cảnh tổng thể Quy hoạch khu du lịch thác Bản Giốc

Các đô thị trung tâm huyện lỵ như Trùng Khánh, Bảo Lạc, Hoà An,... được quy hoạch gắn với kinh tế, du lịch và thương mại biên giới, tích hợp yếu tố xanh và bền vững.



Phối cảnh tổng thể Quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng

Về kiến trúc, nhiều công trình quy mô lớn được xây dựng đã góp phần thay đổi bộ mặt tỉnh. Một số dự án tiêu biểu:



Công trình Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Pác Bó, đạt Giải Khuyến khích Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2012, với thiết kế tôn vinh giá trị lịch sử và hòa quyện với cảnh quan thiên nhiên.



Trụ sở làm việc khối các cơ quan đoàn thể tỉnh, hoàn thành năm 2022, đạt Giải Bạc Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2022-2023, thể hiện sự kết hợp giữa phong cách hiện đại và bản sắc văn hóa địa phương

Nhà ở đô thị đa dạng từ nhà phố đến chung cư thấp tầng, trong khi kiến trúc du lịch phát triển với các khu nghỉ dưỡng và homestay tại Thác Bản Giốc, làng Khuổi Ky, làng Phia Thấp,... Hạ tầng nông thôn cải thiện đáng kể. Các làng văn hóa du lịch như Phia Thấp, Khuổi Ky, Pác Bó được quy hoạch bài bản, kết hợp bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế qua các sản phẩm OCOP chất lượng.

Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Phát triển nóng dẫn đến mất kiểm soát, với nhiều công trình tự phát như nhà ở, cửa hàng dọc quốc lộ 3 và ven sông Bằng tại thành phố Cao Bằng, gây ô nhiễm và ùn tắc giao thông. Sự thiếu liên kết giữa các đô thị khiến thành phố Cao Bằng phát triển vượt trội, trong khi các huyện lỵ như Bảo Lạc, Nguyên Bình chậm tiến do hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Nhiều công trình đô thị thiếu bản sắc, như khu nhà ở tại khu đô thị mới Đề Thám, mang phong cách chung chung, không phản ánh văn hóa Tày, Nùng. Ở nông thôn, chất lượng quy hoạch chưa đồng đều, với một số xã đạt chuẩn nông thôn mới nhưng thiếu bền vững, như thiếu hệ thống xử lý nước thải hoặc công trình công cộng xuống cấp. Đô thị hóa ven đô khiến kiến trúc truyền thống như nhà sàn bị thay thế bởi nhà bê tông, đặc biệt tại các xã gần thành phố Cao Bằng. Các xã vùng sâu tại các huyện như Bảo Lâm thiếu nguồn lực đầu tư, dẫn đến chênh lệch phát triển. Các khu chức năng đặc thù như Pác Bó và Thác Bản Giốc đối mặt với hạ tầng chưa đồng bộ. Du lịch tại Thác Bản Giốc gây áp lực lên môi trường, với rác thải và suy thoái cảnh quan ở một số khu vực ven thác.

Như vậy, có thể thấy trong gần nửa thế kỷ, Cao Bằng đã chuyển mình từ một vùng đất khó khăn thành một hệ thống đô thị - nông thôn hiện đại hơn, với thành phố Cao Bằng khẳng định vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính.

Những công trình kiến trúc đạt giải thưởng quốc gia, như Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh năm 1996, Nhà văn hóa thiếu nhi Kim Đồng năm 1998, Nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh năm 2012 và Trụ sở khối cơ quan đoàn thể năm 2022-2023, không chỉ thể hiện chất lượng thiết kế mà còn mang bản sắc văn hóa địa phương. Quy hoạch nông thôn mới và sự phát triển du lịch tại Pác Bó, Thác Bản Giốc, cùng các khu kinh tế cửa khẩu đã nâng cao đời sống người dân, quảng bá văn hóa và thúc đẩy kinh tế biên giới.

Tuy nhiên, quá trình phát triển còn bộc lộ nhiều hạn chế. Sự thiếu đồng bộ giữa đô thị và nông thôn, giữa trung tâm và vùng sâu tạo ra khoảng cách phát triển rõ rệt. Các “vết sẹo” đô thị do xây dựng tự phát, như khu vực ven sông Bằng, gây ô nhiễm và làm mất cảnh quan. Nông thôn phát triển chậm, với chất lượng quy hoạch chưa cao và thiếu chiến lược dài hạn. Các khu chức năng đặc thù chưa được khai thác tối ưu do hạ tầng yếu và quản lý du lịch thiếu bền vững. Những bài học kinh nghiệm rút ra là cần cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn bản sắc văn hóa, tăng cường kiểm soát để tránh xây dựng tự phát, đầu tư đồng bộ hạ tầng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đặc biệt, sự tham gia của cộng đồng là yếu tố then chốt, nhất là trong bối cảnh điều chỉnh đơn vị hành chính.

Nhằm hoàn thành cao nhất các mục tiêu đã đề ra và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị trong thời gian tới, Cao Bằng cần tận dụng tiềm năng văn hóa, du lịch và kinh tế biên giới để phát triển bền vững trong giai đoạn 2025 - 2050. Về quy hoạch đô thị, tỉnh cần tiếp tục đặt mục tiêu nâng cấp các đô thị trung tâm như: thành phố Cao Bằng, Nước Hai (huyện Hòa An), Phục Hòa (huyện Quảng Hòa) và Trùng Khánh (huyện Trùng Khánh) với hạ tầng thông minh, không gian xanh và kiến trúc mang bản sắc. Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và quốc lộ 3 sẽ được ưu tiên đầu tư để tăng liên kết vùng với Đông Bắc Việt Nam và biên giới Việt – Trung.

Các khu chức năng đặc thù sẽ là trọng tâm phát triển. Các Khu di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó, Rừng Trần Hưng Đạo và Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 sẽ được quy hoạch thành các trung tâm văn hóa - lịch sử quốc gia, tích hợp công nghệ VR/AR để tái hiện lịch sử cách mạng. Kết hợp giáo dục lịch sử và trải nghiệm văn hóa dân tộc. Thác Bản Giốc sẽ được quy hoạch thành khu du lịch quốc tế, với các khu nghỉ dưỡng xanh và không gian văn hóa Việt - Trung. Các cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh sẽ trở thành trung tâm logistics và thương mại quốc tế, thúc đẩy kinh tế và đô thị đồng thời phát triển.

Về kiến trúc, cần khuyến khích thiết kế kết hợp hiện đại và truyền thống, như nhà sàn Tày, Nùng cách tân, tập trung vào các công trình công cộng như nhà văn hóa, bảo tàng. Đề xuất xây dựng các trung tâm, biểu tượng như: Trung tâm Du lịch Quốc tế tại Thác Bản Giốc, Tượng đài Chiến thắng Đông Khê, Trung tâm Nghiên cứu Đa dạng Sinh học tại Phia Đén sử dụng vật liệu địa phương và năng lượng tái tạo, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kiến trúc xanh được khuyến khích áp dụng, sử dụng năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện

gió, phù hợp với địa hình miền núi và biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng nông thôn mới, tập trung vào kinh tế xanh và bảo tồn văn hóa. Mô hình các làng du lịch cộng đồng kết hợp nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm OCOP và homestay nhà sàn truyền thống.

Để thực hiện các định hướng trên, tỉnh cần triển khai nhiều giải pháp đồng bộ. Về khung pháp lý, cần ban hành quy định bảo tồn kiến trúc truyền thống trong quy hoạch đô thị. Đồng thời xây dựng kế hoạch quản lý du lịch bền vững tại các khu danh lam thắng cảnh và tái đầu tư vào bảo tồn cảnh quan. Về công nghệ, ứng dụng GIS vào việc giám sát xây dựng tự phát tại các đô thị, trong khi BIM sẽ hỗ trợ thiết kế, xây dựng các công trình lớn. Công nghệ VR/AR sẽ được tích hợp khu di tích nâng cao trải nghiệm du khách. Về nguồn lực, cần hợp tác với UNESCO để quản lý du lịch bền vững tại Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, huy động doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào khu nghỉ dưỡng, homestay và hạ tầng cửa khẩu, đồng thời kêu gọi tài trợ quốc tế cho các dự án hạ tầng. Cuối cùng, sự tham gia của cộng đồng cần được thúc đẩy thông qua các chương trình bảo tồn văn hoá, kiến trúc tại các địa bàn.

Có thể khẳng định, trong nửa thế kỷ, từ năm 1975 đến nay, Cao Bằng đã đạt được những thành tựu đáng kể trong kiến trúc và quy hoạch, từ tái thiết sau chiến tranh đến đô thị hóa hiện đại và phát triển nông thôn mới. Những công trình tiêu biểu như Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cao Bằng và Trung tâm hành chính mới đã khẳng định chất lượng và bản sắc kiến trúc của tỉnh. Các khu chức năng đặc thù như Pác Bó, Thác Bản Giốc và các khu kinh tế cửa khẩu đã trở thành động lực phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch. Tuy nhiên, các hạn chế về phát triển thiếu đồng bộ, xây dựng tự phát và bảo tồn văn hóa đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ hơn. Trong giai đoạn 2025 - 2050, Cao Bằng cần tận dụng tiềm năng văn hóa, du lịch và kinh tế biên giới, với các đô thị và các khu chức năng được nâng cấp. Sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại, bảo tồn bản sắc và sự tham gia của cộng đồng sẽ giúp Cao Bằng tiếp tục khẳng định vai trò là điểm sáng của vùng Đông Bắc Việt Nam.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT GẮN VỚI VIỆC BẢO TỒN, GÌN GIỮ, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

Đoàn Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng là một tỉnh miền núi có bề dày truyền thống lịch sử là một trong những địa phương có nền văn hóa đặc sắc với sự hiện diện của nhiều dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Mông, Dao, Lô Lô, Sán Chỉ,... Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa riêng biệt, thể hiện qua trang phục, phong tục tập quán, lễ hội... và đặc biệt là nghệ thuật biểu diễn dân gian. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và phát triển, việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thông qua hoạt động biểu diễn nghệ thuật đang đối mặt với nhiều thách thức.

Đoàn Văn công (*nay là Đoàn Nghệ thuật*) tỉnh Cao Bằng được Ủy ban Hành chính tỉnh ra quyết định thành lập ngày 23/01/1961 với số lượng 19 người. Hầu hết các anh chị em diễn viên được gọi về tập trung từ các cơ sở, nòng cốt là Đội văn nghệ xã Nam Tuấn (huyện Hòa An) và một số hạt nhân văn nghệ của các xã: Ngọc Đào (huyện Hà Quảng), Thông Huê (huyện Trùng Khánh), do đồng chí Mỹ Căn làm Trưởng đoàn. Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng ra đời đã mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lĩnh vực âm nhạc và sân khấu của tỉnh; là đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp duy nhất của tỉnh.

Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Đoàn Nghệ thuật tỉnh luôn tích cực đổi mới trong tổ chức xây dựng chương trình, tiết mục trên cơ sở sưu tầm, giữ gìn, khai thác và phát huy di sản văn hóa các dân tộc tỉnh, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thời đại. Xây dựng chương trình, tiết mục nghệ thuật tham gia Liên hoan, Hội diễn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DL), Cục Nghệ thuật Biểu diễn tổ chức. Nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc tỉnh Cao Bằng, đáp ứng nhu cầu được thưởng thức của nhân dân trong tỉnh, kế tục sự nghiệp và truyền thống của lớp diễn viên các thế hệ trước, cán bộ nghệ sĩ, diễn viên của Đoàn đã khắc phục mọi khó khăn, thi đua học tập, lao động sáng tạo, đoàn kết gắn bó xây dựng Đoàn ngày càng trưởng thành vững mạnh về mọi mặt. Chú trọng phát triển công tác đạo tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Đặc biệt công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc của nhân dân các dân tộc Cao Bằng, thông qua việc xây dựng chương trình, tiết mục nghệ thuật, phục vụ nhân dân trong tỉnh, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, giao lưu trong nước và quốc tế.

Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng được thành lập và phát triển như ngày hôm nay đã khẳng định sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về chính sách dân tộc trong lĩnh vực văn hóa - văn nghệ. Chính sự quan tâm chỉ đạo này là cơ sở vững chắc đưa Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục đứng vững

trên con đường làm công tác tuyên truyền văn hóa văn nghệ. Một chặng đường phấn đấu không mệt mỏi của những người làm công tác nghệ thuật.

Trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, Đoàn Nghệ thuật tranh thủ sự giúp đỡ của Cục Nghệ thuật biểu diễn tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tích đã được chất lọc qua bao thế hệ, tiếp tục phấn đấu, sáng tạo không ngừng, xây dựng các chương trình nghệ thuật đặc sắc, hiện đại với phương châm: Tiếp thu, bảo tồn những tinh hoa văn hóa có giá trị, trân trọng truyền thống nghệ thuật phong phú và quý giá của các dân tộc, góp phần vào công cuộc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã đề ra. Đoàn đã phát huy nội lực trong việc sáng tạo xây dựng các chương trình có quy mô lớn, có chất lượng nghệ thuật cao, phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa của tỉnh. Từng bước khẳng định năng lực của đội ngũ sáng tạo, biểu diễn nghệ thuật ca múa nhạc là người địa phương; tiến tới hình thành lực lượng sáng tác toàn diện gồm: Nhạc sĩ sáng tác, chỉ huy, phối khí; biên kịch, đạo diễn, biên đạo múa...

Trong suốt quá trình hoạt động, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Nghệ thuật và biểu diễn, Đoàn đã tham dự 17 kỳ liên hoan, hội diễn, cuộc thi ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc và khu vực; các cuộc liên hoan nghệ thuật quốc tế, Đoàn đã được ban tổ chức trao tặng hơn 80 huy chương các loại cùng nhiều phần thưởng cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc. Đoàn đã vinh dự được Nhà nước tặng những phần thưởng cao quý: 01 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất; 01 Huân chương Lao động Hạng Nhì, 01 Huân chương Lao động Hạng Ba; Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ VH-TT&DL, cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Cao Bằng; cùng nhiều Bằng khen của VH-TT&DL, Ủy ban Nhân dân tỉnh trao tặng. Các nghệ sỹ tiêu biểu đã được Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu cao quý: Nguyên Phó Trưởng đoàn Hoàng Quỳnh Nga được Nhà nước phong tặng danh hiệu NSUT năm 1993; cố nghệ sỹ Dương Liễu được phong tặng danh hiệu NSUT năm 1997; Trưởng đoàn Hoàng Kim Tuế được phong tặng danh hiệu NSUT năm 2002; Trưởng đoàn Ma Thị Hương Lan và diễn viên múa Trần Đức Cảnh được phong tặng danh hiệu NSUT năm 2019; diễn viên múa Lâm Thị Minh Huệ được phong tặng danh hiệu NSUT năm 2023. Đặc biệt, năm 2012, cố NSUT Dương Liễu đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sỹ nhân dân, đó chính là phần thưởng cao quý được Nhà nước ghi nhận trong quá trình lao động hết mình, phấn đấu không mệt mỏi của các nghệ sỹ, cống hiến cho nền văn hóa nghệ thuật của đất nước. Qua một chặng đường không ngừng phấn đấu đi lên của Đoàn Nghệ thuật tỉnh là cả một hành trình đầy cam go, với rất nhiều khó khăn trở ngại, nhưng Đoàn đã được các đồng chí Lãnh đạo tỉnh, các cấp các ngành luôn luôn đồng hành, quan tâm sâu sắc. Hiện nay, Đoàn Nghệ thuật tỉnh đã có một cơ ngơi khang trang với đầy đủ các phòng chức năng phục vụ cho công tác chuyên môn. Biên chế ban đầu từ năm 1961 Đoàn có 19 - 27 - 34 cán bộ, viên chức, thì nay con số của Đoàn đã tăng lên 48 người; chủ yếu là con em

các dân tộc trong tỉnh. Anh chị em diễn viên 100% đều được đào tạo cơ bản từ trung cấp trở lên, nhiều anh chị em còn rất trẻ đã thể hiện được khả năng chuyên môn vững vàng.

Trong công tác bảo tồn và phát triển văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc, Đoàn luôn nắm vững đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, chú trọng nguyên tắc, đặc trưng và yêu cầu của một chương trình nghệ thuật bao gồm: *“Tính Đảng, tính khoa học, tính dân tộc, tính đại chúng, tính thời sự, tính địa phương”*, vận dụng một cách sáng tạo và linh hoạt vào hoàn cảnh thực tiễn của tỉnh. Giải quyết tốt các mối quan hệ giữa hai yếu tố dân tộc và hiện đại, để bản sắc dân tộc của tỉnh luôn được trân trọng, giữ gìn mà vẫn từng bước được nâng cao theo yêu cầu phát triển chung của thời đại, tránh cổ hủ, lạc hậu, lai căng.

Hiện nay, các loại hình nghệ thuật truyền thống như hát Then, đàn Tính, Sli, Lượn của các dân tộc Tày - Nùng; hát Páo Dung của dân tộc Dao hay khèn Mông vẫn được duy trì và phát triển. Tuy nhiên, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật dân gian chưa thực sự thu hút được đông đảo công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Nhiều loại hình có nguy cơ mai một do thiếu người kế cận và sự tác động của văn hóa hiện đại, du nhập.

Đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, công chúng yêu nghệ thuật dân gian dân tộc. Đoàn đã xây dựng được nhiều chương trình, tiết mục phát triển dựa trên chất liệu dân ca, dân vũ của các dân tộc: Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán chỉ, Lô Lô.... Đặc biệt, Đoàn luôn chú trọng bộ môn hát Then - đàn Tính, xác định hát Then là tiết mục chủ đạo trong các chương trình nghệ thuật phục vụ đồng bào cũng như tham gia các kỳ liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc. Đoàn đã khai thác nhiều thể loại Then tính: Then cổ miền Đông, miền Tây (lời cổ dân gian), Then phát triển đặt lời mới. Hình thức biểu diễn, diễn xướng: Đơn ca, song ca, tốp ca hoặc cả một dàn then nữ với số lượng đông. Tất cả diễn viên nữ của Đoàn đều sử dụng đàn tính rất cơ bản, ngoài việc tự đệm đề hát còn có những tiết mục hòa tấu với bộ gõ hoặc đệm cho múa... Nhiều tiết mục Then đã được đông đảo khán giả yêu thích và đã đạt thành tích cao tại các kỳ Liên hoan, Hội diễn chuyên nghiệp cũng như giao lưu quốc tế.

Thực hiện hiệu quả công tác của đội Tuyên truyền Lưu động; trong đó, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân, tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp; phòng chống ma túy, an toàn giao thông, nông thôn mới, kế hoạch hoá gia đình...đẩy mạnh tuyên truyền trong công tác bằng hình thức hoá các tiểu phẩm và phát trên hệ thống loa truyền thanh, dùng xe ô tô tuyên truyền lưu động đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Nêu cao tinh thần của *“Người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng”*, cùng với sự sáng tạo tìm ra hướng mới của lãnh đạo đơn vị cho các hoạt động, sự đồng lòng nhất trí của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động. Đoàn

Nghệ thuật đã khắc phục mọi khó khăn, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ, kịp thời, hiệu quả góp phần vào công tác tuyên truyền, động viên, cổ vũ tinh thần cho nhân dân.

Nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng. Đoàn Nghệ thuật Cao Bằng đã chú trọng công tác sưu tầm vốn văn hóa quý báu của nhân dân các dân tộc trong tỉnh để đưa vào dàn dựng trong các chương trình nghệ thuật phục vụ công tác chính trị của tỉnh, cũng như giao lưu nghệ thuật trong nước, trong khu vực và quốc tế, phục vụ nhân dân. Đoàn đã có những cách làm thiết thực và hiệu quả: (1) Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. (2) Tiếp tục bám sát các nhiệm vụ chính trị của tỉnh để xây dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật gắn với tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phát huy tốt vai trò của hoạt động nghệ thuật trong tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, quê hương, con người, tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. (3) Luôn là lực lượng chủ đạo giúp ngành Văn hóa trong việc nắm bắt nhu cầu thị hiếu của nhân dân thông qua hoạt động biểu diễn, nhằm truyền tải những thông tin, tác động có hiệu quả tới tâm tư, tình cảm của đồng bào các dân tộc trong tỉnh góp phần vào việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc. (4) Tích cực đổi mới hoạt động nghệ thuật của Đoàn theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa để tạo ra những sản phẩm nghệ thuật phong phú, sinh động, đa dạng và hấp dẫn; chú trọng nâng cao chất lượng các chương trình biểu diễn trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân.

Đẩy mạnh công tác truyền dạy nghệ thuật dân gian: đẩy mạnh các hoạt động cung ứng dịch vụ nghệ thuật, nghiên cứu phương thức huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia sáng tạo và quảng bá sản phẩm nghệ thuật. Tổ chức sưu tầm, bảo tồn, gìn giữ và phát huy các làn điệu dân ca, dân vũ mang bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh, đặc biệt là các làn điệu hát Then - đàn Tính, góp phần đưa hát Then truyền thống trở thành phong trào quần chúng, là di sản và nét đẹp văn hóa đặc sắc của tỉnh. Thường xuyên cử cán bộ, viên chức, nghệ sĩ, diễn viên của Đoàn tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ nghệ sĩ, diễn viên trẻ có tài năng kế cận, để tránh thiếu hụt về nguồn nhân lực; tổ chức các lớp học tại Đoàn, mời các nghệ nhân dân gian truyền dạy những làn điệu dân ca, dân vũ cho diễn viên. Phối hợp

với các địa phương trong tỉnh tổ chức các chương trình giao lưu nghệ thuật dân gian dân tộc giữa Đoàn Nghệ thuật và các nghệ nhân, quần chúng của các cơ sở để diễn viên có điều kiện học tập, hiểu biết sâu sắc hơn trong công tác bảo tồn; tổ chức các đợt đi thực tế, sưu tầm tư liệu để sáng tác, biên đạo, xây dựng chương trình tiết mục mới, bổ sung thường xuyên vào chương trình biểu diễn, đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức biểu diễn của mỗi chương trình phục vụ. Đưa các loại hình nghệ thuật truyền thống vào không gian du lịch để vừa quảng bá văn hóa, vừa tạo thêm giá trị kinh tế. Tham mưu tổ chức các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật dành cho thế hệ trẻ nhằm thu hút sự quan tâm và khuyến khích thế hệ kế cận.

Ứng dụng công nghệ và truyền thông trong quảng bá nghệ thuật dân gian: Sử dụng mạng xã hội, nền tảng số để giới thiệu, quảng bá các loại hình nghệ thuật truyền thống; xây dựng các video, phim tài liệu về nghệ thuật dân gian Cao Bằng để giới thiệu rộng rãi đến du khách và cộng đồng. Tạo các kênh giao lưu, hợp tác với các đoàn nghệ thuật trong và ngoài nước để mở rộng phạm vi quảng bá. Tham mưu, đề xuất xây dựng chính sách đãi ngộ xứng đáng cho các nghệ nhân có đóng góp trong bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, hỗ trợ kinh phí cho các chương trình biểu diễn nghệ thuật chất lượng cao. Xây dựng không gian văn hóa, sân khấu biểu diễn chuyên biệt để phục vụ các chương trình nghệ thuật truyền thống.

Nhìn lại chặng đường và những đóng góp của các nghệ sĩ Đoàn nghệ thuật tỉnh Cao Bằng vào nền VHNT các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất; có thể nói, công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc tỉnh Cao Bằng trên cơ sở hoạt động biểu diễn và tuyên truyền đến với nhân dân đã có sức cuốn hút và lan tỏa mạnh mẽ, là điểm sáng, là mô hình đối với phong trào văn nghệ quần chúng ở địa phương về tính dân gian dân tộc. Hoạt động biểu diễn tuyên truyền của Đoàn đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cũng như nhận thức của quần chúng nhân dân trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Việc nâng cao chất lượng hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chỉ góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mà còn thúc đẩy phát triển du lịch, kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng. Để làm được điều đó, cần sự chung tay của các cơ quan quản lý, nghệ nhân, nghệ sĩ và toàn thể cộng đồng.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC CAO BẰNG 50 NĂM TIẾP NỐI, PHÁT TRIỂN

Nhà văn Cao Duy Sơn

Để nhận định tổng quan văn học nghệ thuật Cao Bằng sau 50 năm đất nước thống nhất thiết nghĩ cần có nhiều ý kiến của nhiều chuyên gia, văn nghệ sỹ về các chuyên ngành khác nhau. Sẽ cho chúng ta cái nhìn khách quan, đầy đủ hơn.

Là người viết văn, sau hơn 20 năm tham gia tổ chức thực hiện các hoạt động của Hội VHNT các dân tộc thiểu số (DTTS) Việt Nam, tôi chỉ có thể nêu được phần nào sự tương tác qua lại giữa trung ương Hội với các cơ sở hội trong toàn quốc, và hiệu quả đạt được. Như thế e đã là tham vọng hơi quá tầm, nhưng sẽ cố gắng tiếp cận những điểm mấu chốt tạo nên sự tiếp nối, gắn kết, phát triển giữa các thế hệ hội viên Hội văn học nghệ thuật trung ương với các địa phương.

Năm 1993 khi chúng ta biết đến sự xuất hiện của Hội VHNT các DTTS Việt Nam, hẳn nhiên tên tuổi các tài năng VHNT người DTTS toàn quốc đã có từ trước đó. Việc cho phép thành lập Hội là chủ trương đúng đắn của đảng và nhà nước, nhằm tạo mái nhà chung cho những người hoạt động VHNT là người DTTS và người kinh gắn bó với miền núi, sáng tác về miền núi. Từ đó tạo nên phong trào rộng khắp, công hiến công trình, tác phẩm đậm bản sắc văn hóa. Thành tựu có được như ngày nay chúng ta không quên lớp tiền bối đã đặt nền cho VNHT các DTTS qua các thời kỳ.

Về văn học, thơ dân tộc thiểu số xuất hiện sớm hơn so với văn xuôi. Khoảng thế kỷ 16 tộc người Tày Cao Bằng có các nhà thơ Bế Văn Phụng, Nông Quỳnh Vân, nửa đầu thế kỷ 20 có Hoàng Đức Hậu. Bằng lối truyền khẩu thơ các ông tận ngày nay còn lưu truyền trong lòng người Việt Bắc. Tiếp đó là lớp nhà thơ tên tuổi gắn với cách mạng, kháng chiến như: Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Nông Viết Toại, Nông Minh Châu, Cầm Biều... với những tác phẩm ca ngợi quê hương đất nước, tâm lòng người miền núi với Đảng, Bác Hồ từ giữa thế kỷ 20.

Văn xuôi DTTS, miền núi xuất hiện muộn hơn. Đầu thế kỷ 20 thể loại mới được bạn đọc biết đến. Tuy nhiên loạt tác phẩm đầu tiên lại do những tác giả người Kinh viết như: *Vàng và máu* (1934) của Thế Lữ; *Truyện đường rừng* (1940) của Lan Khai; *Người sơn nhân* của Lưu Trọng Lư; *Lan rừng* của Nhất Linh; *Trong bóng rừng* của Hồ Dzếnh. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp bạn đọc còn được biết đến: *Nhật ký ở rừng* của Nam Cao (1948); *Ký sự Cao Bắc Lạng* của Nguyễn Huy Tưởng (1950); *Vợ chồng A Phủ*, *Cứu nước cứu Mường* (1952) của Tô Hoài; *Đất nước đứng lên* (1954) của Nguyễn Ngọc.

Tác phẩm của họ mang đến cho bạn đọc hình ảnh người DTTS từ heo hút, xa vắng đã trở nên gần gũi thân thiết. Những trang viết đã tỏ sự tôn trọng, bình đẳng của lớp nhà văn cách mạng kháng chiến đã gỡ bỏ lớp sương mù bí hiểm, ai đó đã từng vẽ ra trong quá khứ, cổ biến người miền núi thành những hình mẫu

thô lỗ, mông muội mang tính kỳ thị. Từ nay chân dung người dân tộc giữa không gian miền núi đã bước vào đời sống văn học với vẻ đẹp tự tin, được ứng xử công bằng trên từng con chữ. Và sau này là Ma Văn Kháng với *Đồng bạc trắng hoa xòe*, *La Pán Tản*; Trung Trung Đĩnh với *Đêm nguyệt thực*, *Lạc rừng* đã khắc họa đời sống hiện thực, đậm bản sắc dân tộc. Tài năng của họ đã thành động lực khích lệ các tác giả dân tộc bước vào con đường sáng tạo.

Giai đoạn trước cách mạng, tới kháng chiến chống Pháp tại khu Việt Bắc cùng với anh em nhà thơ Nông Quốc Chấn, Nông Viết Toại, Cao Bằng đã xuất hiện gương mặt tiêu biểu, đó là nhà thơ Bàn Tài Đoàn. Có thể khẳng định Bàn Tài Đoàn là nhà thơ dân tộc thiểu số đầu tiên ghi tên mình vào dòng thơ ca cách mạng Việt Nam. Do hoàn cảnh thiếu thốn, trước năm 1945 khi còn hoạt động trong bí mật những bài thơ của ông được ông khắc bằng mũi dao trên lá chuối. Những vần thơ mộc mạc bằng chữ Nôm Dao được đồng bào truyền cho nhau đọc, đem hát cho nhau nghe như một cách tuyên truyền cách mạng. Chuyện ngày đó của ông còn được người dân bây giờ vẫn kể.

Tác phẩm do nhà văn người Kinh viết đã khuyến khích năng khiếu văn nghệ DTTS. Họ đã tìm đọc và chiêm nghiệm, và đã gọi cho họ ý tưởng sáng tác theo lối riêng. Bằng tư duy, ngôn ngữ, bằng nội sinh văn hóa thâm sâu máu thịt, các nhà văn tương lai các dân tộc hy vọng, tự mình sẽ viết những tác phẩm bản sắc, đầy sức sống. Từ đây họ đã mạnh dạn đến với văn chương. Trở thành tác giả DTTS đầu tiên sáng tác văn xuôi bằng chữ Quốc ngữ là Nông Viết Toại. Ông là người đặt nền cho văn xuôi DTTS, với truyện ngắn có tên *Nậm nà* (Nước ruộng 1952), tiếp theo là *Bỏong tàng tập éo* (Bước đường ngoặt 1958). Sau ông là nhà văn Nông Minh Châu với truyện ngắn *Ché Mèn được đi học* (1959). Cũng thời gian này Nông Minh Châu đã ghi tên mình vào lịch sử văn học các dân tộc khi cho xuất bản tiểu thuyết *Muối lên rừng*, đây là tiểu thuyết đầu tiên của tác giả dân tộc thiểu số.

Năm 1959-1964 từ mầm tài năng sau kháng chiến chống Pháp, liên tục xuất hiện một loạt cây bút người dân tộc thiểu số đó là: Y Điêng dân tộc Xê Đăng với tác phẩm *Em chờ bộ đội Awa Hồ* (1960); Vi Thị Kim Bình với *Đặt tên* (1962); Vi Hồng với *Ngôi sao đỏ trên núi Phja Hoàng, Cây su su nọong Y*; Hoàng Hạc với *Kế Nàm* (1964)...sau lớp nhà văn xây nền đặt móng, thành công của thế hệ này nhanh chóng truyền nhiệt tới năng khiếu văn học trẻ dân tộc. Họ coi đó là tấm gương phấn đấu, cơ hội để rèn luyện ý chí, tài năng nhân cách. Liên tục cho công bố các truyện ngắn, tiểu thuyết, tác phẩm thơ gây được sự chú ý cho giới văn chương cả nước. Đó là Vi Hồng, Triều Ân, Lâm Ngọc Thụ, Ma Trường Nguyên, Vương Trung... Cùng tiền bối họ đã hòa thành một dòng chảy văn chương độc đáo, tươi trẻ đồng hành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục kháng chiến chống Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bên nhiệm vụ cổ vũ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam, nhà văn dân tộc thiểu số thời kỳ

này còn thêm trọng trách, tác phẩm phải phản ánh cho được phong trào thi đua yêu nước, gương người tốt, việc tốt...biểu dương những điển hình tích cực, phê phán tư tưởng cá nhân tiêu cực.... Có thể nói đây là thời kỳ tác phẩm được tạo ra từ tâm thế một chiều. Không ít nhà văn vì cái chung đã tạm gác lại cái “tôi” trong sáng tạo. Vì thế thời kỳ này nhiều khi đề tài phản ánh có nét giống nhau, lối kết truyện có hậu cũng chung mẫu. Gì đó đều đều, nhàn nhạt thường len tâm trí người viết. Không phải tài năng giới hạn, hay tiếp nhận của bạn đọc ở mức vừa phải, mà là bởi thời thế. Trong dòng chảy chung không thể chen cái khác thường. Vậy nên ta ghi công thể hệ tiên phong khai hoang, gieo hạt mùa đầu. Mùa đầu gặt hái được thế là quý lắm.

Thế hệ hôm nay nhận sự chuyển giao với thái độ trân trọng. Không chê và không bao giờ quên thành tựu lớp cha anh. Chưa nghe, chưa thấy văn nghệ sĩ dân tộc nào phê phán, hay xem nhẹ thành quả tiền bối để lại. Đó là phẩm chất quý của người dân tộc, luôn khắc ghi lời dạy tiên tổ “Cây cao bằng trời cũng không quên dưới chân có gốc rễ”. Văn học nghệ thuật cũng vậy.

Sau năm 1975, lĩnh vực âm nhạc chúng ta sẽ không bao giờ quên hai anh em, cố nhạc sĩ lừng danh Đàm Linh và Đàm Thanh, cùng nhạc sĩ Hoàng Hoa Cương. Bằng ngôn ngữ âm thanh họ đã để lại cho đời những tuyệt phẩm.

Đàm Linh được xem như một cây đại thụ của khí nhạc Việt Nam. Ông là nhạc sĩ chuyên viết nhạc giao hưởng, thính phòng. Những tác phẩm như giao hưởng: “*Tám Cánh*”, đại hợp xướng “*Trường ca Việt Nam*”, “*Bài ca chim ưng*” viết cho đàn violon và dàn nhạc, hay “*Tình yêu của mẹ*” viết cho đàn piano sẽ còn mãi với giới yêu âm nhạc bác học và khán thính giả trong nước, quốc tế.

Với Đàm Thanh người yêu âm nhạc cả nước sẽ còn nhớ mãi ca khúc “*Cánh chim báo tin vui*”, “*anh lính quân buru vui tính*”, “*Tôi là Lê Anh Nuôi*”, “*Con trâu*”...nhất là những ca khúc ông viết về Cao Bằng những năm sau này luôn chan chứa tươi vui, hồn nhiên, cũng thật thiết tha sâu lắng..đó chính là cá tính sáng tạo của nhạc người sĩ tài hoa.

Hoàng Hoa Cương là nhạc sĩ gắn bó cả đời với dân ca Cao Bằng, nhất là Then. Những bài hát then do ông đặt lời, cùng những sáng tác dựa trên làn điệu dân ca như :“*Phua bộ đội, mje dân quân*”, “*Tổ khúc non xa xa*”, “*Hai chổi rừng tàng bắc*”. “*Ba bể pé tiên*”, “*Hải bóoc hải hoa*”...và những ca khúc: “*Dù rằng em hát chưa hay*”, “*Từ Việt Bắc quê hương*”... sẽ còn mãi với người dân Cao Bằng. Mỗi khi nghe những ca khúc của ông ta như được trở lại những năm tháng cũ gian khó nhưng cũng thật hồn nhiên, tươi vui, ấm áp.

Từ sau năm 1975 văn học các DTTS được bổ sung lực lượng hùng hậu, trẻ hơn. Từ khu vực Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nam Bộ, Tây Bắc, Việt Bắc một loạt cây bút nổi lên chứng tỏ sự lớn mạnh của đội ngũ. Riêng Cao Bằng những người con sống xa quê vẫn miệt mài sáng tạo. Những tác phẩm mang hơi thở cuộc sống, sự tươi mới trong bút pháp đã mở ra một hướng đi tích cực, cuốn hút sự chú ý của đông đảo bạn đọc cả nước. Đó là cố

nhà văn Vi Hồng một tài năng sáng tạo của văn học DTTS không thể không nhắc đến. Tiểu thuyết ông viết hầu hết đều hướng về quê hương, với phong tục tập quán, không gian văn hóa đã in sâu tâm trí bạn đọc.

Khoảng gần chục năm cuối đời sức khỏe Vi Hồng ngày một suy kiệt, chỉ sở hữu duy nhất đôi mắt sáng đầy nghị lực cùng ý chí kiên cường, ông đã cho xuất bản 11 tiểu thuyết, 2 tập truyện ngắn, 4 tập truyện vừa, 4 tập sách thể loại nghiên cứu sưu tầm. Thành tựu để lại không chỉ số lượng, ông còn là ngọn cờ tiên phong đổi mới sáng tạo. Từ truyện ngắn đến tiểu thuyết ông tự làm mới một cách quyết liệt. Bút khối lối viết một chiều, trực diện với những vấn đề nóng xã hội. Những thật giả, tốt xấu, thiện ác trong mối quan hệ tri thức, quan chức, thường dân đều được phản ánh sinh động, chân thực, cuốn hút như tiểu thuyết: *“Vào hang”*, *“Gã ngược đời”*, *“Người trong ống”*, *“Chồng thật vợ giả”*, *“Thung lũng đá rơi”*. Đỉnh điểm là tập truyện vừa *“Đường về với mẹ chữ”*. Đây là tác phẩm cuối được ông viết và xuất bản năm 1997. Theo tôi đây là tác phẩm xuất sắc nhất Vi Hồng để lại cho văn học Việt Nam. Cái sự mới chính là thoát khỏi lối viết cũ. Một tác phẩm tự truyện thuyết phục được người đọc bởi hiện thực, lãng mạn; bởi yếu tố văn hóa, tư duy ngôn ngữ đặc sắc, sinh động. Tác phẩm khiến trái tim bạn đọc rung động, khi được cùng hoài niệm với tác giả về một thời những đứa trẻ con em đồng bào Cao Bằng, hành trình đi bộ về Thái Nguyên đến với “mẹ chữ”. Thuyết phục người đọc không chỉ bằng sự chân thực mà cả những hư cấu đáng yêu. Dường như những hư cấu đó đã đẩy tâm hồn đến đỉnh cao cảm hứng sáng tạo. Không bị ràng buộc bởi bất cứ gì. Hồn nhiên như sông núi, như sắc chàm quê nhà in sâu trong lòng bạn đọc.

Cùng thời với Vi Hồng, thời kỳ này Cao Bằng còn xuất hiện cây bút tiêu biểu đó là nhà văn Triều Ân. Từ năm 1965 Triều Ân đã trình làng tập thơ *“Tung còn và suối đàn”*, rồi *“Nắng ngàn”* năm 1974, *“Kin mác”* 1975. Không chỉ làm thơ, ông viết cả văn xuôi. Thời kỳ bút lực sung mãn nhất kể như từ năm 1975 tới những năm đầu thế kỷ 21. Thời gian này, ngoài truyện ngắn ông còn cho in một loạt tiểu thuyết như *“Nắng vàng bản Dao”* 1992; *“Nơi ấy biên thù”* 1994, *“Dặm ngàn rong ruổi”* 2000, *“Trên vùng mây trắng”* 2011... Cũng thời gian này ông đã hoàn thành 28 công trình nghiên cứu văn nghệ dân gian. Có thể nói Triều Ân có sức làm việc phi thường. Không chỉ tư cách nhà văn, ông còn là một nhà văn hóa mẫu mực. Một kho tư liệu sống đã để lại cho hậu thế những công trình nghiên cứu giá trị.

Cũng khoảng thời gian sau năm 1975 Cao Bằng còn xuất hiện những gương mặt thơ mới đã làm rạng danh một vùng đất, như Bé Thành Long, Từ Ngàn Phố, Y Phương. Tuy độ tuổi khác nhau nhưng ba thi sĩ xuất hiện cùng thời, được sinh ra từ vùng đất Trùng Khánh. Mỗi người mỗi vẻ, giọng thơ đầy cá tính đã đóng góp cho thi ca Việt Nam những tác phẩm độc đáo, chan chứa cảm xúc của một vùng non nước hữu tình như bước ra từ vườn cổ tích. Với Bé Thành Long bạn đọc sẽ còn nhớ mãi những vần thơ đầy sức quyến rũ và mơ mộng của ông *“Vòm động thức con dơi treo giấc ngủ, nhũ đá gây buồn thông*

tháng năm đi...” hay “*Đất nhẹ nở đầy hoa cúc dại, bãi bờ khô xác gió hoa lau*”(trích từ Hư không). Trong bao việc bận bịu ông cũng đã kịp để lại cho đời 2 tập thơ “*Đêm Trùng Khánh*” và “*Bóng quê hương*”. Tưởng như vậy đã là nhiều với một nhà thơ vốn kiệm lời, khiêm nhường và nhân hậu.

Trong bộ ba này Từ Ngàn Phổ trẻ nhất. Anh sinh năm 1953, những năm chống Mỹ tham gia quân đội, năm 1976 chuyển sang học khoa văn Đại học tổng hợp Hà Nội. Tốt nghiệp ra làm việc ở báo Lao động. Vừa viết báo, vừa làm thơ thi sĩ đã cho xuất bản 3 tập thơ, đó là “*Lửa mẹ cho*” (1986), “*Anh vẫn học cách yêu của cỏ*” (1995), “*Trán đá*” (2009). Đỉnh cao sự nghiệp thơ của Từ Ngàn Phổ là năm 1984 anh đã được Tạp chí Văn nghệ quân đội trao giải C cho tác phẩm “*Nhớ Thâm Tâm một chiều biên giới*”.

Nói đến Y Phương không thể chỉ liệt kê số lượng tác phẩm được ông công bố như “*Tiếng hát tháng giêng*”, “*Lời chúc*”, “*Đàn then*”, “*Vũ Khúc Tày*”... mà nhất định phải nói đến phẩm chất thơ của ông. Một con người yêu quê hương đến tận cùng trái tim và chi phối đến mọi ngõ ngách máu thịt mỗi khi ý thơ hiện lên, câu thơ bật ra, như còn nguyên hơi thở đất trời quê nhà trong từng con chữ. Cái hay nhất, mỗi khi viết ông coi ngôn ngữ tiếng Việt chỉ là phương tiện, còn hồn cốt mặc nhiên được khởi từ tư duy, cách nói, cách nghĩ người dân tộc mình. Bởi vậy mà nó thăm thẳm sâu lắng, bởi vậy mà trở nên độc đáo không giống ai, không ai có thể lặp lại. Thơ Y Phương thật hay, mà cũng thật đậm sâu mạch nguồn dân tộc.

Sinh thời nhà văn Vi Hồng nói với lớp trẻ, ai cũng nên tự mở con đường riêng để đi. Văn chương phải vậy, khó đấy! Nhưng muốn viết văn cho người khác đọc thì phải thế. Vậy nên đam mê là cần thiết nhưng phải biết lựa chọn, viết gì và như thế nào? Thế hệ hôm nay cái sự “biết” ấy họ đã nhận ra và đang phấn đấu. Đã mang đến cho văn học dân tộc thiếu số diện mạo mới. Như Hữu Tiến với tập truyện ngắn “*Trăng gần*”, “*Cô gái nhặt bông gạo*”, “*Chạy trốn*”..., Hoàng Quảng Uyên với tập bút ký “*Trí thức tỉnh lẻ*”, tiểu thuyết “*Mặt trời Pác Bó*”, “*Giải phóng*”, “*Nùng Trí Cao*”... Đoàn Ngọc Minh các tập truyện “*Núi Bó Phạ trở về*”, “*Gió xoáy*”, “*Nắng muộn*”, “*Nắng cuối đông*”, và tiểu thuyết “*Núi đỏ*”. Với nhà văn Đoàn Lư trong gần 20 năm đã viết và xuất bản 20 tập truyện ngắn và tiểu thuyết. Đây chính là lứa nhà văn trưởng thành từ sau năm 1975, và khi đất nước bước sang thời kỳ đổi mới năm 1986. Không khí đổi mới càng hồi thúc họ phải thay đổi cách viết cho phù hợp những biến đổi mạnh mẽ. Phải đáp ứng được sự chờ đợi của độc giả với những tác phẩm mang diện mạo thời đại, với tất cả sự khiêm nhường và có ích.

Thế hệ 8x Cao Bằng đã xuất hiện một số cây bút mới. Được thừa hưởng thành tựu của thế hệ tiền bối để lại, lớp viết văn trẻ Cao Bằng đã lấy đó là động lực đến với văn chương với một tâm thế mới. Tâm thế của lớp trẻ trước những biến đổi của xã hội. Trong không khí sôi động luôn giữ được lòng trong, tâm sáng, phát huy cao nhất năng lực, tạo nên những tác phẩm mang hơi cuộc sống. Đó là Đinh Mai Lan. Nông Quốc Lập, Nông Hồng Cư, Đàm Hải Yến, Mông

Văn Bốn... những tác phẩm của họ viết ra đều mang hơi thở thời đại, đậm bản sắc văn hóa truyền thống.

Những cuộc hội thảo về VHNT các DTTS hàng năm được Trung ương Hội tổ chức đã gợi mở cho văn nghệ sĩ DTTS hướng tiếp cận đổi mới sáng tạo. Tìm cho mình hướng đi nhanh nhất, gần nhất đến vấn đề định nói, đáng nói. Song có một vấn đề tiên quyết phải bám sát, đó là những chuyển động cuộc sống hôm nay. Cái mà bạn đọc quan tâm trong một xã hội hiện đại, với sự du nhập của các luồng văn hóa thế giới, vẫn luôn biết dựa vào nguồn cội văn hóa truyền thống phản ánh cho được những chuyển động tâm tưởng con người, xã hội. Cội nguồn văn hóa dân tộc là sự đảm bảo cho tác phẩm của các tác giả DTTS tồn tại, phát triển. Đó là lợi thế, sức mạnh cho tác phẩm đi vào cuộc sống, bạn đọc cả nước đón nhận. Đó là sự cần thiết cho sự tồn tại và sáng tạo của văn nghệ sĩ DTTS miền núi. Là thứ cốt yếu bạn đọc, khán thính giả cần và chờ đợi ở người nghệ sĩ dân tộc.

THỰC TRẠNG LÝ LUẬN PHÊ BÌNH CỦA VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ TRIỂN VỌNG NHÌN TỪ ĐỊA PHƯƠNG

Tiến sĩ Đỗ Thị Thu Huyền

Tạp chí LLPB VHNT – Hội đồng Lý luận Trung ương

Nửa thế kỷ đồng hành cùng những sáng tác văn học nghệ thuật

Đội ngũ những người làm công tác lý luận, phê bình là lực lượng đồng hành quan trọng với lực lượng những người sáng tác. Trong sự phát triển của mỗi nền văn học nghệ thuật, khi xét về sự tiếp nhận và đánh giá, cần phát triển bộ phận phê bình sáng tác và khu vực dân tộc thiểu số không ngoại lệ, thậm chí còn cần nhiều hơn nữa những quan tâm nghiên cứu. Phê bình, lý luận tại Việt Nam có hai vai trò quan trọng: đề xuất những mô hình sáng tác và thiết lập những mẫu hình đọc. Vai trò này lại càng có ý nghĩa đối với văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số bởi lẽ những mô hình sáng tác có thể phù hợp với từng nhóm dân tộc do đặc thù văn hóa, đời sống và truyền thống, chứ không thể áp dụng chung cho mọi dân tộc thiểu số. Mô hình sáng tác do vậy phải vừa tuân theo các chính sách nhất quán của Nhà nước, phải có sức gợi ý cho các sáng tác cụ thể của từng tác giả dân tộc thiểu số. Hơn nữa, việc tiếp nhận, đánh giá văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số lại gồm hai nhóm khá rõ ràng: những người trong chính bản thân dân tộc đó và những người không thuộc về dân tộc thiểu số. Điều này đưa đến sự phân hóa của hành vi tiếp nhận và quyết định khả năng phổ biến, cơ hội lan tỏa và quảng bá cho văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số nói chung và cho từng nhóm tác giả nói riêng. Và đội ngũ phê bình, lý luận văn học nghệ thuật do những người dân tộc thiểu số đảm nhiệm sẽ mang đến những cái nhìn của người trong cuộc, sẽ tạo nên những tác động, hiệu quả lớn. Họ tạo ra sự kết nối khác nhau giữa tác giả với công chúng nói chung; với các độc giả, khán giả chuyên biệt thuộc những nhóm ngành văn hóa khác nhau.

Đến thời điểm hiện tại, hướng nghiên cứu được triển khai nhiều nhất là việc tổng kết khái quát về những thành tựu cơ bản của văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Có thể thấy sự thành công trong các công trình nghiên cứu, phê bình này là việc các tác giả đã chỉ ra được một số đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật; khẳng định một số nét đặc trưng của từng thể loại, loại hình trong quá trình vận động và phát triển. Các công trình đa số đều kết hợp giữa việc giới thiệu những gương mặt tiêu biểu đồng thời bàn đến một số vấn đề như tiếng nói và chữ viết, truyền thống và hiện đại, bản sắc dân tộc... Một số tác giả tuy không xuất bản những công trình riêng về nghiên cứu phê bình văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số nhưng luôn dành sự quan tâm của mình về những vấn đề cụ thể, tuy thế, nhiều tác giả tập trung vào việc bình luận, gợi mở mà chưa có cái nhìn hệ thống, lý giải, khái quát...

Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam là một trong những trung tâm tập hợp đội ngũ sáng tác, nghiên cứu, phê bình, triển khai nghiên cứu một cách hệ thống và cập nhật thường xuyên tình hình sáng tác cũng như những đổi mới của nền văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số. Những công trình được thực hiện thường thiên về tính chất tuyển chọn, bình, điểm những gương mặt tiêu biểu qua những nét sơ lược về tiểu sử, các tác phẩm chính.

Trong đội ngũ những tác giả vừa sáng tác vừa có những công trình nghiên cứu, tiểu luận, phê bình có thể kể đến Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Hoàng Triều Ân, Hoàng An, Lò Ngân Sủn, Mã A Lềnh, Y Phương, Mai Liễu, Cao Duy Sơn, Inrasara, Hoàng Tuấn Cư, Hoàng Quảng Uyên, Đoàn Ngọc Minh, Hà Lý, Dương Thuấn, Linh Nga Niê Kdam... Trong số những tên tuổi nổi bật đó, không khó để thấy đội ngũ các tác giả của tỉnh Cao Bằng chiếm số lượng đáng kể. Các nhà lý luận, phê bình người Kinh hiện nay có nhiều đóng góp cho khu vực văn học này có thể kể đến PGS.TS. Phạm Quang Trung, PGS.TS. Hà Công Tài, PGS.TS. Trần Thị Việt Trung, PGS.TS. Lê Thị Bích Hồng, PGS.TS. Đào Thuỷ Nguyên, PGS.TS. Cao Thị Hảo, PGS.TS. Nguyễn Đức Hạnh, TS. Nguyễn Kiến Thọ, TS. Nguyễn Thị Thu Hoài,...

Nhìn chung, dù chưa “theo kịp” những đa sắc của sáng tác, nhưng lĩnh vực lý luận, phê bình cũng đã làm được đáng kể vai trò tổng kết, thúc đẩy, định hướng cho văn học nghệ thuật. Tuy chưa có sự cân đối, đồng đều khi lý luận phê bình văn học vẫn là chủ lực, vẫn nhiều thành tựu hơn so với lý luận phê bình các ngành nghệ thuật khác. Cùng với đó, có thể kể đến đa dạng cách thức, các xu hướng nghiên cứu, phê bình được thực hiện thường xuyên bởi các đơn vị, trung tâm nghiên cứu như Viện Văn học, Viện Nghiên cứu văn hóa, Trường Đại học Thái Nguyên⁷²... Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới cũng chỉ ra một số yêu cầu đối với lĩnh vực lý luận, phê bình như cần “Tiếp thu có chọn lọc những thành quả lý luận văn học của cha ông và của thế giới, vận dụng sáng tạo, làm phong phú lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại”, “khích lệ những tìm tòi, tôn trọng những ý kiến khác nhau về lý luận và phê bình văn nghệ vì lợi ích chung và sự phát triển lành mạnh của văn nghệ”...

Bước sang thế kỷ XXI, quá trình hội nhập sâu rộng vào văn học thế giới đã tiếp tục mang cho các văn nghệ sĩ Việt Nam nói chung và cho các tác giả dân tộc thiểu số nói riêng cơ hội tiếp cận sự đa dạng và phong phú của nền văn học nghệ thuật thế giới. Xu hướng công nghiệp văn hóa trở thành một mũi nhọn, một hướng đi quan trọng đặt ra vấn đề là, cần thiết có những thích ứng, bắt kịp trong chừng mực để tạo ra được sự hấp dẫn đối với độc giả, từ môi trường trường học đến môi trường rộng lớn hơn, từ những công chúng rộng rãi đến

⁷² Trường Đại học Thái Nguyên là môi trường hội tụ nhiều sinh viên các dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc, do đó những công trình nghiên cứu thường có mối liên hệ mật thiết với văn học các địa phương, tuy thế, cần nhiều hơn nữa những công trình dành cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Nam Bộ.

những công chúng tinh hoa – những người đóng vai trò thẩm bình, tiếp nhận, đánh giá.

Từ triển vọng ở Cao Bằng đề xuất hướng đi đối với lý luận, phê bình văn học nghệ thuật các địa phương

Một thực tế tồn tại hiện nay có thể thấy khá rõ là lý luận, phê bình ở các địa phương chưa phát triển lớn mạnh, chưa tạo được một diện mạo riêng. Hầu hết vẫn chỉ tập trung ở các trung tâm nghiên cứu lớn với những công trình được thực hiện bài bản, hệ thống và phần nào khơi được những vấn đề quan trọng của văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Yêu cầu đặt ra cho khu vực văn học nghệ thuật này rất cần những công trình như: *Đường chúng ta đi* (1972), *Một vườn hoa nhiều hương sắc* (1977), *Chặng đường mới* (1985), *Hành trang sang thế kỷ XXI* của Nông Quốc Chấn; *Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại* (1995), *Về một mảng văn học dân tộc thiểu số* (1999), *Văn học và Miền núi* (2002) và *Tiếp cận văn học dân tộc thiểu số* (2011)... của Lâm Tiến⁷³.

Trong những năm gần đây, hoạt động lý luận phê bình ở Cao Bằng được quan tâm nhiều hơn, qua các bài viết phê bình, giới thiệu tác phẩm đăng trên *Báo Cao Bằng*, tạp chí *Non nước Cao Bằng*, các ấn phẩm của mỗi cá nhân. Đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà nghiên cứu tại địa phương không chỉ viết mà còn tự phản biện, đánh giá tác phẩm trong cộng đồng sáng tác. Tuy nhiên, hoạt động lý luận phê bình vẫn còn hạn chế như thiếu đội ngũ chuyên sâu về lý luận, phê bình; những bài viết còn chưa thật sự sắc bén, chưa tạo được mạng lưới chặt chẽ với các trung tâm nghiên cứu, đào tạo lớn trong cả nước. Ở Cao Bằng, tiếp nối những dấu ấn dù chưa hẳn đậm nét, xuất sắc bởi có lẽ phê bình, tiểu luận cũng chỉ là một trong những lựa chọn để bộc lộ suy nghĩ, tình cảm đối với những tác phẩm, tác giả. Tuy thế, sau những tác giả Cao Bằng làm lý luận phê bình (cả chuyên nghiệp và chưa chuyên nghiệp) như Bàn Tài Đoàn, Hoàng Triều Ân, Hoàng An, Y Phương, Cao Duy Sơn, Hoàng Quảng Uyên, Đoàn Ngọc Minh, Hữu Tiến, Thu Bình... là thế hệ trẻ cho thấy những hứng thú với lĩnh vực này như Nông Hồng Cư, Hoàng Thị Hiền... Thêm vào đó, rất cần những sự kế tục các nhà nghiên cứu văn hoá đi trước như nghệ nhân Hoàng Thị Nhuận, NSUT Quỳnh Nha...

Đề phát huy hơn nữa công tác lý luận, phê bình đồng hành cùng sáng tác, đòi hỏi đặt ra cho mỗi địa phương là phát triển một nền lý luận phê bình vừa mang bản sắc địa phương vừa bắt nhịp với xu hướng chung... chúng tôi có một vài đề xuất như sau:

Thứ nhất: Cần phải củng cố, xây dựng, phát triển đội ngũ những người làm nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số; đặc biệt

⁷³ Chúng tôi chỉ tạm thống kê hai tác giả người dân tộc thiểu số với nhiều thành tựu, đặt nền móng cho nghiên cứu, lý luận, phê bình về văn học dân tộc thiểu số. Những công trình do chính những chuyên gia dân tộc thiểu số thực hiện sẽ mang đến một cái nhìn của người trong cuộc và trở thành tiếng nói vừa mẫu mực, vừa khả tín, quyền uy trong thẩm bình, đánh giá các tác phẩm văn học nghệ thuật.

chú ý tới đội ngũ trẻ, đội ngũ những người được đào tạo bài bản, có sự am hiểu sâu sắc về bản sắc văn hóa tộc người.

Đề tạo ra những lớp bồi dưỡng, đào tạo có quy mô, có chiến lược lâu dài, ngoài việc khích lệ sự dẫn thân của mỗi cá nhân, rất cần sự vào cuộc của các đơn vị, tổ chức có uy tín, đóng vai trò định hướng. Hội đồng Lý luận, phê bình văn học nghệ thuật Trung ương (nay là Tiểu ban Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật thuộc Hội đồng Lý luận Trung ương), Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ... cho đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình nói chung, trong đó có nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số.

Muốn phát hiện, bồi dưỡng và đồng hành cùng đội ngũ những người làm lý luận, phê bình, các Hội Văn học nghệ thuật địa phương nói chung, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng nói riêng phải thực sự rà soát được, nắm được tình hình và thậm chí là tâm tư, nhu cầu của hội viên. Bởi quan niệm viết là một công việc tự thân nên hiện nay vẫn có nhiều người viết trẻ có cá tính sáng tạo riêng không đặt nặng vấn đề phải tham gia vào Hội. Mỗi Hội địa phương cần đóng vai trò như một diễn đàn, một sân chơi quy tụ được sự đồng hành tích cực của các cá nhân. Cần thiết phải đổi mới hình thức tổ chức như mở các tọa đàm, lớp ngắn hạn để bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho những nhân tố mới. Đặc biệt chú trọng tới đội ngũ lý luận, phê bình người dân tộc thiểu số - những chủ thể nói lên tiếng nói sâu sắc nhất, đầy đủ nhất về mỗi nền văn học.

Thứ hai: Cần phải tạo được một diễn đàn với sự năng động, đa dạng của các hoạt động. Bên cạnh các trại viết, lớp bồi dưỡng, cần tổ chức các hội thảo khoa học về các tác giả, tác phẩm văn học nhiều thành tựu; về các vấn đề đặt ra trong tình hình mới, sự vận động của khu vực văn học này trong dòng chảy chung của công cuộc hội nhập⁷⁴.

Các chương trình của từng địa phương cũng cần được thực hiện chủ động, tích cực hơn. Có thể là những tọa đàm, hội thảo; có thể là những hoạt động được kết hợp bởi các tổ chức trong địa phương như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo... Chẳng hạn, nhìn từ đào tạo, chương trình của quốc gia có: sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6 bộ Cánh diều đưa vào giảng dạy tác phẩm *Chích bông ổi* của nhà văn Cao Duy Sơn; Bộ Chân trời sáng tạo, lớp 6 dạy bài thơ *Con là...* của nhà thơ Y Phương; lớp 7 dạy tản văn: *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát* của nhà thơ Y Phương. Ở Cao Bằng, trong chương trình giáo dục địa phương, hiện đã thực hiện được mục tiêu “trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về truyền thống lịch sử, văn hoá”..., “góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá, truyền thống lịch sử của cộng

⁷⁴ Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam tổ chức chuỗi hội thảo tổng kết 50 năm văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số sau ngày thống nhất đất nước, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học nghệ thuật Trung ương tổ chức tọa đàm về văn học dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc sau 1975...

đồng các dân tộc trong tỉnh”⁷⁵... nhưng từ những ngữ liệu đó, cần thiết có sự lồng ghép việc thực hành theo hướng cảm nhận, phê bình những tác phẩm VHNT.

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình về văn học các dân tộc thiểu số đã có nhiều khởi sắc, đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ tuy nhiên, việc giới thiệu trong giảng dạy ở các cấp học còn chưa đạt được những dấu ấn đậm nét. Điều này đặt ra một đòi hỏi là phương pháp tiếp cận độc giả cần thay đổi, thích ứng như thế nào. Việc khuyến khích tiếp nhận cần được thực hiện từ môi trường, phạm vi nhỏ như gia đình, trường học đến môi trường lớn hơn. Nếu việc giảng dạy trong chương trình địa phương là hết sức cần thiết thì việc đẩy mạnh đầu tư cho sáng tác thiểu số cũng cần thiết không kém. Bởi Cao Bằng là địa phương có nhiều tác giả viết cho thiểu số nổi bật trong đội ngũ chung hiện nay như Hữu Tiến, Đoàn Lư, Đoàn Ngọc Minh và sau này tiếp tục với Hồng Cư, Bàn Hữu Tài...

Thứ ba: Cần một sự năng động, một hướng đi mới phù hợp với bối cảnh hội nhập của cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Hiện nay, internet và công nghệ kỹ thuật số cũng có những ảnh hưởng, tác động sâu sắc, bao gồm cả thách thức lẫn cơ hội. Một thực tế không thể phủ nhận là quá trình toàn cầu hóa đã tác động rõ rệt, mạnh mẽ tới mỗi nhà văn; đồng thời kiến tạo một đời sống văn học nghệ thuật mới mẻ và khác biệt hoàn toàn.

Sự lên ngôi của các loại hình nghe nhìn khiến cho sáng tác thay đổi, kéo theo đó là việc tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình cũng cần cái nhìn cởi mở, lối tiếp cận đa dạng và phong phú, phù hợp hơn. Cái nhìn liên ngành, liên thể loại đặt ra ở bối cảnh này như một việc làm bắt buộc. Các ngành gần gũi và dễ có những tương tác như văn học - âm nhạc - điện ảnh là sự lựa chọn có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo một đời sống mới cho các tác phẩm. Một ví dụ tiêu biểu là bộ phim *Đàn trời* được chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Cao Duy Sơn. Đây là bộ phim chính luận, dài tập nhất về đề tài này và tạo được dấu ấn đáng kể với công chúng xem truyền hình. Việc xem một bộ phim và trở lại tìm đọc một cuốn tiểu thuyết, một truyện ngắn có lẽ cũng không phải là một ý tưởng tồi, trong muôn vàn cách tìm những cơ hội phát triển mới cho đời sống văn học⁷⁶.

Thứ tư: Việc phát triển đội ngũ ở lĩnh vực này cần thực hiện đa dạng ở nhiều góc độ.

Bên cạnh việc tập trung nghiên cứu, phê bình, đánh giá và giới thiệu những đóng góp của các nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam như thành tựu và hạn chế, xu hướng sáng tác, phong cách nghệ thuật; cần khuyến khích sự đa dạng về phong cách nghiên cứu lý luận, phê bình, đẩy mạnh theo hướng ứng dụng

⁷⁵ Lời nói đầu trong *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Cao Bằng – lớp 12*.

⁷⁶ Có thể tham khảo thêm: *Khóa nước sông Quy* dựa theo tiểu thuyết *Hoa mạn đỏ* cũng của nhà văn Cao Duy Sơn.

những lý thuyết phê bình văn học mới, tiếp thu có chọn lọc, để mở rộng chiều kích của việc tiếp nhận. Cần thiết có những định hướng, triển khai cụ thể từ những cách thức tương đơn giản nhưng lại có những đòi hỏi không hề đơn giản. Đó là việc đi từ những bài điểm sách, phân tích phong cách tác giả, phê bình chân dung... nhưng được cảm nhận bằng sự sinh động, tinh tế, thậm chí phải cần đến sự mẫn cảm của người “trong nghề” mới thực hiện được. Và ở hướng đi này, Cao Bằng có nhiều triển vọng đầy mạnh bởi đội ngũ những người vừa sáng tác vừa làm phê bình chiếm một lực lượng không nhỏ. Có thể kể đến nhiều bài viết để lại dấu ấn theo hướng này như: “*Độc Tĩ rà tối mầu* (Miền quê đồi mới) của nhà thơ Tày Hà Ngọc Thắng”, “Cảm nhận về tập thơ *Lao xao gió trúc* của Chu Sĩ Liên” của Đoàn Ngọc Minh, “Văn hóa Tày trong thơ Ngô Lương Ngôn” của Ngô Ngọc Khánh, “Hoàng An - Một nhà thơ nhiều khát vọng” của Phan Nguyệt, “Cao Bằng – một miền thơ” của Hữu Tiến...

Sau 50 năm, văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số có sự phát triển vượt bậc, làm thay đổi không chỉ diện mạo văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số nói riêng mà mang đến sự đa sắc cho bức tranh văn học nghệ thuật Việt Nam nói chung. Với người sáng tác, yêu cầu được đặt ra hiện nay là đổi mới, hội nhập. Người sáng tác không còn đơn thuần là người đi tìm kiếm cái đẹp, phản ánh cái đẹp, cái thực mà đồng thời là nhà kỹ thuật, là chuyên gia truyền thông, biết tìm cách tiếp cận công chúng, mang lại lợi nhuận từ chính những sáng tác đó. Cùng với đó, tác phẩm nghệ thuật có thể không bó hẹp ở một thể loại, một xu hướng mà là sự tổng hợp liên thể loại, thậm chí được tích hợp trong đó cả yếu tố truyền thông, công nghệ ảo để tạo nên một sản phẩm... Lý luận phê bình giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng thẩm mỹ, đánh giá các giá trị nghệ thuật, đồng thời thúc đẩy sáng tác văn học nghệ thuật địa phương phát triển. Chính vì sự đổi mới ngày một mới mẻ, ngày một đa dạng như thế, đòi hỏi lĩnh vực lý luận phê bình cũng cần có những bước chuyển động tích cực hơn để đồng hành, gợi mở, thúc đẩy, định hướng... từ đó góp phần quan trọng khẳng định vị trí của văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số trong dòng chảy chung.

GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY NGÔN NGỮ DÂN TỘC TÀY CAO BẰNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ThS. Đỗ Thị Diễm
Trường Cao đẳng Cao Bằng

Dân tộc Tày ở Cao Bằng có nền văn hóa phong phú, đa dạng, có tiếng nói, chữ viết từ lâu đời, đó là tài sản vô giá của cha ông từ ngàn đời truyền lại. Ngôn ngữ của người Tày rất giàu và đẹp, giúp cho lời ăn tiếng nói của người Tày trở nên hết sức phong phú, uyển chuyển, tinh tế không thua kém một loại hình ngôn ngữ nào khác. Ở mỗi vùng quê khác nhau thì tiếng Tày cũng mang những nét đặc trưng riêng của từng miền với những âm điệu độc đáo. Trong cuộc sống, người Tày dùng ngôn ngữ của mình để giao tiếp hằng ngày với nhau. Chữ viết Tày qua nhiều lần cải cách, sáng tạo và nâng cao đã phát triển khá hoàn chỉnh, tiến kịp với xu thế chung của ngôn ngữ nhân loại đủ để sử dụng trên mọi phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với xu thế giao lưu hội nhập toàn diện hiện nay đã tác động không nhỏ đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào. Giới trẻ ít sử dụng tiếng dân tộc, chữ viết có nguy cơ bị mai một, vì thế gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới là quan trọng và cần thiết.

1. Thực trạng việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày Cao Bằng

- Truyền thông bằng tiếng nói dân tộc Tày

Ngày 05/7/1957, Tỉnh uỷ Cao Bằng đã quyết định thành lập Đài Truyền thanh tỉnh trực thuộc Ty Văn hoá. Giai đoạn 1957-1976, ngoài việc tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam hằng ngày, Đài Truyền thanh tỉnh đã xây dựng các chương trình của địa phương. Tháng 5/1977, Đài Phát thanh Cao Lạng được khởi công xây dựng tại thị xã Cao Bằng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đây là bước ngoặt quan trọng chuyển đổi lĩnh vực truyền thanh sang phát thanh, tiền thân của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng. 19h ngày 02/9/1977, chương trình phát thanh đầu tiên được phát sóng trên hai làn sóng điện 48 m và 312 m với bốn thứ tiếng: Việt, Tày - Nùng, Mông, Dao. Đây là mốc son đánh dấu sự ra đời của Đài Phát thanh Cao Lạng (sau này là Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng). Từ đó đến nay, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh cũng đã giành thời lượng nhất định để phát bằng tiếng dân tộc Tày về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của cấp uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân để đồng bào biết, thực hiện. Ngoài ra còn phổ biến khoa học kỹ thuật, nêu những tấm gương điển hình xuất sắc về lao động giỏi, làm giàu của một số hộ gia đình để đồng bào học tập, thực hiện theo các mô hình phù hợp với từng địa phương cụ thể. Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian: Vương Hùng, Ma Văn Hàn, Dương Sách, Nông Văn Danh..., sưu tập những truyện cổ bằng tiếng Tày để truyền tải đến người nghe qua các chương trình của Đài phát thanh truyền hình. Tất cả những việc làm đó càng làm dấy lên tinh thần yêu tiếng mẹ đẻ, góp phần gìn giữ ngôn ngữ thuần Tày của dân tộc.

- *Truyền thông bằng chữ viết dân tộc Tày*

Người Tày sử dụng hệ thống ký tự chữ Hán để ghi âm Tày, được các nhà nghiên cứu gọi là chữ Nôm Tày. Đó là một sáng tạo tập thể của nhiều thế hệ trí thức người Tày. Trong đời sống hàng ngày, người Tày sử dụng tiếng Tày là chủ yếu. Chữ Nôm Tày được dùng trong tất cả các văn bản có giá trị pháp lý như khế ước, mua bán, chuyển nhượng, địa bạ đến phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lịch sử, địa lý và các tác phẩm văn học... Chữ Nôm Tày là chữ khối vuông, thuộc thể loại chữ tượng hình, kế tục và phát triển từ chữ Hán của dân tộc Hán ở phương Bắc. Vì vậy trong cách viết, chữ Nôm Tày phải tuân thủ trình tự, cách thức viết của chữ Hán là trên trước, dưới sau; trong trước, ngoài sau; trái trước, phải sau; viết từ trái sang phải, từ trên xuống dưới (theo hàng dọc); sử dụng bộ thủ chữ Hán để nhận biết ngữ nghĩa, mặt chữ. Chữ được viết trên giấy bản do người dân địa phương tự sản xuất (tiếng Tày gọi là *chía sla*). Trước đây chữ Nôm Tày được lưu hành thông qua truyền dạy trực tiếp và sao chép thủ công nên đã có nhiều biến thể. Có nhiều chữ khi viết được người viết giản lược nét, viết tắt, viết thảo (lối viết nhanh, liền nét, chỉ giữ một số nét trọng tâm trong chữ) nên nếu không có một trình độ nhất định về chữ Hán thì không thể đọc được văn Nôm Tày. Do những quy tắc chặt chẽ trong cách viết, cách dạy truyền khẩu và nhiều lý do khác, ngày nay còn rất ít người có thể đọc thông, viết thạo chữ Nôm Tày. Phần lớn những người này đều đã cao tuổi. Nếu không có những biện pháp bảo tồn khẩn cấp thì tương lai gần, rất có thể di sản này đứng trước nguy cơ thất truyền. Bảo tàng tỉnh hiện lưu giữ 39 đầu sách chữ Hán và Nôm Tày sử dụng trong nghi lễ của thầy Tào dân tộc Tày.

Sau khi chữ quốc ngữ được sử dụng một cách phổ biến, nhất là từ khi hệ thống chữ Tày được la tinh hoá, và “*Phương án chữ Tày Nùng*” được Chính phủ phê chuẩn, chính thức công bố và sử dụng năm 1961, thì phạm vi sử dụng tiếng Tày trong đời sống xã hội càng trở nên quan trọng. Sách báo được viết bằng tiếng Tày thuộc nhiều thể loại khác nhau trong nhiều lĩnh vực được xuất bản ngày càng nhiều ở tỉnh Cao Bằng nói riêng và toàn quốc nói chung.

Ngày 01/4/1964, Báo Cao Bằng ra số báo đầu tiên với danh nghĩa chính thức là cơ quan ngôn luận của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Cao Bằng, theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khóa VI. Báo Cao Bằng và Tạp chí Non nước Cao Bằng của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh cũng dành những trang đặc biệt để đăng tải các bài thơ bằng tiếng Tày. Nhiều ấn phẩm được xuất bản phẩm song ngữ bằng tiếng dân tộc Tày - tiếng phổ thông để tăng cường tủ sách cho thư viện và các tủ sách văn hóa dân tộc ở cơ sở. Thư viện tỉnh cũng nỗ lực số hóa tài liệu bằng tiếng dân tộc để lưu giữ lâu dài. Bên cạnh đó, tình cảnh tình hình dân tộc trên địa bàn đã có nhiều hình thức tổ chức các hoạt động, nội dung nhằm giữ gìn và phát huy tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày như: Khảo sát, thống kê, sưu tầm tiếng nói, chữ viết, thư tịch cổ; biên soạn, xuất bản sách bằng tiếng dân tộc; lập hồ sơ khoa học về ngôn ngữ: “Chữ Nôm của người Tày” đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trong 10 năm trở lại đây, Cao Bằng có nhiều tập thơ song ngữ Tày - Việt được xuất bản. Ví dụ như *"Ngược gió"* của Y Phương, *"Tốc Lả"* của Ngô Lương Ngôn, *"Sau đêm"* của Hữu Tiến, *"Mưa bóng mây"* của Thu Bình, *"Đường tơ"* của Hoàng An, *"Dòng sông nghiêng"* của Đoàn Lư, *"Gió hoàng hôn"* của Đoàn Ngọc Minh và nhiều tập thơ khác... Đặc biệt Câu lạc bộ Thơ Đường tỉnh Cao Bằng (được thành lập năm 2005) có nhiều tác giả sáng tác bằng tiếng Tày. Tác phẩm của các nhà văn chủ yếu tìm hiểu văn hóa truyền thống của dân tộc Tày và dịch thuật các tác phẩm thơ của cá nhân ra tiếng Tày. Điều này, góp phần rất lớn trong việc lưu giữ, truyền bá tiếng và chữ Tày của dân tộc.

Gần đây, có một số bài đăng trên báo Cao Bằng điện tử như: "Giữ gìn và phát huy tiếng Tày Cao Bằng" của Mông Văn Bốn; "Góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc Tày" của Xuân Lam; "Cao Bằng coi trọng duy trì, phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc" của Mỹ Anh... Đó cũng là cách truyền thông khá hữu hiệu trong thời kỳ 4.0 hiện nay. Nhìn chung, truyền thông bằng tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày ở Cao Bằng có đóng góp không nhỏ vào việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ của tộc người Tày.

- *Phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày qua các lễ hội truyền thống và các làn điệu dân ca*

Các lễ hội ở Cao Bằng đều mang tính nhân văn sâu sắc, hướng thiện, cầu phúc, cầu lộc, cầu mùa, và mong muốn cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp. Các lễ hội bên cạnh việc thể hiện sinh động phong tục tập quán của dân tộc còn mang ý nghĩa tôn vinh những anh hùng chống giặc ngoại xâm. Người Tày - Nùng Cao Bằng có một số lễ hội tiêu biểu như: Lễ hội Lồng Tồng (còn gọi là lễ xuống đồng ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh); Lễ hội Mẹ Trăng (còn gọi là Lễ hội Nàng Hai nổi bật ở xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa và xã Kim Đồng, huyện Thạch An); Lễ hội Tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên (huyện Quảng Hòa); Lễ hội Đền Vua Lê (huyện Hòa An); Lễ hội chùa Đà Quận; lễ hội Chùa Phổ Cũ, lễ hội chùa Đông Lân, lễ hội Đền Kỳ Sầm (thành phố Cao Bằng), Lễ hội Chùa Sùng Phúc (huyện Hạ Lang), lễ hội chơi trâu ở huyện Bảo Lâm, lễ hội xuân ở Nguyên Bình, Lễ hội du lịch thác Bản Giốc, lễ hội Co Sầu (huyện Trùng Khánh)... Các lễ hội là những sự kiện đẩy mạnh hoạt động quảng bá tiềm năng du lịch của địa phương góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, thu hút đầu tư, đẩy mạnh hoạt động thương mại biên giới. Lễ hội còn là ngày hội văn hóa du lịch, là cầu nối gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các vùng miền; làm phong phú và sâu sắc thêm những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

- *Việc dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng*

Thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg, ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số, ngày 26/8/2013, Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 3060/BNV-ĐT đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng tổ chức

tham gia biên soạn tài liệu tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức tại Cao Bằng. Cuốn tài liệu "Slon phuối Tày" (Học tiếng Tày) theo chương trình khung ban hành kèm theo Quyết định 03/2006/QĐ-BGD&ĐT, ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được UBND tỉnh ban hành để bồi dưỡng tiếng Tày cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh theo Quyết định số 323/QĐ-UBND, ngày 26/3/2014. Trong quá trình sử dụng, để phù hợp hơn, gần gũi hơn với phương ngữ người học tiếng Tày ở Cao Bằng, Ban biên soạn tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa "Slon phuối Tày" tái bản thành cuốn tài liệu "Slon tiếng Tày" để tiếp tục phục vụ tốt hơn cho công tác dạy và học.

Cuốn sách "Slon tiếng Tày" nhằm phục vụ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đồng bào dân tộc Tày làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; ngoài ra cuốn sách cũng cung cấp những kỹ năng cơ bản cho những người có nhu cầu giao tiếp với người Tày, hiểu biết về phong tục tập quán, nền văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Tày. Tỉnh đã giao cho Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng (nay là Trường Cao đẳng Cao Bằng) và Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh mở lớp học dạy tiếng Tày cho cán bộ, công chức, viên chức. Từ năm 2013 đến nay, tỉnh Cao Bằng tổ chức được 68 lớp bồi dưỡng tiếng Tày cho cán bộ, công chức, viên chức với trên 6.000 lượt người tham gia. Trong đó, có hơn 92% là người dân tộc Tày học tiếng Tày còn lại khoảng 8% là các dân tộc khác như: Kinh, Nùng, Mông, Hoa... học tiếng Tày.

Năm 2014-2016, cử nhân Phùng Lê Phong thực hiện đề tài "Nghiên cứu, biên soạn tài liệu giảng dạy một số làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng tại Trường Năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng"; tổ chức đào tạo thử nghiệm 01 năm đối với học sinh năng khiếu thanh nhạc tại trường năng khiếu Nghệ thuật và thể thao tỉnh. Từ đó đến nay, nhà trường đã đào tạo được nhiều lớp năng khiếu thanh nhạc, hát một số làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng. Đây cũng là nỗ lực của nhà trường đối với việc gìn giữ các làn điệu dân ca Tày và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày. Hiện nay, cuốn tài liệu "Giáo dục địa phương tỉnh Cao Bằng" dành cho THCS và THPT được biên soạn và đưa vào chương trình giáo dục phổ thông mới. Cuốn tài liệu này sẽ giúp các em học sinh hiểu biết về con người, ngôn ngữ, văn học, lịch sử, địa lý... địa phương Cao Bằng.

Việc dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày ở Cao Bằng thực tế được triển khai khá tốt, giúp cán bộ công chức, viên chức, học sinh hiểu rõ hơn về phong tục tập quán, văn hóa của đồng bào mình. Qua đó, họ giao tiếp, xử lý công việc với người dân thuận lợi, hiệu quả hơn. Chính sự gần gũi, thân thiện khi giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ khiến họ tin tưởng hơn vào cán bộ, chính quyền. Nhờ thế mối quan hệ gắn kết giữa đồng bào và chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội được cải thiện. Các em học sinh hiểu biết, sử dụng tiếng dân tộc Tày nhiều hơn, bồi dưỡng và tăng thêm tình yêu tiếng mẹ đẻ, tình yêu quê hương, đất nước.

2. Một số giải pháp

Căn cứ vào thực trạng việc gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới cho thấy: Cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngôn ngữ dân tộc tới đồng bào; tăng cường truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc Tày; gìn giữ và phát huy truyền thống bằng ngôn ngữ của dân tộc Tày; tiếp tục mở rộng quy mô dạy học ngôn ngữ dân tộc Tày. Muốn thực hiện được những điều này, chúng tôi có một vài đề xuất nhỏ như sau:

Thứ nhất, chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc, không để đồng bào bị các đối tượng xấu lôi kéo, lợi dụng và kích động. Đồng thời tiếp tục hoàn thiện chính sách dân tộc, từng bước nâng cao đời sống kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển vùng, miền.

Thứ hai, nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức của truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc Tày. Các loại sách in, báo in, tạp chí bằng tiếng dân tộc cần lấy ý kiến của người đọc để đánh giá hiệu quả, hiệu lực của truyền thông đến với các đối tượng thụ hưởng. Ngôn ngữ Tày được sử dụng trong phát thanh truyền hình cần tiếp tục phát huy và tăng thời lượng. Có như vậy mới cùng lúc thực hiện được hai nhiệm vụ: truyền tải thông tin và gìn giữ, phát triển ngôn ngữ dân tộc Tày Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới.

Thứ ba, đề gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc Tày, thời gian tới, tỉnh cần tăng cường chỉ đạo công tác bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Tày và các dân tộc thiểu số; đẩy mạnh công tác sưu tầm, biên dịch các sách cổ của dân tộc Tày trên địa bàn tỉnh. Quan tâm công tác sưu tầm, khai thác và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống, các làn điệu dân ca dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ viết dân tộc Tày trong sáng tác. Động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia các chương trình văn nghệ, giao lưu văn hóa, quảng bá lễ hội truyền thống, dân ca Tày tại địa phương.

Thứ tư, tiếp tục mở rộng quy mô dạy học tiếng dân tộc Tày ở các cấp học từ Mầm non, THCS, THPT, duy trì và nâng cao hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc Tày cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc theo Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg. củng cố và từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ đổi mới. Đổi mới phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa các hình thức dạy học, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc. Với đội ngũ trí thức địa phương, cần bồi dưỡng để họ cùng tham gia xây dựng chương trình, sách giáo khoa, tài liệu công cụ như từ điển, sách từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng... cung cấp cách thức sưu tầm văn học dân gian, kiến thức sáng tác các tác phẩm bằng tiếng dân tộc Tày. Nhà trường cần bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng, tranh ảnh để phục vụ cho giảng dạy tiếng dân tộc Tày ở địa phương. Nâng cao ý thức trân trọng giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, để người Tày Cao Bằng có trách nhiệm gìn giữ và phát huy ngôn ngữ của dân tộc mình.

Xã hội ngày càng phát triển, sự du nhập, giao thoa của các nền văn hóa và tiếp cận ngôn ngữ của dân tộc khác là điều không tránh khỏi. Thực tế cho thấy, truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc, gìn giữ và phát huy các lễ hội truyền thống, dạy học ngôn ngữ dân tộc đã góp phần phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, quảng bá và lưu giữ tiếng nói, chữ viết, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc Tày. Vì thế, mỗi người dân tộc Tày phải có trách nhiệm truyền dạy, động viên thế hệ trẻ học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo ngôn ngữ dân tộc mình. Đồng thời, vai trò cơ quan quản lý Nhà nước về công tác dân tộc là hết sức quan trọng trong việc tham mưu các chính sách bảo tồn ngôn ngữ đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Tày Cao Bằng nói riêng.

TUYÊN TRUYỀN QUẢNG BÁ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ CAO BẰNG QUA CÁC TÁC PHẨM MỸ THUẬT

Đặng Quốc Tự

Họa sĩ, chi hội trưởng Mỹ thuật Hội VHNT Cao Bằng

Cao Bằng là một vùng đất giàu bản sắc văn hóa với sự đa dạng của các dân tộc thiểu số như: Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Lô Lô... Mỗi dân tộc đều có những nét văn hóa đặc trưng, được thể hiện qua trang phục, phong tục, tập quán, lễ hội, dân ca, dân vũ, kiến trúc và đặc biệt là nghệ thuật tạo hình. Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, việc tuyên truyền, quảng bá thông qua các tác phẩm mỹ thuật đóng vai trò quan trọng.

1. Vai trò của Mỹ thuật trong việc quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc

Thời gian qua, mỹ thuật Cao Bằng cũng đã thể hiện vai trò tích cực, mảng đề tài về văn hóa dân tộc thời gian qua luôn được các hội viên, văn nghệ sĩ của tỉnh quan tâm trong sáng tác, sáng tạo các tác phẩm. Từ trong phong trào sáng tác đã xuất hiện nhiều tác giả vẽ về mảng văn hóa dân tộc như: Họa sĩ Phan Hùng, Đặng Quốc Tự, Lô Thường, Hoàng Thu Huyền... với các tác phẩm bằng các chất liệu lụa, sơn mài, sơn dầu đã góp phần quảng bá, giới thiệu những tác phẩm mỹ thuật đề tài văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng tới đông đảo công chúng.

Các tác phẩm mỹ thuật được trưng bày và đạt giải tại Triển lãm khu vực III Tây Bắc - Việt Bắc trong những năm qua đều có những tác phẩm phản ánh về đề tài văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng, như: Tác phẩm “Ngang qua miền đá” đạt giải A tại Triển lãm khu vực III Tây Bắc - Việt Bắc và tác phẩm “Câu chuyện vùng cao” đạt giải B tại Triển lãm khu vực III Tây Bắc - Việt Bắc của tác giả Lô Thường; tác phẩm “Thanh âm lưu truyền” của tác giả Hoàng Thu Huyền đạt giải B tại Triển lãm khu vực III Tây Bắc - Việt Bắc lần thứ 27 tại Cao Bằng; tác phẩm “Nghệ thuật tính, tỳ bà của những cô gái” của tác giả Đặng Quốc Tự tại Triển lãm khu vực III Tây Bắc - Việt Bắc lần thứ 28 tại Sơn La là những tác phẩm mỹ thuật phản ánh về đề tài văn hóa dân tộc thiểu số của Cao Bằng đã, đang tích cực đóng góp vào công tác giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bằng ngôn ngữ tạo hình mỹ thuật truyền tải nội dung một cách mềm mại, uyển chuyển, giúp cho công chúng dễ dàng tiếp nhận. Đồng thời cũng là thiết thực góp phần phát triển Tuyên truyền, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng qua các tác phẩm Mỹ thuật theo đúng định hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã đề ra.

2. Những đề tài tiêu biểu trong các tác phẩm mỹ thuật Cao Bằng

Cùng với sự phát triển và lớn mạnh văn học nghệ thuật địa phương, mỹ thuật Cao Bằng giai đoạn sau 1975 cũng đạt được những thành tựu đáng mừng. Họa sỹ hôm nay đã phát huy kinh nghiệm sáng tác hướng tới tất cả các nội dung đề tài như: Lễ hội, tín ngưỡng những bức tranh mô tả lễ hội Lồng

Tồng, lễ cấp sắc của người Dao, lễ cầu mùa của người Mông, vẽ khôi phục tranh thờ của đồng bào dân tộc thiểu số... Tranh phong cảnh đẹp của Cao Bằng và đời sống sinh hoạt được các họa sĩ khai thác khá đa dạng trong cách biểu đạt và ý tưởng trong sáng tác. Các họa sĩ cũng chú trọng đề tài lao động sản xuất như: Dệt vải, đan lát, làm đàn tính, rèn dao... phản ánh nét đẹp bình dị của đời sống đồng bào. Nhiều họa sĩ đã vẽ thiết kế, cách tân trang phục truyền thống của các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Lô lô với những họa tiết, màu sắc tinh tế giúp giới thiệu tuyên truyền, quảng bá nét đặc sắc trong văn hóa trang phục và văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng qua các tác phẩm mỹ thuật một cách sinh động và hiệu quả nhất.

3. Các hình thức tuyên truyền, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng qua mỹ thuật tạo hình

Triển lãm tranh, điêu khắc: Việc tuyên truyền, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số qua tác phẩm mỹ thuật được Chi hội Mỹ thuật và Hội văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng chú trọng, hằng năm tổ chức cho chi hội, hội viên tham gia trại sáng tác, các họa sĩ được tìm hiểu và khai thác nội dung đề tài văn hóa dân tộc tại địa phương từ đó có tác phẩm tốt tham gia triển lãm Mỹ thuật khu vực III (Tây Bắc - Việt Bắc) và tổ chức triển lãm tranh, tượng điêu khắc tại tỉnh đây là dịp giới thiệu đến các tầng lớp nhân dân cũng như du khách, nâng cao hiểu biết về văn học nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng của tỉnh Cao Bằng. Qua đó, phát huy tính sáng tạo của đội ngũ họa sĩ, hội viên, cộng tác viên chuyên ngành mỹ thuật; tạo điều kiện cho hoạt động mỹ thuật Cao Bằng phát triển; thông qua tác phẩm mỹ thuật phản ánh những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, những thành tựu kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước, góp phần quảng bá, phát triển du lịch Cao Bằng.

Tranh tường, tranh cổ động: Tranh tường, tranh cổ động có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội không chỉ là những tác phẩm, dự án, không gian công cộng mang tính nghệ thuật, tranh tường, tranh cổ động được coi là một “công cụ” làm tăng sức hấp dẫn của các điểm đến để thu hút du khách, phát triển kinh tế địa phương. Phần lớn các tác phẩm nghệ thuật tranh tường, tranh cổ động đều mang tính biểu trưng, thể hiện tư tưởng, triết lý văn hóa, nhân sinh hoặc tái hiện dấu ấn lịch sử dân tộc và được đặt không gian công cộng, quảng trường, khu du lịch, bảo tàng, đường phố... nhằm phục vụ nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, vui chơi giải trí và có chức năng giáo dục thẩm mỹ với cộng đồng dân cư, góp phần tuyên truyền, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng qua các tác phẩm mỹ thuật và một phần phát triển kinh tế du lịch tại điểm đến non nước Cao Bằng.

Ứng dụng vào sản phẩm lưu niệm: Thiết kế các sản phẩm mỹ thuật như tranh in, mô hình điêu khắc nhỏ, áo thổ cẩm in họa tiết dân gian để phục vụ du lịch.

Các sản phẩm của Mỹ thuật ứng dụng được thiết kế đưa vào sản phẩm lưu niệm được sáng tạo, sản xuất hàng loạt bằng phương tiện từ thủ công cho đến hiện đại, đã thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực xã hội... cũng như luôn luôn gắn liền với kinh tế thương mại. Chính vì vậy nó góp phần rất lớn vào việc giáo dục thẩm mỹ, gìn giữ truyền thống văn hóa dân tộc thiểu số và đóng góp có hiệu quả vào việc thẩm mỹ hóa xã hội.

4. Đề xuất, kiến nghị

Một là, trong những năm qua, hoạt động mỹ thuật của tỉnh Cao Bằng đã đạt được những kết quả hết sức đáng mừng, có được những thành tích đó là nhờ có sự quan tâm sâu sắc, sự chỉ đạo định hướng của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hỗ trợ tạo điều kiện của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Mong muốn những năm tiếp theo các cấp uỷ, chính quyền và các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm hơn nữa để bổ sung kinh phí tổ chức triển lãm mỹ thuật, giới thiệu, công bố các tác phẩm mỹ thuật, tổ chức trao giải thưởng mỹ thuật hằng năm và hỗ trợ văn nghệ sĩ sáng tác các tác phẩm mỹ thuật mang tính đặc trưng văn hóa dân tộc; đầu tư xây dựng “*Nhà triển lãm*”, để giới thiệu tác phẩm mỹ thuật với công chúng yêu nghệ thuật.

Hai là, chú trọng xây dựng chương trình giáo dục mỹ thuật hướng đến bảo tồn văn hóa dân tộc tại các trường học ở Cao Bằng, triển khai “*Câu lạc bộ mỹ thuật dân gian*” ở trường, xây dựng các nền tảng học tập trực tuyến về văn hóa dân tộc Cao Bằng thông qua nền tảng này, học sinh dễ dàng tiếp cận các tài liệu, video, hình ảnh về di sản văn hóa, phong tục tập quán, cũng như tham gia vào các lớp học trực tuyến với các nghệ nhân địa phương. Nhờ đó, các em không chỉ học hỏi mà còn có thể trao đổi, thảo luận, tạo nên một cộng đồng học tập năng động và sáng tạo.

Ba là, đẩy mạnh hợp tác giữa các họa sĩ, nhà nghiên cứu văn hóa và các tổ chức nghệ thuật để đưa mỹ thuật trở thành công cụ quan trọng trong quảng bá bản sắc dân tộc.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGHỆ NHÂN TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH CAO BẰNG

Đinh Trọng Thức

Nghệ nhân ưu tú xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình

Cao Bằng - mảnh đất địa đầu Tổ quốc, không chỉ nổi tiếng với cảnh quan hùng vĩ mà còn là nơi hội tụ, giao thoa của nhiều nét văn hóa dân tộc thiểu số đặc sắc. Giữa dòng chảy hối hả của cuộc sống hiện đại, những giá trị văn hóa truyền thống ấy vẫn âm thầm được gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ, trong đó người đóng vai trò quan trọng, chính là những Nghệ nhân - Những đóng góp của họ thông qua việc như: trực tiếp lưu giữ và thực hành di sản văn hóa một cách sống động; thực hiện công tác truyền dạy và trao truyền cho thế hệ sau; phát triển và quảng bá nghệ thuật; là người "giữ hồn" của bản sắc văn hóa, góp phần duy trì sự khác biệt và độc đáo của từng dân tộc thiểu số ở Cao Bằng. Họ như những pho sử sống, người nắm giữ linh hồn của văn hóa dân tộc, bằng tài năng và tình yêu cháy bỏng, đã và đang có những đóng góp vô giá trong việc bảo tồn và truyền bá nghệ thuật dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng.

Với vai trò thông qua những đóng góp của nghệ nhân nói trên, cá nhân tôi là một người con của đồng bào dân tộc Tày, vốn là người “ngoại đạo” với nghệ thuật, bởi gia đình không có truyền thống về nghệ thuật, tôi công tác trong ngành y tế, song bằng tình yêu với làn điệu Then truyền thống của dân tộc mình, thời gian qua tôi luôn miệt mài gìn giữ, nghiên cứu những làn điệu Then cổ - di sản văn hóa tín ngưỡng của dân tộc Tày, Nùng; dành nhiều công sức sưu tầm và đặt lời cho nhiều bài hát Then, đến nay, tôi đã tự biên được 45 bài dựa theo dân ca Tày, Nùng: với các làn điệu then tính, Pụt lẩn, xà xá, Dá hai, Lượn gọi, Sli giang, Phong slư, Nàng ới, hát mới...với nội dung ca ngợi về Đảng, Bác Hồ, tình yêu quê hương, đất nước, con người Nguyên Bình, Cao Bằng; trong đó, có 25 bài được nhiều người yêu thích như bài: Mời anh đến Nguyên Bình quê em, Tự hào ngành Y, Gặp hẹn văn xuân (lời hẹn ngày xuân), Phụ nữ slam đảm đang (Phụ nữ ba đảm đang), Quê hương đổi mới, Noọng điệp nghề cô giáo (Em yêu nghề cô giáo), Chứ ơn thầy cô, Pây dôm hội (Đi xem hội), Mái trường thân yêu, Piom Đảng Bác (Ơn Đảng Bác)...

Để góp phần bảo tồn và truyền bá, phát huy những làn điệu Then đến những người đam mê ở mọi lứa tuổi, tôi đã mở được 21 lớp, gồm 636 học trò, trong đó dạy hát then 360 học trò, mở lớp dạy tại nhà được 09 lớp Hát then - Đàn tính và Hát dân ca dân tộc Tày, Nùng... gồm có 276 học trò. Bên cạnh việc mở lớp truyền dạy, tôi tham gia tư vấn thành lập Câu lạc bộ và truyền dạy được 12 câu lạc bộ hát Then - đàn tính và hát dân ca dân tộc tỉnh Cao Bằng như: Câu lạc bộ và Hát then - Đàn tính và Hát dân ca Minh Thanh, xã Vũ Minh; Câu lạc bộ và Hát then - Đàn tính và Hát dân ca Thị trấn Nguyên Bình...v.v.v

Trong quá trình tổ chức thực hiện công việc mở lớp truyền dạy tại các cơ quan, địa phương và tại các Câu lạc bộ, tôi đã phối hợp các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thực hiện tốt việc bảo tồn, phát huy, gìn giữ và quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc như: Sáng tác, đặt lời và dàn dựng thành công cho các chương trình nghệ thuật, hội thi, hội diễn do xã, huyện, tỉnh tổ chức và đều đạt giải cao, cụ thể như: Dàn dựng cho Bệnh viện Đa khoa huyện Nguyên Bình tại Hội Thi giọng hát hay trang phục đẹp tổ chức tại huyện năm 2000, kết quả đạt giải Nhì toàn đoàn; năm 2022 dàn dựng cho Trung tâm Y tế huyện thi đạt giải nhất toàn đoàn. Năm 2002 tại Hội thi Nhóm truyền truyền Ca khúc cách mạng lần thứ nhất tổ chức tại huyện Nguyên Bình đạt giải Nhất toàn đoàn. Tại Hội thi kể chuyện Bác Hồ tuổi trẻ Nguyên Bình học tập và làm theo lời Bác của Chi đoàn Trung tâm Y tế thi cấp huyện năm 2009 đạt giải Ba... Dàn dựng các tiết mục văn nghệ cho phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình để biểu diễn tại các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm và để tham gia Hội thi. Kết quả từ năm 1995 đến nay đã dàn dựng cho các cuộc thi như: Thi hát dân ca - trình diễn trang phục dân tộc khu vực các huyện miền Tây do tỉnh tổ chức năm 2001 giải A toàn đoàn; Năm 2003 giải A toàn đoàn; Năm 2016 đạt giải A toàn đoàn; Năm 2017 sáng tác và dàn dựng cho huyện tham gia liên hoan Hát then đàn tính lần thứ nhất tỉnh Cao Bằng đạt giải B toàn Đoàn. Bên cạnh việc phối hợp để luyện tập, dàn dựng các chương trình nghệ thuật cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, từ năm 2003 đến năm 2010 tôi còn truyền dạy hát then dàn dựng các chương trình cho xóm 2 Ngọc Quỳn, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia các hội diễn tại xã, huyện đạt nhiều giải A, B...

Bằng sự đam mê, nhiệt huyết với những điều Then và mong muốn được cống hiến, được góp phần bảo tồn và truyền bá nghệ thuật dân tộc, tôi luôn nhiệt tình tham gia các hội diễn và giành được nhiều giải thưởng cao trong các hội diễn của tỉnh, khu vực như: Năm 2004 tham gia Hội diễn Hát dân ca trình diễn trang phục cấp tỉnh và Hội diễn Hát dân ca trình diễn trang phục dân tộc các tỉnh phía Bắc tổ chức tại tỉnh Cao Bằng; tham gia Hội thi Hát then - Đàn tính Tày, Nùng, Thái toàn quốc năm 2007 tổ chức tại tỉnh Cao Bằng, năm 2009 tổ chức tại tỉnh Bắc Kạn, năm 2018 tỉnh Hà Giang, Năm 2022 tham gia biểu diễn lễ đón nhận Bằng của UNESCO ghi danh thực hành then Tày Nùng Thái ở Việt Nam tổ chức tại tỉnh Tuyên Quang. Năm 2019 tham gia trình diễn di sản then tại Ngày hội di sản văn hóa, du lịch Việt Nam năm 2019, tại Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Năm 2021 sáng tác bài hát và dàn dựng các tiết mục tham gia Hội thi hát dân ca - trình diễn trang phục dân tộc tổ chức tại tỉnh Cao Bằng, tiết mục “Nợng pây trường” đặt lời và chuyển thể giai điệu then, tiết mục đạt giải B; Sáng tác và dàn dựng múa tiết mục Bài hát mùa “Cầu mùa” đạt giải A, toàn đoàn đạt giải Nhì. Năm 2022 tham gia hội diễn Liên hoan hát then đàn tính tỉnh Cao Bằng lần thứ III tiết mục “Chứ ơn thầy cô” đặt lời và chuyển thể giai điệu then tiết mục đạt giải A, tiết mục “Mời Dòm hội then” đạt giải A; Hát song ca tiết mục “Soi hương cầu an” tiết mục đạt giải A, Toàn đoàn đạt giải Nhất. Năm 2023 sáng tác bài hát “Nguyên Bình vững bước

đi lên” được tham gia các hội diễn chuỗi sự kiện tại huyện Nguyên Bình và diễn tại Ngày hội Du lịch Non Nước Cao Bằng năm 2023, tổ chức tại phố đi bộ Hồ Gươm Hà Nội được các lãnh đạo và Nhân dân hưởng ứng khen ngợi. Năm 2024 sáng tác thơ và chuyển thể giai điệu then bài hát “Đến với Hội then” tham gia Hội thi Hát then - Đàn tính toàn quốc tổ chức tại Đồng Mô Hà Nội tiết mục đạt giải A sáng tác. Suu tầm và dàn dựng tiết mục “Phát cờ pây binh mạ” cho Đoàn nghệ thuật quần chúng tỉnh Cao Bằng tham gia Hội thi hát then đàn tính toàn quốc kết quả tiết mục đạt giải A. Ngoài ra còn phối hợp với đài truyền hình Cao Bằng, VTV1, VTV3, VTV5, Truyền hình Quân đội thực hiện chương trình giới thiệu về bản sắc văn hóa dân tộc Cao Bằng đặc biệt về hát then đàn tính và hát dân ca, quảng bá về công viên địa chất UNESCO Non nước Cao Bằng.

Với những nỗ lực, cố gắng và đóng góp nhỏ bé của mình, Năm 2019, tôi vinh dự được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Với sự tâm huyết và đam mê với nghệ thuật văn hóa của dân tộc, nhất là nghệ thuật Hát Then – đàn tính, tôi luôn mong muốn được tiếp tục cống hiến, góp sức nhỏ bé của mình vào việc bảo tồn, giữ gìn, truyền bá, phát huy giá trị của dân ca dân tộc độc đáo tại chính quê hương mình nơi tôi đang sinh sống nói riêng và cho toàn tỉnh Cao Bằng nói chung.

Trong thời gian tới, tôi sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện mở những lớp học truyền dạy đàn tính - hát then - hát dân ca và thành lập Câu lạc bộ hát then - Hát dân ca tại các xóm, tổ dân phố, trường học trên địa bàn huyện để lưu giữ không bị mai một, truyền lại những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc cho thế hệ mai sau.

Tiếp tục gặp gỡ những nghệ nhân chế tác đàn tính, những người có trình độ hát Then, đàn tính ở các địa phương khác để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm; tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, đặt lời cho các bài Then và tiếp tục tham gia cùng các Câu lạc bộ các địa phương; các cơ quan, đơn vị của huyện đem những tiết mục mang đậm tính dân gian đặc sắc đến với các hội diễn, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ tại các địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm góp phần tạo sức lan tỏa về giá trị nghệ thuật độc đáo của dân tộc Tày, Nùng huyện Nguyên Bình nói riêng và của tỉnh Cao Bằng nói chung để lời Then, tiếng tính của quê hương cùng những làn điệu Dân ca tiếp tục được sống mãi với thời gian.

CÔNG TÁC GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện Hà Quảng

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số luôn là một nội dung quan trọng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chỉ đạo trong suốt quá trình lãnh đạo, điều hành đất nước. Với quan điểm nhất quán, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định, văn hóa các dân tộc thiểu số là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất, đa dạng. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ban hành và thực hiện đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo động lực để phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Sinh thời Bác Hồ từng nói: Văn hoá còn thì dân tộc còn, Văn hoá soi đường cho Quốc dân đi; thâm nhuần tư tưởng của Bác và đường lối lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “Xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Quyết định số 3404/QĐ-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2030”; các Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện đề án: “Bảo tồn phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số văn hóa trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng 2020 - 2030”⁷⁷. Thời gian qua, Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin (VHKH&TT) đã tích cực tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương cụ thể hóa các kế hoạch, văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác bảo tồn phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số văn hóa trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn huyện; trên cơ sở đó chủ động triển khai, tổ chức thực hiện nhiều giải pháp để bảo tồn và phát huy thế mạnh, đặc trưng văn hóa trên địa bàn huyện và đạt được những kết quả quan trọng; xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước do đơn vị tham mưu phụ trách.

Hà Quảng là quê hương giàu truyền thống cách mạng, gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và một giai đoạn lịch sử đặc biệt của cách mạng Việt Nam những năm 1941 - 1945. Hà Quảng có vai trò,

⁷⁷ Kế hoạch số 2712-KH/UBND, ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện đề án: “Bảo tồn phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số văn hóa trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng 2020-2030”; Kế hoạch số 1216/KH-UBND, ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 2820/KH-UBND, ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn học dân gian của các dân tộc thiểu số đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

vị trí quan trọng, nằm ở phía Bắc tỉnh Cao Bằng, có diện tích tự nhiên 810,96km²; 19 xã và 02 thị trấn (*trong đó có 8 xã biên giới giáp với Trung Quốc*), với tổng chiều dài đường biên là 74,871 km. Dân số toàn huyện 64.148 người, có 5 dân tộc: Tày, Nùng, Mông, Dao và Kinh cùng sinh sống, mỗi dân tộc đều có nét văn hóa đặc trưng riêng; qua đó đã hình thành những giá trị văn hóa phong phú, đặc sắc thể hiện sinh động qua: phong tục tập quán, tiếng nói, trang phục dân tộc, các làn điệu dân ca đã tạo nên giá trị văn hóa tinh thần phong phú, đa dạng. Đến nay, toàn huyện có 14 di tích đã được xếp hạng⁷⁸, trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt (Di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó); 01 di tích quốc gia (Di tích lịch sử Kim Đồng); 12 di tích cấp tỉnh; có 6 điểm di sản địa chất, văn hóa được công nhận là điểm Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng⁷⁹; 8 lễ hội truyền thống hàng năm⁸⁰ và nhiều nghề thủ công truyền thống, trong đó có: 01 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Nghề dệt thổ cẩm của người Tày, xã Ngọc Đào); có 01 làng nghề truyền thống (làng nghề Hương thảo mộc Nà Kéo, xã Trường Hà); có các ngành, nghề truyền thống như: làm bánh Khẩu Shi Nà Giàng (xã Ngọc Đào), điểm làm giấy bản Nà Mạ (xã Trường Hà), xóm Lũng Quang, thuộc tổ dân phố 6 (thị trấn Thông Nông)... Đây là nguồn tài nguyên văn hóa rất quan trọng, chứa đựng những giá trị tốt đẹp của các dân tộc trên quê hương Hà Quảng.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn trong công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trên địa bàn huyện Hà Quảng; thời gian qua, Phòng VHKT&TT đã tích cực tham mưu lãnh đạo UBND huyện chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân. Đến nay, qua công tác kiểm tra, giám sát 100% các xóm, tổ dân phố đều xây dựng được hương ước, quy ước - nội dung các hương ước, quy ước đều bám sát đời sống và tình hình thực tế của từng địa phương; góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ trong cộng đồng dân cư. Việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa, nơi sinh hoạt văn hóa ngày càng được quan tâm. Hiện nay, huyện có 6/21 nhà văn hóa xã, thị trấn; 185/195 nhà văn hóa xóm; về hệ thống đài phát thanh có 21/21 xã có đài phát thanh cấp xã; có 118/195 xóm có các cụm loa phục vụ công tác thông tin; 21/21 xã thị trấn có tủ sách để cán bộ

⁷⁸ Trong 14 di tích được xếp hạng có: 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt là di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó; 01 di tích quốc gia là di tích lịch sử Kim Đồng; 12 di tích cấp tỉnh gồm: di tích Khuổi Slán (xã Đào Ngạn, nay là xã Ngọc Đào); di tích Hang Phia Nội, di tích Lũng Cát, di tích Ngâm Đảo, di tích Làng Chiến đấu Lũng Luông, di tích nền nhà đồng chí Nông Hiền Hữu (xã Nà Sác, nay là xã Trường Hà); di tích lịch sử văn hóa đền thờ Nùng Trí Cao (xã Sóc Hà); di tích lịch sử phja tọc (Thị trấn Thông Nông); di tích khảo cổ hang Ngườm Vài, di tích danh lam thắng cảnh Động Bó Ngắm (xã Càn Yên); di tích Hang Ngườm Gáng và di tích Đền thờ Nùng Trí Cao xã Ngọc Đào.

⁷⁹ Làng nghề Dệt thổ cẩm Luông Nọi; điểm ngắm cảnh quan Kéo Yên; điểm hóa thạch Cúc đá Lũng Luông; Đền Thờ Nùng Trí Cao Sóc Hà; điểm Thung lũng treo Sóc Giang và Quần thể khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó.

⁸⁰ 02 lễ hội cấp huyện (Lễ hội về nguồn Pác Bó, Ngày hội văn hóa dân tộc Mông); 06 lễ hội truyền thống cấp xã, thị trấn: Lễ hội truyền thống ngày 09 tháng giêng xã Sóc Hà; Lễ hội truyền thống xã Ngọc Đào; Lễ hội Leo cột mỡ xã Càn Nông; Lễ hội truyền thống Thị trấn Xuân hòa; Lễ hội Bàn Gỏi xã Càn Yên; Lễ hội truyền thống xã Luông Thông.

và nhân dân tra cứu thông tin; về trang thiết bị nhà văn hóa xóm: hầu hết các xóm được cấp đầy đủ bàn, ghế để phục vụ sinh hoạt cộng đồng của xóm, tổ dân phố. Đây là điều kiện thuận lợi, góp phần tạo điều kiện trong công tác giao lưu, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

Bên cạnh việc chủ trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khích lệ nhân dân giữ gìn trang phục, kiến trúc, nhạc cụ, dân ca, dân vũ, lễ hội của dân tộc mình, Phòng đã tham mưu UBND huyện xây dựng các văn bản hướng dẫn và thành lập các đội văn nghệ quần chúng trên địa bàn, mở các lớp truyền dạy dân ca truyền thống; trên cơ sở đó, phong trào văn hóa, thể thao phát triển mạnh mẽ với hơn 176/195 đội văn nghệ xóm, tổ dân phố (TDP) duy trì hoạt động ở địa bàn dân cư; 100% các xã, thị trấn đều thành lập được đội văn nghệ quần chúng; cấp huyện thành lập được 01 đội văn nghệ chủ chốt; 01 mô hình đội văn nghệ phục vụ du lịch; góp phần quảng bá nét văn hóa truyền thống của quê hương, con người Hà Quảng. Phòng VHKT&TT đã có chương trình phối hợp với Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện ban hành kế hoạch liên ngành đưa các làn điệu dân ca vào chương trình hoạt động ngoại khóa tại các trường học trên địa bàn. Kết quả, 42/42 trường học trên địa bàn huyện thực hiện dạy ít nhất 01 bài dân ca, bài hát mang âm hưởng dân ca vào tiết dạy môn tự chọn chương trình môn học Âm nhạc (tự chọn), ngoài ra, một số đơn vị trường học đã kết hợp các hoạt động ngoại khóa với các hoạt động trải nghiệm làng nghề truyền thống, trò chơi dân gian, các hoạt động giao lưu VHVN với chủ đề em yêu làn điệu dân ca... qua đó đã góp phần nâng cao ý thức cho học sinh trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị văn hoá truyền thống của cha ông.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc theo quy định phân cấp quản lý. Công tác sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc được giữ gìn và phát huy, việc lưu giữ các làn điệu dân ca, dân vũ các dân tộc tại địa phương luôn được các cấp, các ngành và Nhân dân quan tâm, duy trì và phát triển. Phòng VHKT&TT tích cực tham mưu cho UBND huyện về công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, xây dựng đội ngũ làm công tác văn hóa; hằng năm, lồng ghép các nội dung về công tác Du lịch cho đội ngũ cán bộ văn hóa được tập huấn thường xuyên; việc phát huy vai trò của các nghệ nhân trong bảo tồn văn hóa dân tộc luôn được huyện quan tâm, chú trọng. Thông qua các hoạt động sáng tác, truyền dạy các làn điệu dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống cho lớp cháu con các nghệ nhân dân tộc thiểu số đã trở thành hạt nhân nóng cốt trong việc giữ gìn, bảo tồn phát huy văn hóa dân tộc⁸¹. Thực hiện quan điểm của Đảng “đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững”, những năm qua, Phòng VHKT&TT đã tích cực tham mưu UBND huyện quan tâm, đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa; song song với sử dụng hiệu quả các nguồn vốn

⁸¹ Tiêu biểu: nghệ nhân Bế Bích Dơ - Thị trấn Xuân Hòa sáng tác 7 bài hát then, đàn tính, truyền dạy được 60 người; hội viên Chi hội bảo tồn dân ca huyện Nguyễn Thị Hồng Vân - Thị trấn Thông Nông truyền dạy hơn 30 người; hội viên Dương Văn Tu - xã Mã Ba là một người tâm huyết với công tác gìn giữ nét đẹp văn hóa dân tộc với làn điệu lượn Mông, múa Khèn đã truyền dạy cho hơn 10 người,...

của trung ương, của tỉnh thì huyện huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển văn hóa như: hiến đất xây nhà văn hóa; duy trì, tổ chức hoạt động của các đội văn nghệ, câu lạc bộ thể thao, giải đấu thể thao ở cơ sở... phát huy tốt nhất nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 với nhiệm vụ thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch". Kết quả từ năm 2021 đến nay, huyện đã hỗ trợ đầu tư theo từng giai đoạn tại 03 điểm du lịch trên địa bàn xã Trường Hà, Ngọc Động, Thanh Long; tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao năng lực bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc gắn với phát triển du lịch; tổ chức được 04 lớp truyền dạy các làn điệu dân ca, xây dựng được 02 mô hình hát then – đàn tính, triển khai các nội dung quảng bá, giới thiệu tiềm năng và các giá trị văn hóa tiêu biểu trên địa bàn đến đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh... Tổng kinh phí hỗ trợ đầu tư du lịch và thực hiện công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch du lịch trong cả nhiệm kỳ là hơn 13 tỷ. Nhờ việc quan tâm thực hiện công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn liền với phát triển du lịch, công tác phát triển du lịch của huyện Hà Quảng ngày càng có nhiều điểm sáng, chỉ tính riêng năm 2024: Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó tổ chức đón tiếp, phục vụ 215.253 lượt khách tham quan, trong đó 980 lượt khách quốc tế; trong 3 tháng đầu năm 2025, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó phục vụ đón tiếp được 235 đoàn khách với tổng số 38.048 lượt người, trong đó có 741 lượt khách quốc tế. Việc kết hợp, thực hiện lồng ghép các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với các dự án văn hóa với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển văn hóa, thể thao, du lịch trong thời gian qua đã góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc trên địa bàn trong thời kỳ mới, tạo động lực phát triển văn hóa gắn với du lịch, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, trên địa bàn huyện.

Nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hoá, du lịch trong thời kỳ mới: *Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau*" thì bên cạnh việc quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực thì một trong những giải pháp góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy quảng bá du lịch không thể thiếu vai trò của truyền thông và hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; trong đó việc quảng bá về văn hoá, du lịch thông qua các tác phẩm nghệ thuật có ý nghĩa hết sức quan trọng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay cùng với văn chương, nhiếp ảnh nghệ thuật, lĩnh vực âm nhạc chính là "sứ giả" đắc lực góp phần quảng bá về quê hương, đất nước và con người. Chính vì vậy, huyện đã tập trung tổ chức các hoạt động văn hoá thông qua lễ hội, hội thi hát dân ca - trình diễn trang phục dân tộc; các hoạt động

VHVN chào mừng các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước⁸², tiêu biểu: Lễ hội về nguồn Pác Bó, Ngày hội văn hóa dân tộc Mông, Đêm hội hát then – đàn tính; Chương trình Liên hoan văn hoá – Hành trình nối nhịp quê hương; Đêm hội sắc màu dân tộc; Hội thi Thanh thiếu nhi với bản sắc văn hoá các dân tộc...; khảo sát và mở các lớp truyền dạy dân ca, hỗ trợ hoạt động các đội văn nghệ quần chúng tiêu biểu; tổ chức thành công Đại hội đại biểu chi hội bảo tồn dân ca các dân tộc huyện Hà Quảng lần thứ II, nhiệm kỳ 2023 - 2028... Trong tháng 4/2025 Phòng VHKKH&TT phối hợp với Hội Văn học nghệ thuật tỉnh tổ chức Trại sáng tạo nghệ thuật về văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Hà Quảng với sự tham gia của 15 văn nghệ sỹ khu vực phía bắc, cùng với các văn nghệ sỹ do Hội văn học nghệ thuật tỉnh giới thiệu – Đây là 1 hoạt động mang dấu ấn quan trọng, góp phần tích cực trong việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá trên quê hương cội nguồn cách mạng; đồng thời là kênh quảng bá giá trị văn hóa, tinh thần của cộng đồng trên địa bàn, góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa mang bản sắc dân tộc và đặc trưng văn hóa của con người Hà Quảng đến với đông đảo bạn bè trong và ngoài tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

Hiện nay một số phong tục tập quán của đồng bào dân tộc có sự đổi thay; tập quán về ăn, uống, trang phục, ngôn ngữ, hôn nhân có xu hướng chuyển sang phong cách hiện đại thay cho các tập tục truyền thống; văn hóa cư trú, nếp nhà cũng thay đổi; các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống đang có nguy cơ bị mất dần, xen vào đó những yếu tố đã được cải biên, chưa phù hợp. Một bộ phận nhỏ đồng bào các dân tộc, nhất là thế hệ trẻ tập trung phát triển kinh tế, chưa thực sự chú trọng công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

Nguồn kinh phí còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào nguồn cấp từ Trung ương, của Tỉnh nên tính chủ động của địa phương còn hạn chế; đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, du lịch còn mỏng, thiếu về số lượng và chuyên môn nghiệp vụ; cơ sở hạ tầng du lịch như khách sạn, nhà hàng chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách; chưa xây dựng được các sản phẩm du lịch độc đáo, có sức cạnh tranh cao để thu hút du khách trong và ngoài nước.

⁸² Trong giai đoạn 2021 - 2024, huyện đã tổ chức hơn 23 hoạt động VHVN gắn với các địa danh, danh lam thắng cảnh tại địa phương⁸²; Năm 2022 phối hợp với Đoàn làm phim tài liệu Trung tâm báo chí và hợp tác Truyền thông quốc tế - Cục thông tin đối ngoại, Bộ TTTT xây dựng phim tài liệu tuyên truyền quảng bá sản phẩm du lịch (Khẩu sli Nà Giàng) và các điểm danh lam, thắng cảnh trên địa bàn huyện; Phối hợp với đoàn làm phim Kênh Nông nghiệp - Nông thôn - Nông dân (VTC16) thực hiện chương trình sản xuất phim tài liệu quảng bá tiềm năng, thế mạnh phát triển du lịch trên địa bàn huyện Hà Quảng; Phối hợp với viện Ngôn ngữ học thực hiện điều tra, nghiên cứu về ngôn ngữ Nùng văn (Nùng Thôn) để có phương án bảo tồn. Năm 2023, huyện xây dựng được 4 video, trong đó có 01 video về nghề vẽ tranh thờ của dân tộc Dao tại xã Thanh Long và 3 video quảng bá về du lịch, về các điểm di tích, các điểm CVĐC trên địa bàn huyện. Năm 2024 huyện phối hợp với Bảo tàng tỉnh trưng bày 50 ảnh giới thiệu về văn hóa, truyền thống, các phong tục tập quán của người Nùng văn tại Lễ hội về nguồn Pác Bó; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh xây dựng kế hoạch sản xuất video, clip ngắn quảng bá du lịch huyện trên các trang mạng xã hội, kết quả xây dựng được 09 video clip...

Văn hóa là tài sản tinh thần quý giá nhất của mỗi dân tộc, có sức mạnh nội sinh to lớn, giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, dưới sự tác động của đời sống kinh tế, xã hội, nhất là trong giai đoạn hội nhập quốc tế, bùng nổ thông tin hiện nay, sự giao thoa, du nhập văn hóa của các vùng miền đang có những tác động không nhỏ tới văn hóa bản địa. Trước tình hình trên, để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, là cơ quan tham mưu thực hiện, trong thời gian tới tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền; phát huy sự chủ động, tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn huyện.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; xây dựng hình ảnh đẹp, ấn tượng trong việc cưới, việc tang, lễ hội, đẩy lùi hủ tục lạc hậu, các tệ nạn cờ bạc, ma túy; Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân chủ động tham gia các hoạt động văn hóa cộng đồng; xây dựng các tổ, đội văn nghệ ở các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, trường học, điểm dân cư tại các thôn, xóm, TDP; thường xuyên tổ chức chương trình giao lưu văn hoá các dân tộc gắn liền với việc thể hiện trang phục truyền thống, âm nhạc truyền thống... lồng ghép với các hoạt động lễ hội tại địa phương, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh rà soát, thống kê toàn bộ các loại hình văn hóa để có các giải pháp cụ thể trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá đặc biệt là gắn việc bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với xây dựng hệ thống du lịch ở địa phương, để các hoạt động này nhanh chóng trở thành những sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn.

Thứ tư, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ chuyên trách về lĩnh vực văn hóa và du lịch, chú trọng việc truyền dạy nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ kế thừa bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình; khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu sâu, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể và vật thể; áp dụng các biện pháp cần thiết của chính quyền các cấp để bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, ngăn chặn nguy cơ làm mai một, sai lệch hoặc thất truyền.

Thứ năm, tăng cường giới thiệu, quảng bá văn hóa, hình ảnh vùng đất, lịch sử, con người Hà Quảng; huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa; khai thác tiềm năng di tích gắn kết giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Chủ động tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Đổi mới các hoạt động văn hóa phù hợp với sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của thời kỳ chuyển đổi số và phát triển công nghiệp văn hóa.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGHỆ NHÂN DÂN GIAN TRONG VIỆC GIỮ GÌN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG HOÀ

Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện Quảng Hoà

Quảng Hòa là một huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng 37 km theo quốc lộ số 3, toàn huyện có 19 xã, thị trấn; tổng dân số 66.620 người, gồm các dân tộc Nùng, Tày, Kinh, Mông cùng sinh sống, cư trú tại 183 xóm, tổ dân phố. Huyện có đường biên giới dài 22,707km tiếp giáp với huyện Long Châu (Sùng Tả, Quảng Tây) Trung Quốc; có cửa khẩu Tà Lùng - nơi đi lại, giao thương giữa hai địa phương của hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

Là địa phương có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, trên 90% là dân tộc thiểu số do đó nền văn hóa truyền thống được thể hiện rõ nét trong đời sống sinh hoạt thường ngày như: công cụ sản xuất, trang phục, ngôn ngữ, ẩm thực; nhất là các làn điệu dân ca mang đậm bản sắc vùng miền, dân tộc. Các làn điệu dân ca được cha ông ta sáng tạo nên là một tài sản tinh thần vô cùng quý giá, thể hiện qua những câu hát ru; lời mời gọi, đón khách; hát giao duyên của đôi lứa; thể hiện tình yêu quê hương đất nước...được lưu truyền từ đời này sang đời khác thông qua số ít tư liệu bằng sách vở, chủ yếu bằng phương pháp truyền miệng.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Quảng Hòa đã có nhiều cố gắng nỗ lực trong công tác chỉ đạo, thực hiện bảo tồn và phát huy các làn điệu dân ca dân tộc, tuy nhiên việc thể hiện, lưu giữ các làn điệu dân ca đã dần bị mai một, thậm chí có nguy cơ bị mất đi vĩnh viễn do nhiều yếu tố tác động. Trong đó có tác động của điều kiện kinh tế - xã hội; công tác quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng...

Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa, văn học - nghệ thuật, dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống được nghiên cứu sưu tầm khôi phục và phát huy giá trị, như: Hát then, hát sli, hát lượn; các lễ hội truyền thống như: Lễ hội Pháo hoa, Lễ hội Nàng Hai, Lễ hội Lồng tồng, Hội Thanh Minh; Lễ cấp sắc, phong tục của một số dân tộc thiểu số: Tày, Nùng... Về phong tục tập quán, tín ngưỡng, mỗi dân tộc đều có nếp sinh hoạt riêng cùng với các quy định nghi lễ của vòng đời con người từ khi sinh ra cho đến khi khuất núi. Quảng Hòa cũng là vùng đất có nhiều lễ hội truyền thống độc đáo, phong phú, nổi bật nhất là các loại hình lễ hội đền, chùa, lễ hội mừng chiến thắng... đặc biệt Lễ hội Pháo hoa thị trấn Quảng Uyên được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Nền văn hóa ẩm thực phong phú với nhiều món ăn ngon bổ dưỡng, như: thạch mát púp, bánh cuốn, lạp sườn, kẹo lạc,...

Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được quan tâm, chú trọng thực hiện. Huyện đã thành lập và duy trì hoạt động của 20 Phân chi hội bảo tồn dân ca các dân tộc các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị; thành lập được 131 đội văn nghệ quần chúng tại 14/19 xã thị trấn; tổ chức ra mắt được trên 65 Câu lạc bộ hát dân ca, dân vũ tại các xã, thị trấn. Từ đầu năm 2024 đến nay, tổ chức được 02 lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể: Hát then Đàn tính” tại thị trấn Hòa Thuận và Lớp truyền dạy thổi khèn, múa dân tộc Mông tại xã Phi Hải; Triển khai xây dựng mô hình Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân tộc Mông tại xã Mỹ Hưng huyện Quảng Hòa; Phối hợp với Trung tâm Văn hóa và Thông tin Du lịch tỉnh Xây dựng 02 mô hình Câu lạc bộ hát Then, đàn Tính, hát dân ca, dân vũ tại xã Hạnh Phúc và thị trấn Hòa Thuận, 02 lớp truyền dạy nghề thủ công truyền thống: Đan lát, nhuộm chàm và khôi phục trang phục truyền thống; khôi phục nghề thủ công truyền thống của người Nùng an xã Phúc Sen.

Đối với công tác bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống: Hiện nay trên địa bàn huyện có 6 làng nghề truyền thống đang hoạt động ổn định và phát triển: Làng nghề rèn, làng làm hương Phja Thấp, làng làm giấy bản (xã Phúc Sen), Làng nghề làm đường phen Bó Tờ (thị trấn Hòa Thuận), làng làm nón lá, làng ngói âm dương (xã Tự Do). Ngoài ra, còn các làng nghề về dệt thổ cẩm, nhuộm vải chàm,... Đây là những làng nghề có lịch sử hình thành lâu đời, sản xuất những sản phẩm thủ công truyền thống. Các làng nghề tạo việc làm ổn định cho các hộ dân địa phương, là điều kiện để khai thác trở thành điểm đến tham quan, trải nghiệm du lịch. Hiện nay, huyện Quảng Hòa đang phối hợp với Ban quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng hướng dẫn các hộ dân tại các làng nghề làm giấy bản xã Phúc Sen và làng hương Phja Thấp sản xuất thử nghiệm các sản phẩm thủ công truyền thống phục vụ làm quà lưu niệm cho du khách tham quan.

Nghệ nhân có vị trí, vai trò rất quan trọng trong vốn di sản văn hóa dân tộc. Họ được coi là “báu vật nhân văn sống” trong việc duy trì sự tồn tại và phát triển của di sản văn hóa phi vật thể bằng cách trực tiếp tham gia sáng tạo, lưu giữ, truyền dạy và phát huy giá trị văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hiện nay trên địa bàn huyện có 02 nghệ nhân ưu tú thuộc lĩnh vực thực hành do sản hát then đàn tính và dân ca là bà Nông Thị Ngần (thị trấn Quảng Uyên) và ông Bế Sơn Trung (xã Bế Văn Đàn). Nghệ nhân, người có uy tín là những người có kinh nghiệm với vốn sống và đạo đức chuẩn mực, là tấm gương sáng quy tụ, trở thành "trụ cột" của bản làng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển mạnh mẽ của đất nước, các giá trị văn hóa truyền thống bị tác động bởi những giá trị văn hóa mới. Đứng trước những thách thức của quá trình phát triển, đội ngũ nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng là sợi dây níu giữ các yếu tố bản địa, đặc trưng và sắc thái văn hóa riêng của dân tộc mình không bị hòa tan. Là người kế tục các di sản, là linh hồn của cộng đồng dân cư, những nghệ nhân còn là kho tư liệu đồ sộ, "cơ sở dữ liệu" văn hóa vật thể và phi vật thể, phản ánh, thực hành và

truyền dạy các giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa tộc người. Việc nhìn nhận đúng vai trò của nghệ nhân trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của cộng đồng tộc người càng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam.

Là chủ thể sáng tạo của di sản, đồng thời là một thành viên trong cộng đồng dân cư, nghệ nhân có thể là những nghệ sĩ, những người thợ giỏi, nắm bí quyết nghề được cộng đồng tin tưởng. Với khả năng thực hành nghệ thuật di sản xướng và cả nghề truyền thống, họ miệt mài cống hiến, sáng tạo, truyền dạy điệu dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống cho lớp cháu con. Trong xây dựng đời sống văn hóa hiện nay, thông qua lao động, học tập, các nghệ nhân tiếp tục khẳng định vai trò, truyền đạt giúp người dân thay đổi nhận thức, bài trừ và đẩy lùi các hủ tục lạc hậu như ma chay nhiều ngày, tục cướp vợ, hôn nhân cận huyết... Họ còn nắm bắt tâm tư nguyện vọng và tham gia cùng cộng đồng tháo gỡ khó khăn, dạy dỗ, bảo ban thế hệ trẻ lòng tự hào và trách nhiệm về bản sắc văn hóa riêng có của dân tộc mình, từ đó vận động mọi người chung tay xóa đói, giảm nghèo, gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình.

Trước xu thế giao lưu và hội nhập mạnh mẽ, số nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng ít dần đi mà không có lớp kế cận. Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, bên cạnh vai trò quản lý và định hướng của Nhà nước, các chính sách hiệu quả về bảo tồn văn hóa, di sản... cần có những cơ chế đặc thù đãi ngộ, động viên và tôn vinh đội ngũ nghệ nhân kịp thời, để họ phát huy mọi khả năng đóng góp cho công tác bảo tồn văn hóa truyền thống. Những chính sách này sẽ góp phần phát huy vai trò, tính sáng tạo của nghệ nhân trong bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời giúp họ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác bảo tồn di sản cho đội ngũ kế cận.

Do vậy, cần thường xuyên tạo điều kiện để các nghệ nhân, người có uy tín giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về cách làm hay, mô hình hiệu quả trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc Việt Nam; giúp họ nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của mình trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mình, ý thức được tầm quan trọng việc trao truyền cho thế hệ sau, thể hiện bản lĩnh thông qua việc lựa chọn và bảo vệ những giá trị di sản văn hóa tộc người, địa phương trước sự xâm lấn văn hóa.



PHÁT BIỂU KẾT LUẬN TỌA ĐÀM KHOA HỌC
Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng
50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025):
Thành tựu và định hướng phát triển

Đồng chí Bé Thanh Tịnh,
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ,
Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Kính thưa quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ!

Thưa toàn thể các đồng chí!

Sau một buổi làm việc nghiêm túc, hiệu quả và đầy tâm huyết tại buổi Tọa đàm "*Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025): Thành tựu và định hướng phát triển*" do Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ tổ chức diễn ra thành công tốt đẹp.

Tại buổi tọa đàm hôm nay, chúng ta vinh dự được đón tiếp nhà văn Cao Duy Sơn, Phó Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) các dân tộc thiểu số Việt Nam; Tiến sĩ Đỗ Thị Thu Huyền, Tạp chí Lý luận, phê bình VHNT - Hội đồng Lý luận Trung ương; đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội VHNT tỉnh và một số sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; đại diện Thường trực các huyện, thành uỷ; các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ có tham luận. Các đại biểu trình bày tham luận và trao đổi tại buổi Tọa đàm đã làm rõ những thành quả; thẳng thắn nhìn nhận thực tiễn nền VHNT tỉnh nhà; đồng thời đề xuất những giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục xây dựng, phát triển nền VHNT các dân tộc thiểu số Cao Bằng trong thời gian tới. Đây là sự kiện quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc đối với nền VHNT tỉnh nhà, giúp chúng ta nhìn lại chặng đường xây dựng và phát triển trong 50 năm qua, đồng thời xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển cho những năm tiếp theo.

Có thể khẳng định 50 năm qua, đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng đã tích cực, đam mê sáng tạo, cống hiến và đạt nhiều thành quả nổi bật. Qua đó, đã góp phần tạo nên những di sản văn hóa, vùng đất văn hóa đa sắc tộc và một nền VHNT đậm đà bản sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được nền VHNT tỉnh Cao Bằng còn gặp một số khó khăn, thách thức như: đối diện với thách thức về cơ chế, điều kiện sáng tác, đến việc thích nghi với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, mạng xã hội và thị hiếu công chúng ngày càng đa dạng; chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các dân tộc ở một số địa phương trên địa bàn chưa được quan tâm đúng mức; VHNT chưa thực sự gắn với du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương; các công trình văn hóa phục vụ hoạt động biểu

diễn, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của Nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu; lực lượng làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình về VHNT còn thiếu, chưa theo kịp thực tiễn; công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương trong công tác tuyên truyền chưa được thường xuyên; hiệu quả chưa cao; việc phổ biến, quảng bá các tác phẩm VHNT truyền thống gặp nhiều khó khăn, trong khi các xu hướng mới như sáng tác trên nền tảng số, nghệ thuật đa phương tiện chưa được khai thác một cách hiệu quả,...

Kính thưa các đồng chí!

Trên cơ sở những phân tích thực trạng và thành tựu nền VHNT các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất; tại buổi Tọa đàm các đại biểu có nhiều đề xuất, nhiều định hướng quan trọng, nhằm phát triển VHNT Cao Bằng trong giai đoạn phát triển mới, các cấp uỷ, chính quyền, các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ cần tập trung một số nội dung trọng tâm trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về văn hoá, VHNT; trọng tâm là Kết luận số 84-KL/TW, ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW; Kế hoạch số 370-KH/TU, ngày 27/9/2024 của Tỉnh uỷ về triển khai thực hiện Kết luận số 84-KL/TW; tăng cường quản lý Nhà nước về VHNT; quan tâm thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng các tài năng trẻ, những nghệ sĩ có trách nhiệm với cộng đồng, các thế hệ trẻ; khát vọng cống hiến, vươn lên góp phần đưa nền VHNT tỉnh Cao Bằng phát triển bền vững.

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương; huy động sự tham gia của các hội chuyên ngành, câu lạc bộ quần chúng trong thực hiện nhiệm vụ VHNT; nhằm tạo sự chuyển biến toàn diện trong lĩnh vực VHNT trên địa bàn tỉnh, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân.

Ba là, thường xuyên mở các trại sáng tác, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, các cuộc thi sáng tác chuyên đề chất lượng; quan tâm, dành nguồn lực đầu tư phát triển VHNT tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới.

Bốn là, tăng đầu tư kinh phí và đẩy mạnh xã hội hóa tạo nguồn lực cho hoạt động VHNT; có chính sách đặc thù bồi dưỡng, thu hút nhân tài nhằm tạo ra những tác phẩm giá trị, góp phần quảng bá vẻ đẹp con người, vùng đất Cao Bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Năm là, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động VHNT; đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh chủ động tiếp cận, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác các nền tảng số, mạng xã hội, tăng cường giao lưu, hợp tác sâu rộng về VHNT; lan tỏa các tác phẩm VHNT chất lượng đến bạn bè trong nước và quốc tế; góp phần quảng bá vẻ đẹp con người, vùng đất Cao Bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Kính thưa các đồng chí!

Tọa đàm khoa học hôm nay không chỉ là dịp để tổng kết chặng đường VHNT các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025), mà còn là cơ sở quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước về VHNT và đội ngũ văn nghệ sĩ vận dụng vào thực tiễn; đồng thời mở ra những hướng đi mới, giúp chúng ta có những tầm nhìn toàn diện hơn về những cơ hội và thách thức trong thời gian tới. Với sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, ngành, sự nỗ lực của đội ngũ văn nghệ sĩ và sự ủng hộ của Nhân dân, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng rằng VHNT các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ với những bước tiến vững chắc; đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, đồng thời khẳng định vị trí của mình trong nền VHNT nước nhà.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ đã tham dự và có những đóng góp tích cực cho thành công buổi Tọa đàm hôm nay. Hy vọng rằng, những kết quả của buổi Tọa đàm khoa học là tiền đề vững chắc để chúng ta tiếp tục nghiên cứu, sáng tạo và phát triển VHNT trong những năm tiếp theo.

Xin chúc các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!



MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
I	PHÁT BIỂU KHAI MẠC TỌA ĐÀM KHOA HỌC	2
II	BÁO CÁO ĐỀ DẪN TỌA ĐÀM KHOA HỌC	5
III	BÁO CÁO TỔNG KẾT 50 NĂM NỀN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CAO BẰNG SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT (30/4/1975 - 30/4/2025)	10
IV	THAM LUẬN CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN	38
1	<i>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nền văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975-30/4/2025); nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới.</i> Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	39
2	<i>Phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ văn nghệ sĩ Cao Bằng trong triển khai xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.</i> Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Cao Bằng	46
3	<i>Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng 50 năm sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975-30/4/2025): Dấu ấn và định hướng phát triển.</i> Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cao Bằng	53
4	<i>Vai trò của Đoàn thanh niên trong phát hiện, ươm mầm tài năng nghệ thuật trẻ.</i> Tỉnh đoàn Thanh niên Cao Bằng	60
5	<i>Văn học nghệ thuật trong nhà trường, góp phần định hình nhân cách cao đẹp cho học sinh, sinh viên.</i> Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng	64
6	<i>Báo chí Cao Bằng góp phần lan tỏa giá trị các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến với công chúng.</i> Báo Cao Bằng	69
7	<i>Kiến trúc và quy hoạch tỉnh Cao Bằng từ 1975 đến nay gìn giữ bản</i>	72

	<i>sắc, vươn tầm bền vững.</i> Hội Kiến trúc sư tỉnh Cao Bằng	
8	<i>Nâng cao chất lượng hoạt động biểu diễn nghệ thuật gắn với việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</i> Đoàn Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng	80
9	<i>Văn học nghệ thuật các dân tộc Cao Bằng 50 năm tiếp nối, phát triển.</i> Nhà văn Cao Duy Sơn	85
10	<i>Thực trạng lý luận phê bình của văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số hiện nay và một số triển vọng nhìn từ địa phương.</i> Tiến sĩ Đỗ Thị Thu Huyền	91
11	<i>Gìn giữ và phát huy ngôn ngữ dân tộc tày Cao Bằng trong thời kỳ đổi mới.</i> Thạc sĩ Đỗ Thị Diễm	97
12	<i>Tuyên truyền quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số Cao Bằng qua các tác phẩm Mỹ thuật.</i> Hoạ sĩ Đặng Quốc Tự	103
13	<i>Những đóng góp của Nghệ nhân trong việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng.</i> Nghệ nhân ưu tú Đình Trọng Thức	106
14	<i>Công tác giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trên địa bàn huyện Hà Quảng.</i> Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện Hà Quảng	109
15	<i>Phát huy vai trò của nghệ nhân dân gian trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn huyện Quảng Hoà.</i> Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện Quảng Hoà	115
V	PHÁT BIỂU KẾT LUẬN TỌA ĐÀM KHOA HỌC	118
VI	MỤC LỤC	121